

HỢP TÁC XÃ HÀ LONG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA XƯỞNG CHẾ BIẾN LÂM SẢN HÀ LONG, SẢN XUẤT
GIẤY KRAFT CÔNG SUẤT 1.500 TẤN SẢN PHẨM/NĂM
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ NGHIỆM, HUYỆN QUAN HOÁ, TỈNH THANH HÓA**

Thanh Hoá, tháng 06 năm 2025

HỢP TÁC XÃ HÀ LONG

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**CỦA XƯỞNG CHẾ BIẾN LÂM SẢN HÀ LONG, SẢN XUẤT
GIẤY KRAFT CÔNG SUẤT 1.500 TẤN SẢN PHẨM/NĂM
ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ NGHIÊM, HUYỆN QUAN HOÁ, TỈNH THANH HÓA**



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thọ Sửu

Thanh Hoá, tháng 06 năm 2025

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1. Tên chủ cơ sở	6
2. Tên cơ sở	6
2.1. Vị trí địa lý	6
2.2. Hạng mục công trình của cơ sở	7
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở	10
3.1. Công suất của cơ sở	11
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở	11
Danh mục máy móc, thiết bị	13
3.3. Sản phẩm của cơ sở	13
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở	13
4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu của cơ sở	13
4.2. Nhu cầu sử dụng điện	14
4.3. Nhu cầu sử dụng nước	15
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	16
CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	19
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	19
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	19
CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	20
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	20
1.1. Thu gom, thoát nước mưa	20
1.2. Thu gom, thoát nước thải	21
1.2.1. Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt	21
1.2.2. Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất	21
2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	30
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường	33
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	34
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	34
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành:	35
6.3. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do các sự cố khác:	38
a. Phương án phòng ngừa rủi ro, sự cố do cháy nổ	38
b. Biện pháp phòng chống sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất	39
7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	44
7.1. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt	44
CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	46
1. Nội dung đề nghị quản lý đối với nước thải	46
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	47
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	48

4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải	48
CHƯƠNG V. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	51
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.	51
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.	51
CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	53
1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã thực hiện.....	53
1.1. Kết quả đánh giá hiệu quả của công trình xử lý nước thải	53
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:	53
2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	54
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	54
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:.....	54
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan.	54
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	54
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA	56
VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	56
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	57
PHỤ LỤC BÁO CÁO	58

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên Môi trường
BYT	: Bộ Y tế
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CHXHCN	: Cộng hòa xã hội chủ nghĩa
CTNH	: Chất thải nguy hại
ĐTM	: Đánh giá tác động môi trường
KTHT	: Kinh tế hạ tầng
HTXL	: Hệ thống xử lý
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
QĐ	: Quyết định
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
QCCP	: Quy chuẩn cho phép
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
XLNT	: Xử lý nước thải
STNMT	: Sở Tài nguyên Môi trường
UBND	: Ủy ban nhân dân
CHC	: Chlorinated Hydrocarbon

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Tổng hợp các mốc giới phạm vi của cơ sở	6
Bảng 2. Các hạng mục công trình của cơ sở	7
Bảng 3. Danh mục máy móc xưởng sản xuất.....	13
Bảng 4. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ việc sản xuất tại cơ sở	13
Bảng 5. Nhu cầu hóa chất phục vụ việc sản xuất tại cơ sở	14
Bảng 6. Nhu cầu nhiên liệu phục vụ việc sản xuất tại cơ sở.....	14
Bảng 7. Nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất.....	14
Bảng 8: Tính toán lượng nước cấp cho chữa cháy	16
Bảng 11. Danh mục máy công trình trạm XLNT tập trung của cơ sở	27
Bảng 12. Hóa chất phục vụ hệ thống XLNT tập trung.....	30
Bảng 13. Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các công trình xử lý khí thải đã xây lắp tại cơ sở.....	31
Bảng 14. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở	34
Bảng 15. Tóm tắt các sự cố xảy ra trong quá trình XLNT và cách khắc phục	36
Bảng 16. Số lượng các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của cơ sở	38
Bảng 17. Kế hoạch và nội dung kiểm tra, giám sát.....	40
Bảng 18. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải	51
Bảng 19. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải	51
Bảng 20: Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc (mẫu tổ hợp)	53
Bảng 21: Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc (mẫu đơn).....	53
Bảng 22. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở	54
Bảng 23. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm	54

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1. Quy trình sản xuất Giấy kraft kèm dòng thải tại cơ sở.....	11
Hình 2. Sơ đồ quản lý chung của cơ sở	18
Hình 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước mưa	20
Hình 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải	21
Hình 5. Sơ đồ phân dòng nước thải của cơ sở.....	22

Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Hợp tác xã Hà Long.

- Địa chỉ văn phòng: Xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ cơ sở:

Ông Nguyễn Thọ Hà

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Điện thoại: 0367.222.686;

E-mail:

- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mã số 2800789228 do Phòng Tài chính – Kế hoạch – UBND huyện Quan Hoá cấp. Đăng ký lần đầu ngày 31/12/2003, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/5/2020.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm

- Địa điểm thực hiện cơ sở: xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

2.1. Vị trí địa lý

- Xưởng sản xuất hoạt động trên địa bàn xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa có tổng diện tích là 6.050,6 m² (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số DI 593424 ngày 24/5/2023 do UBND tỉnh Thanh Hoá cấp). Có ranh giới khu đất tiếp giáp với các hướng như sau:

- + Phía Bắc giáp bờ sông Mã;
- + Phía Nam giáp đường Quốc lộ 15A;
- + Phía Tây giáp đất lâm nghiệp;
- + Phía Đông giáp khu dân cư

- Khu vực cơ sở được khống chế bởi hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiều 3⁰ được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1. Tổng hợp các mốc giới phạm vi của cơ sở

STT	Điểm	Khu vực được cấp phép	
		Hệ tọa độ VN 2000	
		X	Y
1	M1	2250119.2532	516248.7960
2	M2	2250113.1081	516262.4318
3	M3	2250104.8864	516280.6655
4	M4	2250096.6888	516298.8602
5	M5	2250088.4457	516317.1371
6	M6	2250080.2264	516335.3655
7	M7	2250071.9977	516353.6226

8	M8	2250064.6139	516370.0178
9	M9	2250055.1572	516390.5193
10	M10	2250054.2811	516392.2076
11	M11	2250106.0194	516411.6804
12	M12	2250139.6983	516259.0117

(*Nguồn: Bản vẽ mặt bằng điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500*)

2.2. Hạng mục công trình của cơ sở

Tình hình triển khai thi công xây dựng các hạng mục công trình của cơ sở trên diện tích 6.050,6 m² cụ thể như sau:

Bảng 2. Các hạng mục công trình của cơ sở

STT	Tên công trình	Theo thực tế xây dựng		
		Diện tích (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Kết cấu
1	Nhà ở công nhân	36,0	36,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
2	Xưởng xeo giấy	1.631,76	1.631,76	Khung thép, mái lợp tôn
3	Nhà điều hành	16,0	16,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
4	Nhà khách	12,0	12,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
5	Nhà thiết bị	12,0	12,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
6	Nhà ăn	24,0	24,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
7	Kho rác thải độc hại	12,0	12,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
8	Nhà vệ sinh	19,13	19,13	Tường xây gạch, mái lợp tôn
8.1	Nhà vệ sinh 1	12,0	12,0	Tường xây gạch, mái lợp tôn
8.2	Nhà vệ sinh 2	7,13	7,13	Tường xây gạch, mái lợp tôn
9	Kho hoá chất	12,4	12,4	Tường xây gạch, mái lợp tôn
10	Nhà để nồi hơi	236,66	236,66	Nền đổ bê tông, mái lợp tôn
11	Bể ngâm ủ nguyên liệu (Hiện trạng không còn sử dụng được cải tạo thành bể chứa nước thải)	336,11		Bê tông cốt thép

	sự cố			
11.1	Bể ngâm ủ nguyên liệu 1	114,0		Bê tông cốt thép
11.2	Bể ngâm ủ nguyên liệu 2	185,26		Bê tông cốt thép
11.3	Bể ngâm ủ nguyên liệu 3	36,15		Bê tông cốt thép
12	Nhà nghiền bột	46,75		Nền đổ bê tông, mái lợp tôn
13	Nhà xử lý dịch đen (Không còn sử dụng)	144,44		Nền đổ bê tông, mái lợp tôn
14	Nhà để nhiên, nguyên liệu	149,91		Nền đổ bê tông, mái lợp tôn
15	Bể sút (Không còn sử dụng)	7,1		-
16	Bể bùn chứa bột giấy	17,5		Bê tông cốt thép
17	Bàn cân	31,0		-
18	Khu vực bể nước sạch, bể xử lý nước, bể nước PCCC	324,0		Bê tông cốt thép
19	Bể chứa rác thải	10,5		Bê tông cốt thép
20	Sân bãi, đường bê tông nội bộ, cây xanh	2.971,77		-
Tổng		6.050,6		

(*Nguồn: Bản vẽ mặt bằng điều chỉnh quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500*)

2.3. Các văn bản pháp lý được phê duyệt

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: UBND UBND huyện Quan Hoá.

+ Quyết định số 385/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của Chủ tịch UBND huyện Quan Hoá về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long, tại xã Phú Nghiêem, huyện Quna Hoá, tỉnh Thanh Hoá

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

+ Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hoá về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cải tạo nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú Nghiêem, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá của Hợp tác xã Hà Long.

- Các văn bản pháp lý khác

+ Quyết định số 57/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc thu hồi đất và cho Hợp tác xã Hà Long thuê đất để thực hiện dự án Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã PhúNghiêem, huyện Quan Hoá

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 593424 ngày 24 tháng 05 năm 2023 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá cấp

+ Văn bản số 17246/UBND-NN ngày 01/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc Xác nhận Hợp tác xã Hà Long đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả vi phạm hành chính.

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

+ Tổng vốn đầu tư của cơ sở: 11.000.000.000 đồng. (*Bằng chữ: Mười một tỷ đồng*)

+ Nguồn vốn: Từ nguồn của chủ đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

Theo phân loại tại khoản 4 điều 9 và Khoản 3, điều 10 của Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024 và phụ lục I, Nghị định 40/2020/NĐ-CP Nghị định quy định chi tiết một số điều của luật đầu tư công: Cơ sở phân loại dự án nhóm B: cơ sở phân loại dự án nhóm C (*tổng mức đầu tư dưới 120 tỷ đồng*).

Cơ sở sản xuất giấy kraft có công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm thuộc danh mục các dự án đầu tư nhóm II có nguy cơ tác động xấu đến môi trường quy định tại khoản 4 điều 28 Luật bảo vệ môi trường tại STT 1, Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2024/NĐ-CP ngày 06/01/2025 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

→ Cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa do đã được UBND tỉnh Thanh Hoá Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 Dự án Cải tạo nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1500 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá của Hợp tác xã Hà Long.

Cơ sở pháp lý của dự án

Thanh Hóa là tỉnh có diện tích tre luồng lớn nhất cả nước với hơn 71.375 ha; trong đó, có hơn 29.982 ha trồng thâm canh trên địa bàn các huyện Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Sơn, Quan Hoá, Thường Xuân, Cẩm Thủy. Tre luồng là cây trồng chủ lực, có tiềm năng lớn, gắn liền với đời sống đồng bào miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội, ổn định tình hình an ninh trật tự trên địa bàn.

Huyện Quan Hóa nằm phía Tây của tỉnh Thanh Hóa với lợi thế diện tích rừng tự

nhiên lớn thứ 2 toàn tỉnh lên đến 99.069,6 ha ngành nghề sản xuất chính của người dân chủ yếu dựa vào sản xuất Lâm nghiệp. Chính vì vậy việc khuyến khích các doanh nghiệp trên địa bàn huyện phát triển ngành nghề gắn với cây trồng lâm nghiệp của địa phương, tạo việc làm cho người dân địa phương, tạo đầu ra cho sản phẩm sản xuất lâm nghiệp của người dân, gắn kết người dân với việc trồng rừng và giữ rừng được chính quyền địa phương hết sức quan tâm.

Hợp tác xã Hà Long được thành lập theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 260E7000022 Do UBND huyện Quan Hóa cấp lần đầu ngày 31/12/2003, thay đổi lần thứ nhất 22/6/2011 thay đổi lần thứ hai ngày 12/5/2014. Năm 2006 HTX Hà Long đã đầu tư xưởng sản xuất chế biến đũa và bột giấy tại xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa công suất sản xuất 360 tấn đũa/năm, 300 tấn giấy Kraft /năm. Thực hiện các quy định pháp luật về Môi trường, HTX Hà Long đã lập Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường cho Xưởng sản xuất chế biến đũa và bột giấy tại xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa và được Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa cấp xác nhận số 114/TNMT-MTg, ngày 17/1/2006 Phiếu xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường.

Năm 2008, để tận dụng nguồn rác tre luồng từ sản xuất đũa, tăm tre, và các phế liệu cây luồng năm, HTX Hà Long đầu tư nâng công suất sản xuất giấy Kraft 1.200 tấn/năm. Thực hiện Luật Bảo vệ môi trường 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 01/4/2015 của Chính phủ, HTX Hà Long đã lập, Đề án bảo vệ môi trường đơn giản cho Dự án: Tái sản xuất, mở rộng sản xuất giấy và bột giấy của Hợp tác xã Hà Long tại Bản Chăm, xã Xuân Phú, huyện Quan Hóa và được UBND huyện Quan Hóa xác nhận tại văn bản số 288/UBND-TNMT ngày 14/4/2016 Giấy xác nhận đăng ký Đề án BVMT đơn giản.

Năm 2017, do yêu cầu của thị trường tiêu thụ HTX Hà Long đã nâng công suất sản xuất lên 1.500 tấn giấy Kraft/năm. Từ năm 2017 đến nay Xưởng chế biến lâm sản Hà Long không sản xuất đũa, chỉ hoạt động sản xuất giấy Kraft với công suất 1.500 tấn giấy Kraft /năm, nhưng chưa có báo cáo đánh giá tác động môi trường với công suất như trên được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

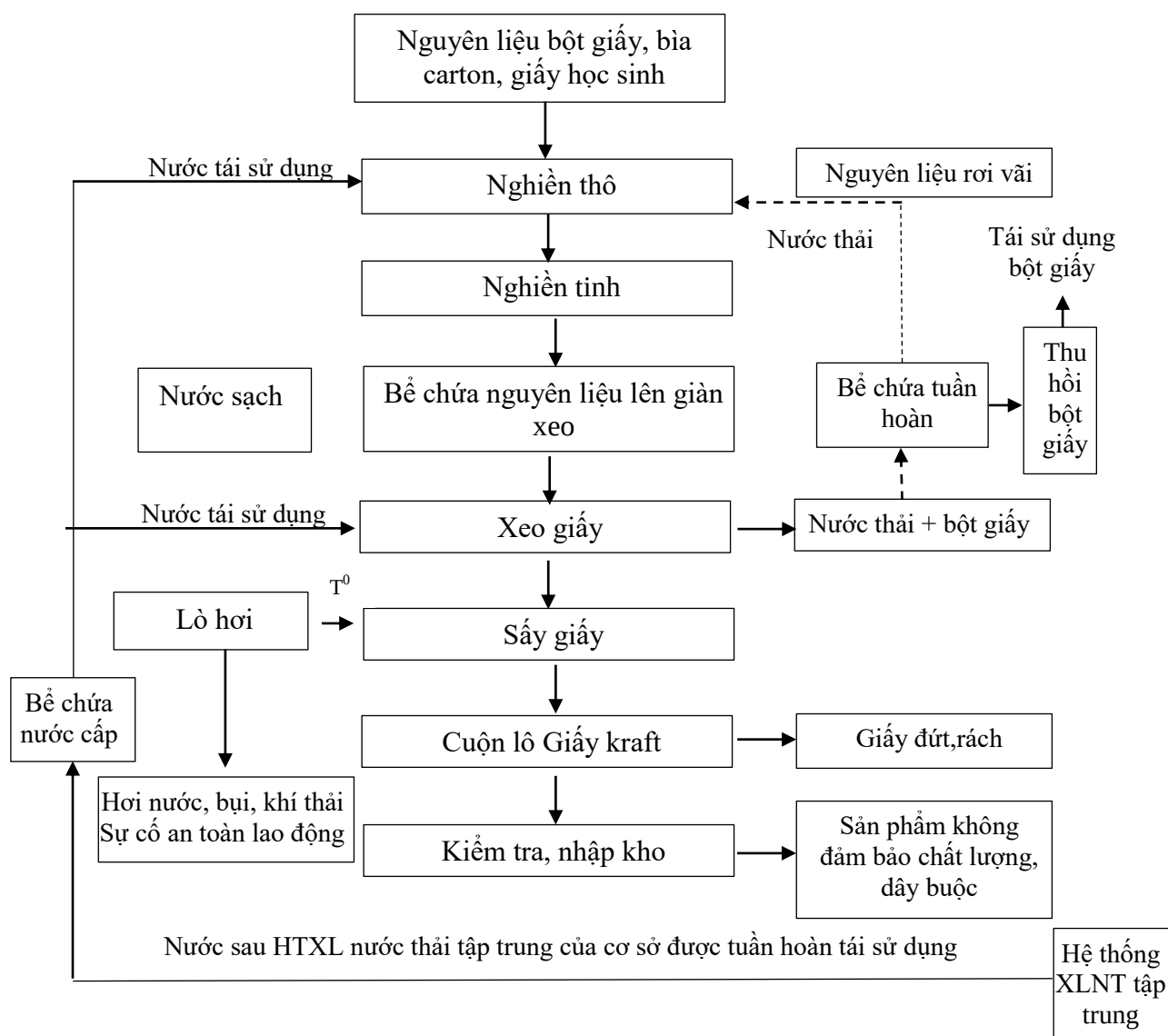
Để tháo gỡ khó khăn tồn tại nhiều năm qua trên địa bàn huyện Quan Hóa gây khó khăn trong công tác quản lý trên địa bàn, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, tạo dư luận xã hội ngày 09/09/2019 Sở TNMT tỉnh Thanh Hóa đã ra văn bản số 5280/STNMT-QLĐĐ để hướng dẫn các doanh nghiệp trên địa bàn huyện Quan Hóa trong đó có Xưởng chế biến lâm sản Hà Long hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án căn cứ theo luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014 và nghị định 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 về sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất của cơ sở

- Công suất sản xuất của cơ sở: Giấy kraft thành phẩm: 1.500 tấn sản phẩm/năm.
- Số lượng dây chuyền xeo giấy: 02 dây chuyền sản xuất (giàn xeo) Giấy kraft.

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở



Hình 1. Quy trình sản xuất Giấy kraft kèm dòng thải tại cơ sở
Thuyết minh sơ đồ như sau.

a. Nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu bột giấy, bìa carton, giấy học sinh được đưa về khu vực chứa nguyên liệu đầu vào để loại bỏ rác (băng dính, đinh ghim, dây buộc) trước khi sử dụng làm nguyên liệu sản xuất Giấy kraft. Hoạt động này phát sinh bụi. Nguyên liệu rơi vãi trong quá trình vận chuyển.

b. Nghiền thô

Xúc nguyên liệu đã loại bỏ rác vào bể nghiền thô. Nước cấp cho bể nghiền thô được lấy tuần hoàn từ công đoạn xeo giấy. Trong quá trình vận hành máy nghiền thô công nhân sẽ kiểm tra thường xuyên máy đo nồng độ để điều chỉnh đường nước và

nguyên liệu cho phù hợp (nếu bột loãng sẽ bổ sung nguyên liệu, và ngược lại). Sau khi rã được nghiền thô thành dạng huyền phù sẽ được dẫn sang ngăn bể lan có tua bin quay làm tơi bột để tăng hiệu quả cho cấp nước ở bể nghiền thô bơm lên máy nghiền tinh (nghiền đĩa).

c. Nghiền Đĩa

Bơm bột trong bể nghiền thô lên bồn áp lực chứa đặt ở trên cao, từ bồn chứa mở van cấp bột vào máy nghiền đĩa. Sau khi nghiền bột sẽ được dẫn xuống bể chứa cho hệ thống dao quay làm tơi bột. Từ bể chứa sẽ được bơm lên bồn để cấp vào máy xeo. Quá trình vận hành máy nghiền đĩa là bật hệ thống điện máy nghiền, quay dao cho xít với nhau, mở van bơm bột từ bồn chứa khi bột đã vào trong máy nghiền quay dao nghiền cho đến khi đồng hồ định mức chỉ đến mức cao. Khi tắt máy thì CN tắt bơm bột trước, nhả dao nghiền và tắt động cơ.

d. Bể chứa nguyên liệu lên giàn xeo

Bể chứa nguyên liệu lên giàn xeo: Tại đây nguyên liệu từ máy nghiền đĩa bơm vào bể trước khi bơm lên công đoạn xeo giấy. Sau khi màu đã tan đều bơm lên bồn chứa trên cao để cấp vào bể chứa bột bơm lên bể chứa nguyên liệu lên giàn xeo.

e. Xeo giấy.

Bột từ bể chứa sẽ được bơm trực tiếp lên máy xeo đến khi bột dâng lên lô lưới và được vớt lên chần. khởi động hệ thống hút chân không. Giấy từ chần sẽ đưa trực tiếp lên giàn sấy. Lượng bột và màu không dùng hết sẽ tràn qua hai lỗ biên và quay lại bể chứa ban đầu. Bật hệ thống vòi bơm nước sạch phun trực tiếp vào quả lô. nước thải từ máy xeo, dưới lô lưới sẽ được thoát ra qua hai bên và dưới quả lô cho chảy vào bể chứa. Điều chỉnh tốc độ máy xeo cùng với tốc độ của giàn sấy.

g. Đốt lò hơi.

Cho củi khô vào lò hơi 6 tấn/giờ với lượng khoảng 150 kg, đóng cửa giữ nhiệt. khoảng 15-20 phút kiểm tra và cho củi vào lò. Kiểm tra giấy từ giàn sấy ra nếu ẩm thì cần thêm củi và nếu giấy cháy thì mở cửa lò và cho ít củi. Định mức sử dụng củi 1 ngày tại cơ sở là 0,4714 tấn/1 tấn Giấy kraft thành phẩm. Lượng củi đốt được sử dụng theo nguyên tắc củi nhập về trước sẽ đốt trước. Củi được tập kết sẵn tại cơ sở, tránh hiện tượng thiếu củi trong quá trình vận hành lò hơi. Hơi nóng được bật quạt hút hút hơi nóng từ lò hơi đến khi đồng hồ báo lượng nhiệt cần thiết thì vận hành máy xeo và cho giấy vào giàn sấy.

Công đoạn này phát sinh tro lò từ công. đoạn đốt nguyên liệu để tạo nhiệt trị sấy giấy. Ngoài ra còn bụi, khí SO₂, CO₂, NO₂ thoát ra môi trường. Do đó để đảm bảo môi trường làm việc của công nhân xưởng sản xuất và môi trường xung quanh chủ đầu tư cần bố trí hệ thống thu, xử lý khí thải của lò hơi.

h. Cuộn giấy.

Bật công tắc máy cuộn lô, điều chỉnh tốc độ quả lô phù hợp với tốc độ quay của giàn sấy. Nếu trường hợp giấy bị xô ra hai biên thì dùng vô lăng điều chỉnh hợp lý. Khi giấy quả giấy đã đủ kích thước thì hạ giấy, tắt hệ thống điện máy cuộn, nhả hai quả tạ hai biên, rút thanh xút ở giữa và cho lên máy cuộn kéo hai mẫu quả tạ vào thanh xút bật tốc độ vòng quay nhanh đến khi giấy đã cuộn như bình thường thì điều chỉnh tốc độ chậm lại.

i. Kiểm tra, nhập kho.

Kiểm tra lại độ dày mỏng của giấy, độ sáng và kích thước của lô giấy. Lô giấy đạt tiêu chuẩn phải phù hợp các chỉ tiêu: Độ dày mỏng, độ sáng, kích thước, và cuộn phải đều ($d=89\text{cm}$). Sau khi đã kiểm tra xong tiến hành nhập kho, lô giấy phải được xếp đứng trên bale để nơi khô ráo tránh ánh nắng trực tiếp.

Danh mục máy móc, thiết bị

Hoạt động vận hành hiện trạng của xưởng với các loại máy móc, thiết bị chủ yếu sau:

Bảng 3. Danh mục máy móc xưởng sản xuất

STT	Tên trang thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	% giá trị khấu hao còn lại	Nguồn gốc
3	Máy nghiền thủy lực (2,0 tấn/h)	Cái	02	90	Đài Loan
4	Máy nghiền đĩa (2,0 tấn/h)	Cái	02	95	Đài Loan
5	Giàn xeo giấy (0,2 tấn/h)	Hệ thống	02	95	Đài Loan
6	Lò hơi 6 tấn hơi/giờ	Cái	02	90	Việt Nam
7	Máy cuộn giấy (3 cuộn/h)	Cái	02	95	Đài Loan
8	Máy xúc	Cái	01	95	Nhật Bản
9	Máy mài dao	Cái	01	95	Đài Loan
10	Máy bơm	Cái	10	90	Việt Nam
11	Máy đánh màu	Cái	01	90	Việt Nam
12	Máy phát điện dự phòng 30KVA	Cái	01	90	Việt Nam

3.3. Sản phẩm của cơ sở

- Sản phẩm của cơ sở gồm Giấy kraft thành phẩm: 1.500 tấn sản phẩm/năm

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên vật liệu của cơ sở

b. Nhu cầu nguyên nhiên vật liệu của cơ sở

- Nhu cầu nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất đối với hoạt động sản xuất của nhà máy:

Bảng 4. Nhu cầu nguyên liệu phục vụ việc sản xuất tại cơ sở

TT	Nhiên liệu	Quy mô sản phẩm	Định mức	Nguyên liệu tiêu thụ		Nguồn gốc
				Tấn/năm	Tấn/ngày	
Trường hợp không sử dụng bột giấy nguyên liệu (Sản phẩm chất lượng trung bình)						
1	Giấy bìa carton, giấy	1.500 tấn Giấy kraft	Q= (1,18 tấn nguyên liệu/1 tấn Giấy kraft	1.770	59,0	Các cơ sở thu mua phế liệu

	học sinh nhập về để sản xuất Giấy kraft	/năm	thành phẩm)			trên địa bàn tỉnh
Trường hợp có sử dụng bột giấy nguyên liệu (Sản phẩm chất lượng cao)						
1	Giấy bìa carton, giấy học sinh nhập về để sản xuất Giấy kraft (Chiếm 70%)	1.500 tấn Giấy kraft /năm	Q= (1,18 tấn nguyên liệu/1 tấn Giấy kraft thành phẩm)	1.239	41,3	Các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn tỉnh
1	Bột giấy (Chiếm 30%)		Q= (1,18 tấn nguyên liệu/1 tấn Giấy kraft thành phẩm)	531	17,7	Công ty Cổ phần giấy An Hoà, Công ty giấy Bãi Bằng,...

(Nguồn: Số liệu thống kê thực tế tại cơ sở)

Bảng 5. Nhu cầu hóa chất phục vụ việc sản xuất tại cơ sở

TT	Hóa chất	Định mức	Hóa chất tiêu thụ		Nguồn gốc
			Tấn/năm	Tấn/ngày	

(Nguồn: Số liệu thống kê thực tế tại cơ sở)

Bảng 6. Nhu cầu nhiên liệu phục vụ việc sản xuất tại cơ sở

TT	Nhiên liệu	Định mức	Nhiên liệu tiêu thụ		Nguồn gốc
			Tấn/năm	Tấn/ngày	
1	Củi cho lò hơi	471,4 kg/tấn Giấy kraft thành phẩm	707,1	1,94	Hộ dân sản xuất lâm nghiệp tại địa phương
2	Dầu DO chạy máy phát điện dự phòng	-	3,2	0,032	Cửa hàng xăng dầu tại địa phương

(Nguồn: Số liệu thống kê thực tế tại cơ sở)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

Nhu cầu sử dụng điện hiện trạng của cơ sở sử dụng vào các mục đích: Điện thắp sáng, điện dùng quạt, điện chạy máy bơm nước, điện chạy thiết bị giàn xeo, máy nghiền thủy lực, máy nghiền đĩa, máy cuộn lô tại xưởng sản xuất Giấy kraft;...

Bảng 7. Nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất

STT	Tên trang thiết bị	Số lượng (Cái)	Định mức (kW/h)	Thời gian hoạt động (h)	Nhu cầu sử dụng (kW)
1	Máy nghiền thủy lực	1	9	4	36
2	Máy nghiền đĩa	1	7,5	4	30
3	Dây chuyền xeo giấy	2	5,5	24	264
4	Máy cuộn giấy	2	1,1	24	52,8
5	Máy bơm nước	1	3,7	24	88,8
6	Máy bơm bột	1	3,7	24	88,8

7	Máy bơm hóa chất	1	1,5	24	36
8	Điện sinh hoạt	-	-	-	20
9	Điện phục vụ hệ thống XLNT	1	-	-	145
	Tổng				761,4

(Nguồn: Trang thiết bị hiện trạng tại xưởng)

Nguồn điện sử dụng được lấy từ trạm biến áp có tổng công suất 560 KVA tại cơ sở.

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

4.3.1. Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động sinh hoạt

Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt của công nhân viên (nước rửa tay chân, tắm). Theo TCVN 13606:2023 của Bộ xây dựng tiêu chuẩn về Cấp nước - Mạng lưới đường ống và các công trình – Yêu cầu thiết kế và nhu cầu thực tế tại dự án, định mức nước cấp cho mỗi người 100 lít/người.ngày đối với người ở lại và 60 lít/người/ngày đối với công nhân làm việc theo ca. Lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt tại cơ sở là: $2 \times 100 + 38 \times 60 = 2,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Trong đó nước cấp cho hoạt động dội nhà vệ sinh $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước cấp cho tắm, rửa tay chân là $1,0 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, nước cấp cho hoạt động nấu ăn là $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

+ Nguồn nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của công nhân: được lấy từ hệ thống nước ngầm sau đó dẫn về bể lọc bằng vật liệu lọc (cát sỏi, đá, than hoạt tính...) trước khi cấp vào 1 bể chứa nước đặt tại cơ sở.

+ *Nguồn cấp nước cho sinh hoạt:*

Nước cấp tắm, rửa, dội nhà vệ sinh, nấu ăn: Được lấy từ hệ thống nước ngầm sau đó dẫn về bể lọc bằng vật liệu lọc (cát sỏi, đá, than hoạt tính...) trước khi cấp vào bể chứa nước 5 m^3 đặt trên nóc Nhà vệ sinh. Từ đây nước được dẫn về khu nhà tắm, nhà vệ sinh để sử dụng.

+ *Nhu cầu sử dụng nước cho nồi hơi:* Cơ sở sử dụng lò hơi có công suất 6 tấn hơi/h. 1 ngày lò hơi nước vận hành 1 ca (8h). Lượng nước sạch cung cấp cho 1 tấn hơi là $1,05 \text{ m}^3$. Như vậy lượng nước sạch cần cấp là: $1,05 \text{ m}^3 \times 6 \text{ tấn hơi/h} \times 8 \text{ h} = 50,4 \text{ m}^3 \text{ nước/ngày}$.

- *Nguồn cung cấp:* Nước cấp cho nồi hơi được lấy từ bể lưu nước sau hệ thống XLNT tập trung.

- *Lượng nước tưới cây và sân đường nội bộ:*

Diện tích sân đường nội và cây xanh của cơ sở lần lượt là $2.424,5 \text{ m}^2$ và $547,27 \text{ m}^2$, số lần tưới trong ngày là 01 lần. Vậy nhu cầu cần thiết là $2,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

+ *Nguồn cấp nước:* Được lấy từ nước mặt sông Mã.

- *Lượng nước dùng cho cứu hỏa:*

Lượng nước chữa cháy được tính toán theo tiêu chuẩn phòng cháy và chữa cháy (TCVN-7336:2003). Cụ thể được tính toán theo bảng:

Bảng 8: Tính toán lượng nước cấp cho chữa cháy

	Nước PCCC	Thông số	Ghi chú
1	Nguy cơ cháy	LH	Phụ lục A - TCVN 7336:2003
-	<i>Diện tích sàn xây dựng của cơ sở</i>	2.145,9	TCVN 2622:1995
-	<i>l/s</i>	2,5	TCVN 2622:1996
-	<i>Lưu lượng nước cc, m³/h</i>	321,88	
-	<i>H</i>	0,5	TCVN 2622:1996
-	<i>Nước PCCC, m³</i>	160,94	
6	Tổng lượng nước PCCC (m ³)	160,94	-

(*Nguồn: Thuyết minh cơ sở*)

- *Nguồn cung cấp:* Nước cấp cho quá trình PCCC tại cơ sở được lấy từ 1 bể chứa nước đặt tại cơ sở, nước tại bể lưu nước sau hệ thống XLNT tập trung. Khi có sự cố xảy ra chủ đầu tư sẽ sử dụng nước sông Mã để phục vụ PCCC.

4.3.2. Nước cấp phục vụ cho nhu cầu sản xuất

Nhu cầu sử dụng nước cho sản xuất: Chủ yếu phục vụ cho dây chuyền sản xuất Giấy kraft; đây là lượng nước bổ sung vào các bể nghiền; nước cấp công đoạn xeo giấy, rửa lưới xeo

Với định mức sử dụng 45m³/1 tấn sản phẩm giấy kraft. Nhu cầu nước cấp cho hoạt động sản xuất tại cơ sở là 5 tấn sản phẩm/ngày x 45m³/ngày = 225m³/ngày

Nước sạch cấp cho hoạt động sản xuất: Được lấy từ nguồn nước sông Mã (cách 15m) sau đó dẫn về bồn chứa nước dung tích 20m³ và nước tuần hoàn tái sử dụng sau quá trình XLNT tại cơ sở.

5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

a. Hiện trạng công tác BVMT tại địa phương

- Hiện tại rác thải sinh hoạt trên địa bàn xã Phú Nghiêm được thu gom bởi đơn vị vệ sinh môi trường của địa phương thu gom và vận chuyển về khu tập kết rác với tần suất 02 ngày/lần để đưa đi xử lý theo quy định của pháp luật. Trong khu vực hiện tại vấn đề môi trường đang được đảm bảo.

- Chất thải nguy hại phát sinh từ các doanh nghiệp trên địa bàn như Hợp tác xã Hợp Phát, Hợp tác xã chế biến lâm sản Quan Hoá và Công ty TNHH Duyệt Cường... đang được hợp đồng với các đơn vị chức năng như Công ty cổ phần môi trường Nghi Sơn, Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh... thu gom vận chuyển đi xử lý theo quy định.

- Nước mưa chảy tràn trên địa bàn xã Phú Nghiêm được thoát theo địa hình và độ dốc tự nhiên chảy về phía sông Mã. Sông Mã là con sông lớn nhất chảy qua tỉnh Thanh Hóa, đoạn qua khu vực dự án sông có chiều rộng 100m, đây là nguồn cung cấp

nước chính phục vụ hoạt động sản xuất của dự án. Mức thay đổi dòng chảy trong năm trên dọc sông Mã lớn nhất tại huyện Cẩm Thủy. Lưu lượng dòng chảy tháng IV ($111\text{m}^3/\text{s}$) chỉ bằng 1/3 lưu lượng bình quân năm ($334\text{ m}^3/\text{s}$) và bằng 1/7 lưu lượng bình quân tháng lớn nhất (tháng VIII). Tổng lượng dòng chảy mùa lũ chiếm 65-80% tổng lượng dòng chảy năm. Hàng năm, sông Mã tải ra biển một lượng nước 18 tỷ $\text{m}^3/\text{năm}$. Dòng chảy phân bố không đều. Vào mùa khô, tổng lượng dòng chảy chỉ có 4,76 tỷ m^3 , tương đương với 26% dòng chảy năm. Trong khi đó 4 tháng mùa lũ tổng lượng dòng chảy chiếm tới 74% tổng lượng dòng chảy năm. Tổng lượng nước bình quân đầu người trên lưu vực sông Mã là hơn $4.100\text{ m}^3/\text{người}$ cao hơn mức đầy đủ ($4.000\text{m}^3/\text{năm}$) không nhiều tuy nhiên nếu xét tới yếu tố trên sông Mã có 22% dòng chảy từ nước ngoài chảy vào thì chỉ tiêu trên giảm đi nhiều và vào mùa kiệt tổng lượng nước bình quân đầu người trên lưu vực sông Mã là 1.080 m^3 .

- Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn, nước thải từ các nhà máy, nhà xưởng trên địa bàn xã được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn về môi trường trước khi xả thải, riêng các dự án sản xuất Giấy kraft nước thải được tuần hoàn sản xuất 100% không thải ra ngoài môi trường.

b. Tổ chức quản lý và thực hiện cơ sở

- *Hình thức quản lý cơ sở:* Chủ đầu tư tổ chức chỉ đạo thực hiện vận hành cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước.

- *Nguồn nhân lực:* Cơ sở sử dụng 40 cán bộ công nhân. Toàn bộ nhân lực phục vụ cơ sở được tuyển dụng là người trên địa bàn UBND huyện Quan Hoá.

- *Chế độ làm việc:*

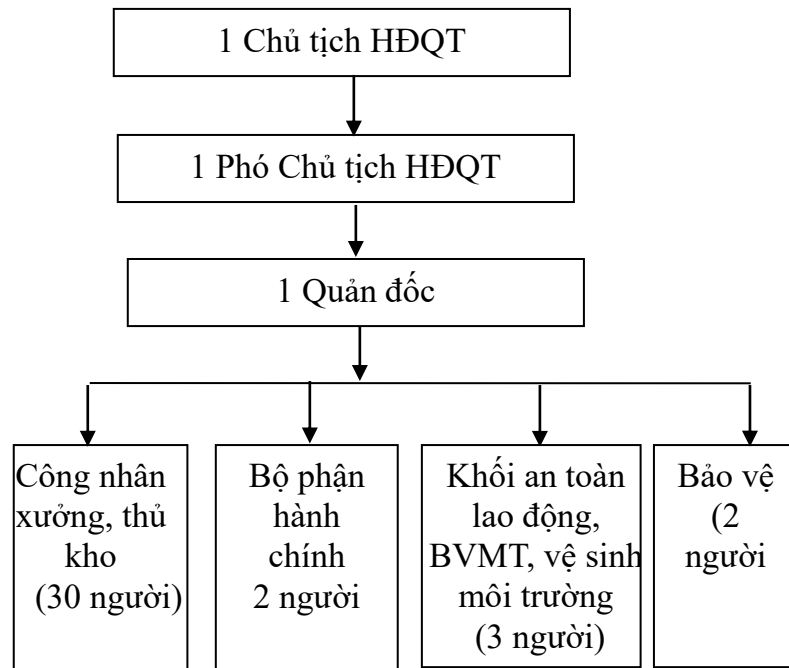
+ Số ngày làm việc trong năm của các bộ phận: 7.200 giờ /năm (300 ngày/năm).

+ Số ngày làm việc trong tuần của các bộ phận : 06 ngày.

+ Số giờ làm việc trong một ngày : 24 tiếng (3 ca)

+ Bảo vệ cơ sở : 24 tiếng (3 ca)

Dưới đây là mô hình quản lý cơ sở được thể hiện qua sơ đồ như sau:



Hình 2. Sơ đồ quản lý chung của cơ sở

CHƯƠNG II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Căn cứ theo Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2045.

Căn cứ Điều 22, 23 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Điều 10 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Cơ sở được thực hiện tại Bản Chằm, xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa đã được UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Hợp tác xã Hà Long ký hiệu số DI 593424 ngày 24 tháng 05 năm 2023 với mục đích sử dụng đất sản xuất kinh doanh. Do vậy dự án xây dựng trên khu đất đã được UBND tỉnh cho phép là phù hợp, đúng mục đích sử dụng. Ngoài ra, theo Quyết định phê duyệt quy hoạch của tỉnh Thanh Hóa – Khu vực thực hiện dự án có vị trí không thuộc vào vùng bảo vệ nghiêm ngặt nhưng nằm trong vùng hạn chế phát thải thuộc hành lang bảo vệ tài nguyên nước khu vực thượng lưu các hệ thống sông lớn (sông Mã). Tuy nhiên, do cơ sở tuần hoàn tái sử dụng 100% nước thải sản xuất sau xử lý vào mục đích sản xuất. Ngoài ra, ranh giới cơ sở nằm ngoài các mốc giới hành lang bảo vệ về nguồn nước sông Mã.

Cơ sở phù hợp với Quyết định số 3462/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Quan Hoá thời kỳ 2021-2030. Phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, huyện Quan Hoá được phê duyệt tại Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 27/10/2022.

Như vậy dự án đầu tư Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm của Hợp tác xã Hà Long là phù hợp với định hướng phát triển chung của tỉnh Thanh Hóa nói chung và của dự án nói riêng, góp phần tăng trưởng kinh tế cho địa phương, ổn định cuộc sống cho người dân xung quanh dự án. Và dự án hoàn toàn phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Không thay đổi

CHƯƠNG III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Hợp tác xã Hà Long đã xây dựng công trình thu gom, thoát nước mưa và xử lý nước thải riêng biệt theo yêu cầu của Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, cụ thể:

- Nước mưa chảy tràn trên mái các công trình được thu gom vào các mang nước và dẫn bằng đường ống PVC DN110 dài 20m đầu nối vào hệ thống rãnh thoát nước mưa quanh từng công trình trước khi thoát ra sông Mã.

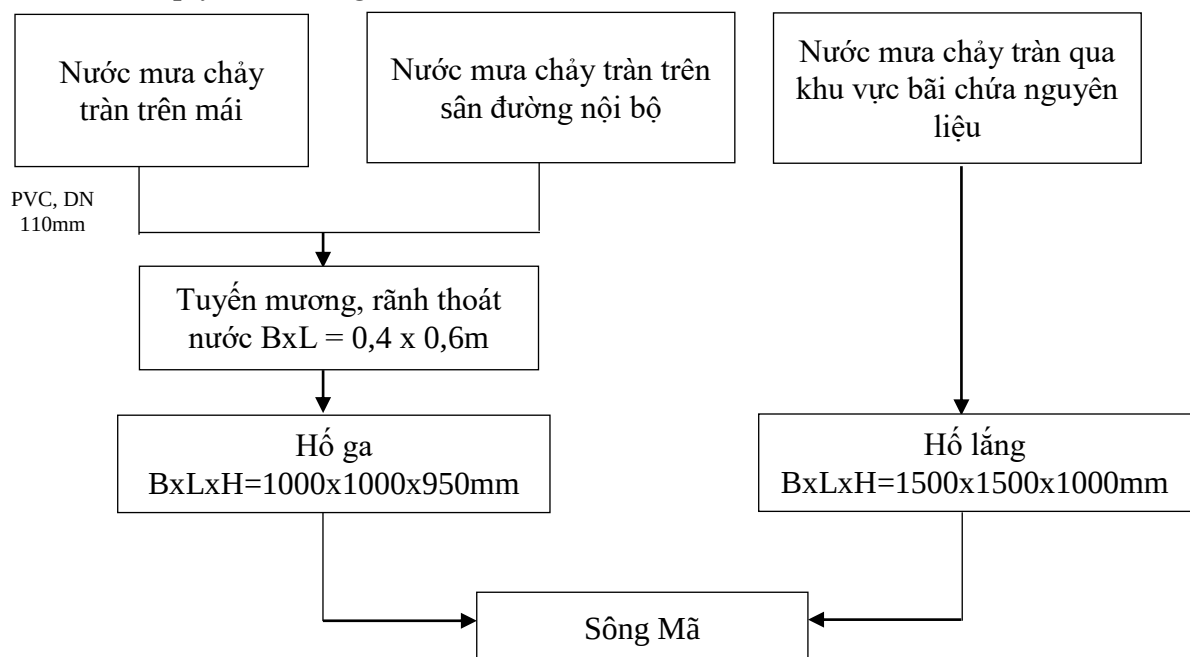
- Nước mưa chảy tràn qua công trình xây dựng, sân bê tông được dẫn theo rãnh thoát nước (BxH)=(400x600)mm, thành rãnh làm bằng bê tông đá M150#, láng đáy VXM M50# dày 10mm. Tấm đan nắp rãnh BTCT đá 1x2 M200#, Độ dốc rãnh thoát nước $i=0,3\%$. Trong rãnh thoát nước có bố trí 02 hố ga kích thước: (AxBxH)=(1000x1000x950)mm để lắng cặn nước thải trước khi thoát ra sông Mã. Tổng chiều dài rãnh thoát nước mưa tại cơ sở là 95m.

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực bãi nguyên vật liệu: Khu vực bãi chứa nguyên vật liệu được tạo độ dốc $i=0,05\%$ đảm bảo khả năng tiêu thoát nước, không bị ứ đọng sau đó chảy về 01 hố lắng kích thước (AxBxH)=(1500x1500x1000)mm để lắng cặn trước khi thoát ra sông Mã (Khoảng cách từ hố lắng đến sông Mã là 35m). Khu vực tiếp giáp bờ sông, chủ đầu tư tiến hành đắp bờ đất cao 0,3m để hạn chế nước mưa chảy tràn qua bãi nguyên liệu chảy trực tiếp ra sông Mã.

Cơ sở có 01 điểm thoát nước mưa ra ngoài môi trường có tọa độ X=2249159, Y=517890.

- Quy trình vận hành tại điểm thoát nước mưa: Tự chảy tràn.

- Sơ đồ quy trình thu gom thoát nước mưa:



Hình 3. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

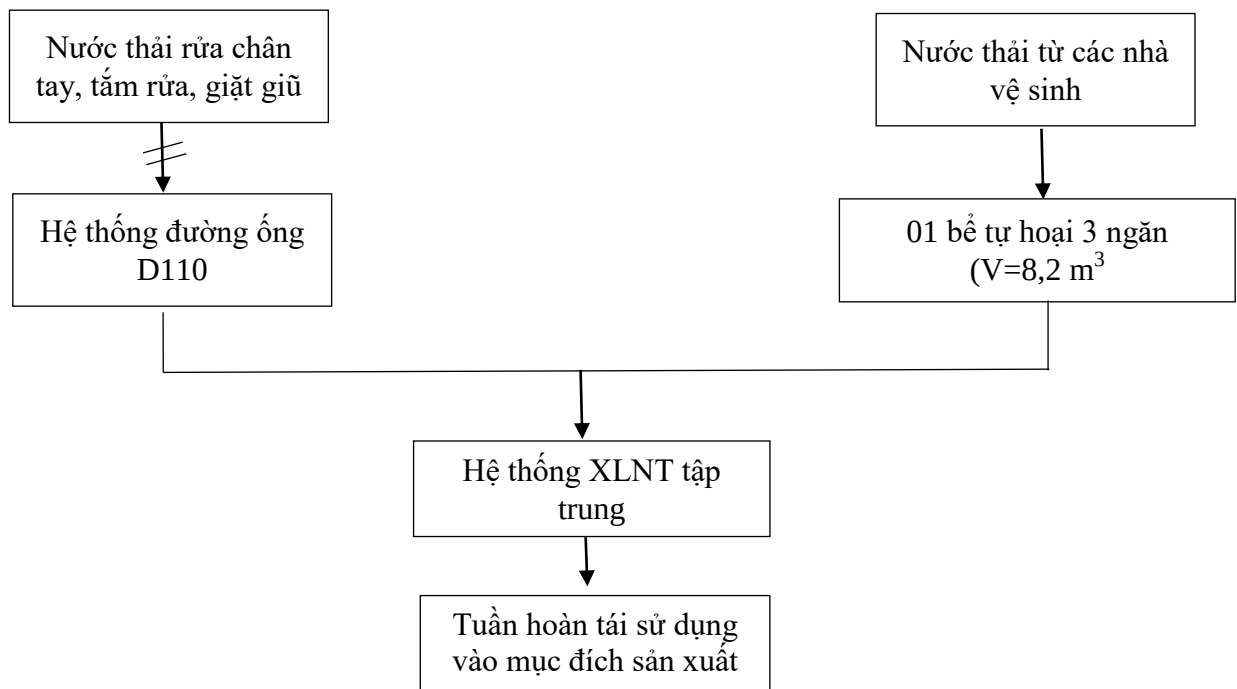
1.2.1. Nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt

** Nước thải rửa tay chân, tắm rửa, giặt giũ:*

Nước thải từ quá trình tắm giặt được thu gom qua hố ga có kích thước 1,0mx1,0mx1,0m bằng đường ống PVC D110 dài 10m trước khi dẫn về hệ thống XLNT tập trung của cơ sở.

** Nước từ các nhà vệ sinh*

Nước thải từ hoạt động dội nhà vệ sinh từ 1 nhà vệ sinh được dẫn về 1 bể tự hoại 3 ngăn đặt ngầm tương ứng dưới công trình nhà vệ sinh. Bể tự hoại có kích thước $D \times R \times C = 3m \times 1,6m \times 1,7m$. Nước thải sau xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sẽ được dẫn sang hệ thống XLNT tập trung của cơ sở bằng đường ống D110 dài 10m.

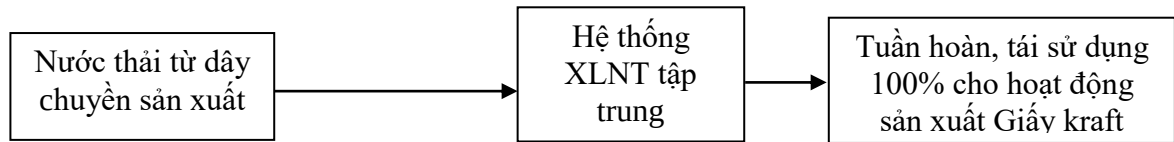


Hình 4. Sơ đồ mạng lưới thu gom thoát nước thải

1.2.2. Nước thải phát sinh từ quá trình sản xuất

- Nước thải phát sinh từ dây chuyền sản xuất 225 m³/ngày.đêm bao gồm:
- + Nước thải từ 02 dây chuyền xeo giấy được thu gom về mương xây kích thước BxL=200x300m phía cuối nhà xưởng về hố ga kích thước (AxBxH) = (2000x1200x1000)mm
- + Toàn bộ nước thải tại hố ga được dẫn theo đường ống D200, dài 20m hiện trạng về trạm XLNT tập trung của cơ sở để xử lý đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT (cột B3) trước khi tuần hoàn, tái sử dụng cho công đoạn sản xuất.

Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải:



Hình 5. Sơ đồ phân dòng nước thải của cơ sở

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Xử lý nước thải sinh hoạt

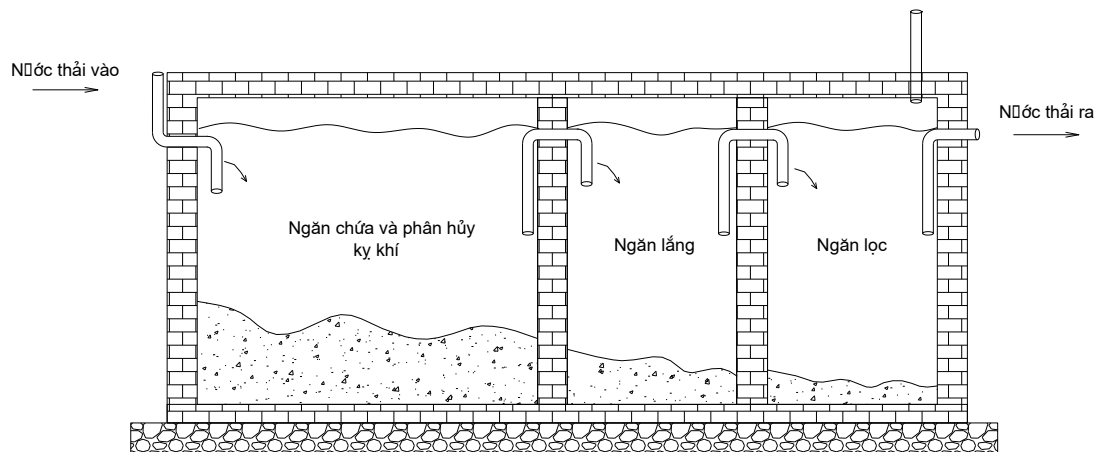
* *Nước thải rửa tay chân, tắm rửa, giặt giũ:*

Nước thải từ quá trình tắm giặt được lắng lọc qua hố ga có kích thước 1,0mx1,0mx1,0m.

* *Nước từ các nhà vệ sinh*

Nước thải từ hoạt động dội nhà vệ sinh từ 1 nhà vệ sinh được dẫn về bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại có kích thước D x R x C = 3,0m x 1,6m x 1,7m.

Dưới đây là sơ đồ cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn được thể hiện như sau:



Hình 7: Sơ đồ cấu tạo bể tự hoại.

Kết cấu của bể tự hoại: Đáy bể bằng BTCT Mác 250 dày 25cm; tường xây bằng gạch Tuynel dày 22cm, VXM Mác 100; trát tường vữa Mác 150; nắp bằng BTCT dày 20cm, VXMMác 250.

Tính toán thể tích bể tự hoại

Số lượng cán bộ công nhân viên của nhà máy là: 40 người.

Lưu lượng nước thải nhà vệ sinh lớn nhất là: 1,25 m³/ngày.đêm

Theo “TCVN 10334:2014 về bể tự hoại bê tông cốt thép thành mỏng đúc sẵn dùng cho nhà vệ sinh”

Công thức tính thể tích bể: $V = V_{\text{ướt}} + V_{\text{khô}}$

Trong đó: $V_r = V_n + V_b + V_t + V_v$

+ V_n là thể tích vùng tách cặn:

$$V_n = Q t_n = N \times q_0 \times t_n / 1000 = 100 \times 1,25 \times 1 / 1000 = 0,13 \text{ m}^3$$

Thời gian lưu nước $t_n = 3\text{h}$

+ V_b là thể tích vùng chứa cặn tươi, đang tham gia quá trình phân hủy:

$$V_b = 0,5Nt_b/1000 = 0,5 \times 40 \times 40/1000 = 0,8 \text{ m}^3$$

Thời gian phân hủy cặn ở nhiệt độ 25°C : $t_b = 40$ ngày.

+ V_t : Vùng lưu giữ bùn đã phân hủy: $V_t = rNT/1000$

Với r : Lượng cặn đã phân hủy tích lũy 1 người trong 1 năm = 30l/người/năm.

T : Thời gian giữa 2 lần hút cặn: 1 năm

$$V_t = 30 \times 40 \times 1/1000 = 1,2 \text{ m}^3$$

+ V_v : Thể tích phần váng nổi: $V_v = 0,4V_t = 0,4 \text{ m}^3$

$$\Rightarrow V_{ur} = 2,5 \text{ m}^3$$

V_k : Thể tích phần lưu không trên mặt nước: $V_k = 20\%$ thể tích ướt = $0,5 \text{ m}^3$

Vậy thể tích bể tự hoại: $V = V_{ướt} + V_{khô} = 3,03 \text{ m}^3$. Hiện trạng, dưới khu nhà vệ sinh cơ sở đã xây dựng 01 bể tự hoại dung tích $8,2 \text{ m}^3$ (Kích thước $B \times L \times H = 3 \times 1,6 \times 1,7 \text{ m}$) đảm bảo cho quá trình xử lý nước thải phát sinh tại cơ sở.

Nước thải sinh hoạt tại dự án sau khi xử lý sơ bộ bằng hố ga lắng và bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống XLNT tập trung công suất $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Bảng 9. Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các công trình xử lý nước thải và nước mưa chảy tràn

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật
Nước thải sinh hoạt		
1	Bể tự hoại	- Gồm 1 bể: bể có dung tích $8,2 \text{ m}^3$, kích thước $B \times L \times H = 3 \text{ m} \times 1,6 \text{ m} \times 1,7 \text{ m}$ - Vật liệu: Bê tông
3	Hố ga lắng	- 1 bể thể tích $1,0 \text{ m}^3/\text{bể}$; kích thước bể: $B \times L \times H = 1,0 \times 1,0 \times 1,0 \text{ (m)}$ - Vật liệu: Bê tông
Nước mưa chảy tràn		- Không qua khu vực bãi nguyên liệu + Vật liệu: Mương xây + Kích thước $B \times H = 0,4 \times 0,6 \text{ m}$ + Chiều dài: 95 m + Hố ga ($A \times B \times H = (1000 \times 1000 \times 950) \text{ mm}$): 02 cái - Qua bãi chứa nguyên vật liệu + Hố lắng ($A \times B \times H = (1500 \times 1500 \times 1000) \text{ mm}$): 01 cái

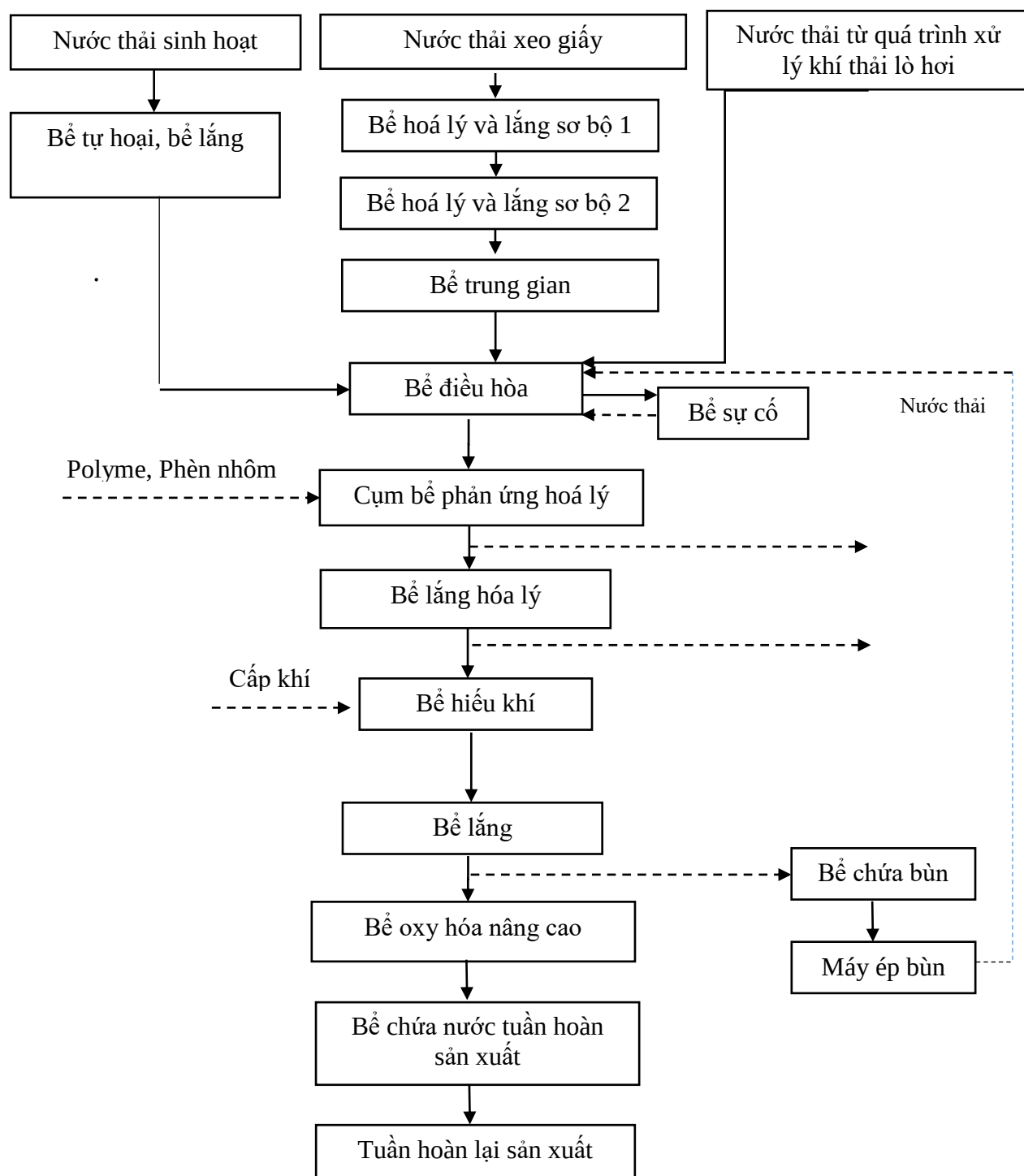
1.3.2. Trạm XLNT tập trung công suất $300 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

Trạm XLNT tập trung được xây phía Bắc cơ sở, cách xa các công trình khác của cơ sở.

Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH tư vấn và dịch vụ môi trường VinaaGreen

Đơn vị thi công, giám sát thi công: Hợp tác xã Hà Long

Quy trình công nghệ xử lý cụ thể như sau:



Hình 8. Quy trình công nghệ trạm XLNT tập trung

Thuyết minh hệ thống XLNT của cơ sở:

❖ **Nước thải từ quá trình xử lý khí thải**

Nước thải từ bể xử lý khí thải của lò hơi được bơm về hệ thống XLNT tập trung qua đường ống uPVC D21 vào bể điều hoà của hệ thống với tần suất 1 tháng/lần

❖ **Nước thải xeo giấy, nước thải sinh hoạt:**

- Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của cơ sở gồm nước thải nhà vệ sinh được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, nước rửa tay chân, nhà tắm được dẫn qua rọ tách rác

và hồ ga lắng để tách cặn trước khi dẫn về bể điều hòa của trạm XLNT tập trung của cơ sở để xử lý.

- Nước thải xeo giấy, rửa nguyên liệu: Nước thải từ quá trình rửa nguyên liệu, nước thải xeo giấy của cơ sở sẽ dẫn qua song chắn rác để giữ lại rác thô có khả năng làm ảnh hưởng đến hoạt động xử lý nước thải của cơ sở trong quá trình vận hành. Nước thải sau khi qua song chắn rác sẽ chảy về bể điều hòa.

- Bể điều hòa: Nước thải sinh hoạt; nước thải từ hoạt động xeo sẽ tự chảy vào bể điều hòa. Bể được sục khí liên tục đảo trộn đều cho nồng độ, lưu lượng và pH ổn định. Khi nước thải trong bể điều hòa đạt tới mức giới hạn dưới bơm nước thải khởi động cấp nước thải vào bể phản ứng hóa lý.

- Bể phản ứng hóa lý (bể keo tụ tạo bông):

Tại ngăn keo tụ bơm định lượng cấp chất keo tụ phèn nhôm có nồng độ dung dịch 2,5%. Dưới tác dụng của hệ thống cánh khuấy với tốc độ lớn được lắp đặt trong bể, các hóa chất được hòa trộn nhanh và đều vào trong nước thải. Hóa chất keo tụ và các chất ô nhiễm trong nước thải tiếp xúc, tương tác với nhau, hình thành các bông cặn nhỏ li ti trên khắp diện tích và thể tích bể. Hỗn hợp nước thải này tự chảy qua ngăn tạo bông. Tại bể keo tụ tạo bông, hóa chất trợ keo tụ Polyme với nồng độ dung dịch 0,03%. Dưới tác dụng của hóa chất này và hệ thống motor cánh khuấy với tốc độ chậm, các bông cặn li ti từ ngăn phản ứng sẽ chuyển động, va chạm, dính kết và hình thành nên những bông cặn tại ngăn tạo bông có kích thước và khối lượng lớn gấp nhiều lần các bông cặn ban đầu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lắng ở bể lắng.

- Bể lắng hóa lý: Nước thải sau bể phản ứng hóa lý sẽ được dẫn sang bể lắng. Dưới tác dụng trọng lực của cặn bùn đã tạo thành bông lắng xuống đáy thiết bị lắng, bùn lắng được xả định kỳ về bể chứa bùn. Nước trong thu vào các máng thu ở phía trên chảy về bể hiếu khí để tiếp tục xử lý.

- Bể hiếu khí: Nước thải sau bể lắng hóa lý sẽ được bơm qua bể xử lý sinh học hiếu khí. Tại đây các chất hữu cơ trong nước thải được các vi sinh hiếu khí phân hủy tiếp.

Tại bể xử lý hiếu khí, oxy được cung cấp nhờ hệ thống phân phối khí lắp đặt dưới đáy bể. Các chất hữu cơ trong nước thải sẽ được các vi sinh vật sử dụng cho tổng hợp tế bào mới và giải phóng năng lượng. Quá trình tiêu thụ chất hữu cơ, chất dinh dưỡng để tổng hợp tế bào mới được thể hiện bằng phương trình dưới đây:

Chất hữu cơ + chất dinh dưỡng + vi sinh vật + Oxy = vi sinh vật mới + CO₂↑ + H₂O

Ngoài quá trình tổng hợp tế bào mới, xảy ra phản ứng hô hấp nội sinh đối với tế bào già, có thể tóm tắt quá trình này như sau:

Vi sinh vật (bùn hoạt tính) + O₂ = Bùn tro + CO₂ + H₂O + NH₃ + năng lượng

Ngoài ra, nếu trong nước thải có chứa Nitơ ở dạng Amoni – NH_4^+ hoặc NH_3 chúng sẽ bị các chủng vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter Oxy hóa tạo thành Nitrit và cuối cùng thành Nitrat

Sự phát triển hay chết đi của vi sinh vật và vi khuẩn đóng vai trò vô cùng quan trọng trong xử lý nước thải tại bể này.

- Bể lắng: Nước thải sau bể hiếu khí sẽ được dẫn sang bể lắng. Dưới tác dụng trọng lực của cặn bùn đã tạo thành bông lắng xuống đáy thiết bị lắng, bùn lắng được xả định kỳ về các bể chứa bùn. Nước trong thu vào các máng thu ở phía trên chảy về bể oxy hóa nâng cao để tiếp tục xử lý.

- Bể oxy hóa nâng cao: Xử lý oxy hóa bằng phương pháp perozone

Nước bơm từ bể lắng sang bể oxy hóa nâng cao sẽ được châm H_2O_2 theo liều lượng cài đặt sẵn trong đường ống với định mức $0,01 \text{ kg/m}^3$ nước thải. H_2O_2 có tác dụng khử màu của nước thải để đảm bảo độ màu, độ đục của nước thải đầu ra đạt QCVN 12-MT:2015/BTNMT cột B3. Ngoài ra trong bể oxy hóa nâng cao chủ đầu tư bố trí máy sục khí ozone có hệ làm giàu oxy. H_2O_2 nồng độ từ 35% đến 50% cho khả năng oxi hóa rất mạnh, nước Oxy già kết hợp cùng với oxy và ánh sáng mặt trời trực tiếp sẽ tạo ra các gốc oxy phản ứng có tác dụng khử trùng nước an toàn ngăn sự tăng trở lại của BOD, COD, ổn định pH đặc biệt còn có khả năng tiêu diệt vi khuẩn như Cryptosporidium, ký sinh trùng, nấm, nấm mốc và các vi khuẩn khác khi duy trì nồng độ ozone tồn dư trong nước là 0.3ppm trong thời gian tiếp xúc 3 phút.

Nhờ khả năng oxy hóa - khử mạnh nên ozone có thể khử màu, khử mùi, khử trùng một cách hiệu quả. Nước thải qua bể phân hủy ozone giảm được trên 90% hàm lượng COD, BOD, SS, ... giảm trên 95% chỉ số Coliform, màu, mùi khó chịu, không phát sinh sản phẩm thứ cấp gây độc hại.

- Bể chứa nước tuần hoàn: Nước sau bể oxy hóa nâng cao được dẫn sang bể chứa nước tuần hoàn để tái sử dụng cho hoạt động sản xuất.

- Bể chứa bùn: Bùn thải từ các bể lắng được thu gom vào bể chứa bùn, bùn lỏng sau đó được bơm lên máy ép bùn để tách bùn và nước. Bùn sau ép được công nhân thu gom vào các bao chứa, nước tách ra được đưa về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung.

Nước thải sản xuất

Bảng 10. Tổng hợp kích thước các bể của Hệ thống XLNT tập trung

TT	Hạng mục	Dung tích xây dựng/bể (m ³)	Kích thước xây dựng	Kết cấu
1	Bể hoá lý và lắng sơ bộ 1	72,1	BxLxH = 1,8mx26,7mx 1,5m	Bê tông cốt thép
2	Bể hoá lý và lắng sơ bộ 2	72,1	BxLxH = 1,8mx26,7mx 1,5m	Bê tông cốt thép
4	Bể điều hòa	70,2	BxLxH = 4,06mx4,94mx 3,5m	Bê tông cốt thép
5	Bể phản ứng hóa lý	8,8	BxLxH = 4,06mx1,28mx 1,7m	Bê xây gạch
6	Bể lắng hóa lý	57,7	BxLxH = 4,06mx4,06mx 3,5m	Bê tông cốt thép
7	Bể hiếu khí	56,1	BxLxH = 4,06mx3,95mx 3,5m	Bê tông cốt thép
8	Bể lắng sinh học	37,9	BxLxH = 4,06mx2,67mx 3,5m	Bê tông cốt thép
9	Bể oxy hóa nâng cao	16,3	BxLxH = 2,0mx2,335mx 3,5m	Bê tông cốt thép
10	Bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng	66,4	BxLxH = 4,06mx4,67mx 3,5m	Bê tông cốt thép
11	Bể chứa bùn 1	16,3	BxLxH = 2,0mx2,335mx 3,5m	Bê tông cốt thép
12	Bể chứa bùn 2	61,7	BxLxH = 4,06mx4,34mx 3,5m	
13	Bể sục có (2 bể)	220	BxLxH = 6,7mx5,5mx 3,0m (Kích thước mỗi bể)	Bê tông cốt thép

(Nguồn: Bản vẽ hoàn công hệ thống XLNT tập trung của dự án)

Bảng 11. Danh mục máy công trình trạm XLNT tập trung của cơ sở

TT	Nội dung	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	Bể điều hòa			
1	Song chắn rác	Dạng thô, dạng tinh trong dòng nước thải	Bộ	1
2	Máy bơm nước thải	- Lưu lượng : 1,2 - 12 m ³ /h - Cột áp : 1,3 - 6,1 m - Công suất motor : 0.22 KW/ 1 phase/220V/50 Hz - Xuất xứ : Italia hoặc tương đương	Cái	2
II	Bể phản ứng hoá lý (keo tụ, tạo bông)		cái	1
1	Bồn nhựa chứa	Dung tích 0,7 m ³	Chiếc	3

	Phèn nhôm	Chất liệu: Nhựa 3 lớp		
2	Bơm định lượng	- Điện áp: 1pha/220V/50Hz - Model: BL-20 - Lưu lượng: Q = 150 lít/h - Cột áp: H = 0,5 bar - Điện áp: 1pha/220V/50Hz - Kiểu bơm màng điện từ	Chiếc	3
3	Động cơ khuấy pha hóa chất	- Tốc độ: 60 vòng/phút - Điện áp: 0,4 kW, - Giá đỡ + cánh khuấy	Chiếc	3
4	Động cơ khuấy trong bể phản ứng	- Tốc độ: 100 - 150 vòng/phút - Điện áp: 2,2 kW - Giá đỡ + cánh khuấy	Chiếc	3
III	Cụm Bể lắng hóa lý			
1	Bơm bùn thải	Công suất: 0,4 kW Lưu lượng: 3 - 5 m ³ /giờ	Chiếc	4
2	Thiết bị kèm theo	- Ống lắng trung tâm, máng răng cưa - Xuất xứ: Việt Nam - Quy cách: inox	Hệ thống	4
VII	Bể hiếu khí			
1	Máy bơm nước thải	- Lưu lượng : 1,2 - 12 m ³ /h - Cột áp : 1,3 - 6,1m - Công suất motor : 0.22 KW/1 phase/220V/50 Hz - Xuất xứ : Italia hoặc tương đương	Chiếc	2
2	Giàn ống phân phối khí	- Xuất xứ: Việt Nam - Quy cách: PPR	Hệ thống	1
IV	Bể lắng sinh học			
1	Bơm bùn thải	Công suất: 0,4 kW Lưu lượng: 3 - 5 m ³ /giờ	Chiếc	1
2	Thiết bị kèm theo	- Ống lắng trung tâm, máng răng cưa - Xuất xứ: Việt Nam - Quy cách: inox		1
V	Bể oxy hóa nâng cao			
1	Thiết bị kèm theo	- Máy bơm H ₂ O ₂	Chiếc	1
		- Bồn chứa H ₂ O ₂ + Bồn nhựa dạng đứng màu xanh + Dung tích 1,0m ³	Chiếc	1
		- Giàn ống phân phối khí + Xuất xứ: Việt Nam + Quy cách: PPR	Hệ thống	1
		- Đĩa sục khí + Model : PermaCapCoarse3/4”Dạng đĩa tròn + Loại : Diffuser bọt khí mịn + Vật liệu : EPDM + Nhà sản xuất : Heywell – Đài loan hoặc	Cái	30

		tương đương		
		- Máy cấp ozon + Model: D30-S + Nồng độ ozon: $\geq 85\text{g/m}^3$ + Lưu lượng khí oxy: 5-6 l/phút + Sản lượng: 30g/h	Hệ thống	2
VI	Bể chứa nước tuần hoàn			
1	Máy bơm nước thải	- Lưu lượng : 1,2 - 12 m ³ /h - Cột áp : 1,3 - 6,1m - Công suất motor : 0.22 KW/1 phase/220V/50 Hz - Xuất xứ : Italia hoặc tương đương	Chiếc	2

3. Quy trình vận hành hệ thống

a. Công tác kiểm tra, chuẩn bị trước vận hành

- Kiểm tra các thiết bị sử dụng điện: Kiểm tra toàn bộ các thiết bị sử dụng điện trong hệ thống xử lý nước thải, đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt.

+ Kiểm tra Bơm chìm: Bật máy kiểm tra tình trạng hoạt động đảm bảo bơm nước và không có tiếng ồn bất thường.

+ Kiểm tra Bơm đặt cạn: Bật máy kiểm tra tình trạng hoạt động đảm bảo không bị tụt nước, bơm được nước và không có tiếng ồn bất thường.

+ Kiểm tra máy thổi khí: Mở hết các van máy thổi khí, bật máy thổi khí kiểm tra đảm bảo không có tiếng ồn bất thường.

+ Kiểm tra mực nước trong các bể.

+ Kiểm tra độ nhạy của các van phao.

+ Kiểm tra các thiết bị đang sửa chữa đã hoàn thành chưa.

- Xác nhận thành phần dòng thải

+ Đảm bảo trạm xử lý đúng theo công suất thiết kế

+ Kiểm tra bằng trực quan: Nước dẫn vào hệ thống: Màu sắc, mùi, độ đục, lượng váng dầu trên bề mặt

b. Vận hành hệ thống.

Bước 1: Mở các van nước, van khí trên đường ống đẩy bơm nước và máy thổi khí

Bước 2: Cấp điện cho hệ thống

Bước 3: Bật tắt cả các attomat trong tủ điện.

Bước 4: Chuyển công tắc điều khiển tổng sang chế độ ON.

Bước 5: Chuyển tắt cả các công tắc ON/OFF sang chế độ ON.

Bước 6: Xác nhận các giá trị cài đặt.

c. Chế độ vận hành của công trình: 3 ca (24h/ngày.đêm)

1.3.3. Nhu cầu sử dụng điện năng, hóa chất

- **Định mức tiêu hao điện năng:** 145 kWh/ngày

- Nhu cầu sử dụng hóa chất:

Bảng 12. Hóa chất phục vụ hệ thống XLNT tập trung

TT	Nhiên liệu	Định mức	Nhiên liệu tiêu thụ		Nguồn gốc
1	Phèn nhôm $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$	0,4 (kg/m ³ nước thải)	0,0988 tấn/ngày	29,64 tấn/năm	Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì
2	Polyme	2,0 (g/m ³ nước thải)	0,0005 tấn/ngày	0,15 tấn/năm	Công ty cổ phần hóa chất Việt Trì

Một số hình ảnh về hệ thống XLNT tập trung



2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Thông số kỹ thuật của công trình xử lý khí thải đã xây lắp

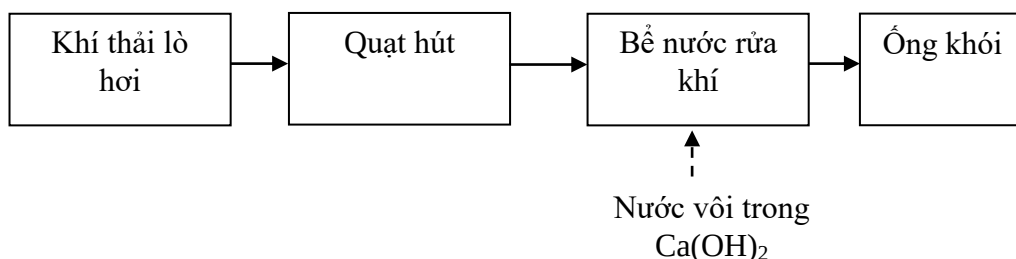
Bảng 13. Bảng tổng hợp thông số kỹ thuật các công trình xử lý khí thải đã xây lắp tại cơ sở

TT	Thiết bị	Số lượng	Thông số kỹ thuật
1	Bể nước xử lý khí thải	01	- Vật liệu: Xây gạch trát VXM - Kích thước BxLxH=2,6x4,2x2,1m. - Vị trí lắp đặt: Khu nhà lò hơi
2	Quạt hút	01	- Nguồn cung cấp: Công ty chế tạo điện máy Việt Nam – Đà Loan - Kết cấu: 3k 160S4 – 3 pha cấp F. Tốc độ vòng quay 1400 vòng/phút Công suất: quạt hút 12.000 m ³ /h
3	Ống thoát khí	01	- DxH=0,6x12m. Vật liệu: Thép không gỉ

(Nguồn: Số liệu thống kê thực tế tại cơ sở)

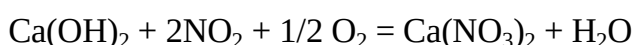
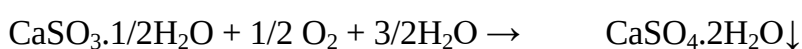
b. Công nghệ của hệ thống xử lý bụi lò hơi và dây chuyền xeo giấy

- Công nghệ xử lý khí thải từ khu vực lò hơi tại cơ sở cụ thể như sau:



Hình 15. Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý khí thải lò hơi nước tại nhà máy
Thuyết minh công nghệ

Nhiên liệu sử dụng cho lò hơi là củi mua từ các hộ dân trên địa bàn. Khí thải phát sinh từ quá trình đốt nhiên liệu cấp nhiệt cho lò hơi nước là CO; SO₂, NO₂, tro bụi sẽ được quạt hút có công suất 12.000m³/h dẫn qua bể nước rửa khí có thể tích 22,9m³ kích thước BxLxH=2,6x4,2x2,1m. Cơ chế hoạt động của bể rửa bụi dựa vào việc sử dụng nước có bổ sung chất hấp thụ là nước vôi trong Ca(OH)₂ để làm ẩm dòng khí thải và xử lý khí thải. Dòng khí thải chứa các hạt bụi và chất hữu cơ sẽ được đưa qua các vùng chứa nước. Các hạt bụi và chất hữu cơ sẽ bám vào bề mặt của nước giúp tách khỏi dòng khí thải. Cán bộ quản lý hệ thống xử lý khí thải của dự án 3 ngày/lần sẽ bổ sung Ca(OH)₂ để đảm bảo hiệu quả của xử lý khí thải.



Khí thải sau đó được thải ra môi trường qua ống khói D400 có chiều cao 20m.

Ngoài ra, chủ đầu tư còn áp dụng các biện pháp:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng, kiểm định các thiết bị quạt hút đảm bảo các thiết bị hoạt động tốt.
- Xưởng gia được thiết kế thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống thông gió tự nhiên theo yêu cầu vệ sinh công nghiệp. Sử dụng hệ thống các cửa thông gió xung quanh tường nhà xưởng để thông gió và giảm thiểu bụi lơ lửng trong nhà xưởng. Không khí được trao đổi liên tục, thông thoáng nhờ hệ thống thông gió tự nhiên.
- Trang bị đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: khẩu trang, quần áo bảo hộ, kính, giày, mũ... với số lượng 2 bộ/người/năm. Với số lượng CBCNV tại cơ sở là 40 người, mỗi năm cần trang bị 80 bộ BHLĐ.
- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối
- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.... Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.
- Duy trì diện tích cây xanh đảm bảo theo quy hoạch được phê duyệt.

Một số hình ảnh về hệ thống XLKT



c. Biện pháp giảm thiểu tác động do máy phát điện dự phòng

- Chủ đầu tư bố trí máy phát điện dự phòng có công suất 100KVA nằm phía Tây cơ sở tại khu vực nhà kho, cách xa khu nhà xưởng sản xuất, nhà điều hành đảm bảo khí từ máy phát điện dự phòng không làm ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân sản xuất tại xưởng sản xuất và quá trình nghỉ ngơi.
- Chỉ sử dụng máy phát điện dự phòng khi có sự cố mất điện xảy ra.
- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện dự phòng
- Sử dụng nhiên liệu đảm bảo tiêu chuẩn khí thải theo “Quyết định số

249/2005/QĐ – TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ” Trong đó, % thể tích của khí CO trong khí thải không được vượt quá 4,5%

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Cơ sở có 01 bảo vệ làm việc, nghỉ tại dự án định mức phát thải sinh hoạt là 1,0 kg/người/ngày.đêm. Đối với 39 cán bộ công nhân viên làm việc theo ca lượng chất thải phát sinh là 0,5 kg/người/ngày. Vậy lượng chất thải phát sinh là 20,5 kg/ngày tương đương 6,15 tấn/năm.

- Tại khu vực nhà điều hành, nhà xưởng bố trí 03 thùng đựng rác thải sinh hoạt có thể tích 100 lit/thùng (01 thùng chứa chất thải hữu cơ, 01 thùng chứa chất thải vô cơ và 01 thùng chứa chất thải khác) để chứa rác thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên. Hợp đồng với đơn vị chức năng tới thu gom, đem đi xử lý theo quy định.

3.2. Công trình, thiết bị lưu giữ chất thải rắn sản xuất

* Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất

- Tro từ lò đốt: Độ tro của củi chiếm tỷ lệ 2,0% nguyên liệu, cơ sở 1 ngày sử dụng 3,77 tấn nguyên liệu để đốt lò hơi Giấy kraft tương ứng lượng tro thải phát sinh là 75 kg/ngày tương đương 22.500 kg/năm được thu gom, đưa về bể chứa tro có dung tích 12,0m³ (kích thước DxRxS = 3,0x2,0x2,0m) và được phun nước làm nguội với mục đích phòng chống cháy nổ, bể được xây tường gạch trát vữa xi măng M100, mái lợp tôn sau đó cung cấp cho người dân trong khu vực sử dụng làm phân bón, khối lượng thừa được thu gom xử lý cùng chất thải rắn thông thường.

- Giấy kraft rách: Lượng chất thải này chiếm 0,05% lượng sản phẩm tạo ra tương ứng 0,004 tấn/ngày (1,2 tấn/năm) được tận thu làm nguyên liệu đầu vào sản xuất.

- Các loại bùn thải:

Quá trình xử lý nước thải bằng bất kỳ phương pháp nào cũng tạo nên một lượng cặn đáng kể chiếm khoảng 0,01% tổng lưu lượng nước thải. Lượng cặn phát sinh từ các công trình xử lý môi trường tối đa là: $246,16 \times 0,01\% \times 300 \text{ ngày} = 7,41 \text{ m}^3/\text{năm} \approx 11,1 \text{ tấn/năm} = 11.100 \text{ kg/năm}$ (bùn thải có tỷ trọng trung bình 1,5 tấn/m³)

+ Đối với bùn thải phát sinh từ công đoạn ngâm ủ: Được thu gom về bể chứa sau đó được bơm lên máy ép bùn để tách bùn và nước. Bùn sau ép được công nhân thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý cùng chất thải thông thường, nước tách ra được đưa về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung.

+ Đối với bùn thải phát sinh từ hệ thống XLNT tập trung: Được thu gom về bể chứa sau đó được bơm lên máy ép bùn để tách bùn và nước. Bùn sau ép được công nhân thu gom và tận dụng làm nhiên liệu đốt, nước tách ra được đưa về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung.

+ Đối với bùn cặn thải từ quá trình vệ sinh công nghiệp khác được chủ đầu tư thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý cùng chất thải thông thường.

Chủ đầu tư xây dựng kho chứa chất thải có diện tích 9,0m² (Kích thước BxL=3,0x3,0m) tại khu vực nhà điều hành của hệ thống XLNT tập trung để lưu chứa toàn bộ chất thải công nghiệp phát sinh tại dự án.

Một số hình ảnh về công trình, thiết bị thu gom chất thải rắn



Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt



Máy ép bùn

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại xưởng được thu gom và phân loại ngay tại nguồn, sau đó đưa về kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 9,0m² (Kích thước BxL=3,0x3,0m) kho được xây tường gạch và láng nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,3m, mái đổ bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng, bên ngoài có biển tên “Kho chất thải nguy hại”. Trong kho bố trí 07 thùng chứa có thể tích 200lit/thùng, thùng kín, có nắp đậy, dán nhãn cụ thể nhóm loại chất thải nguy hại theo từng mã riêng biệt được trình bày cụ thể trong sau:

Bảng 14. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	3
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác		x		17 02 04	20
3	Bao bì mềm có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 01 01	15
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	20
5	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	x			18 02 01	15
6	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	x			19 05 03	2

	(trừ các mã nêu trên tại nhóm mã (02, 13, 14 và 15))					
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	5
	Tổng					80

Ngoài ra, trong kho bố trí 01 phuy chứa cát dung tích 200 lít sử dụng làm vật liệu thấm khi xảy ra sự cố chất thải nguy hại dạng lỏng đổ tràn ra ngoài. Định kỳ, hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý theo quy định. Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

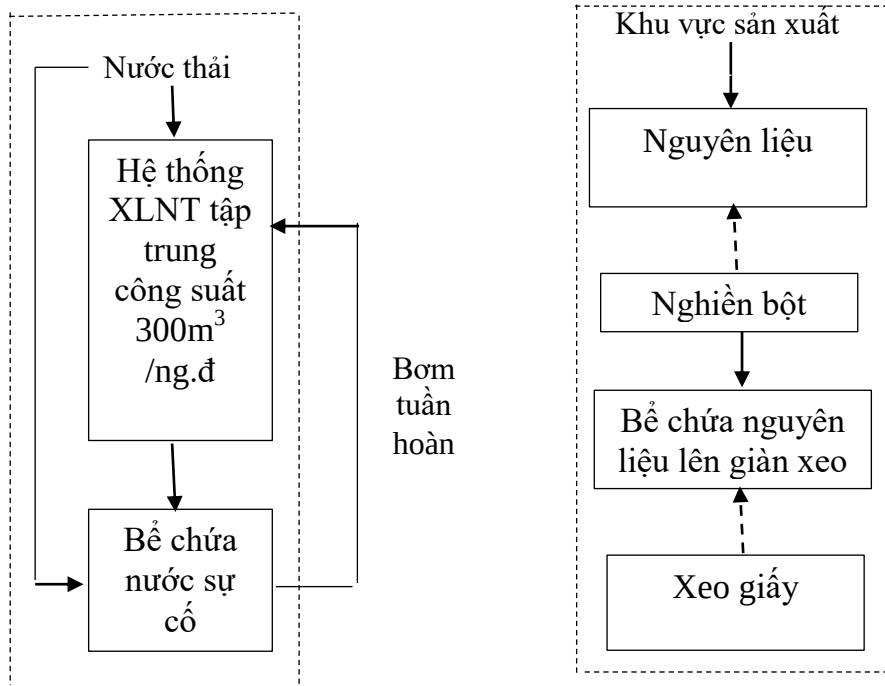
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn cao tại cơ sở gồm:
 - + Máy bơm dầm luồng, hệ thống máy nghiền, máy bơm, động cơ giàn xeo giấy, máy cuộn giấy, quạt gió của khu vực sản xuất Giấy kraft
 - + Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung)
 - + Máy phát điện dự phòng
- Chủ đầu tư tiến hành bảo dưỡng kiểm tra máy móc của cơ sở theo đúng định kỳ 1 năm 2 lần vào tháng 03 và tháng 09 hàng năm.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay thế dầu mỡ bôi trơn để giảm thiểu độ rung.
- Kê đệm cao su tại các điểm tiếp xúc giữa máy thổi khí, động cơ, máy bơm và sàn đặt máy phát điện dự phòng để giảm tiếng ồn và giảm độ rung. Bố trí khoảng cách các thiết bị gây ồn hợp lý.
- Chỉ vận hành máy phát điện dự phòng khi xảy ra tình trạng mất điện
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân bao gồm nút tai, mũ, khẩu trang... để tránh ồn làm ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân.
- Vào giờ nghỉ ca tiến hành tắt thiết bị sản xuất.
- Bố trí thời gian nghỉ giữa ca cho công nhân, tránh để tiếng ồn, độ rung, áp lực công việc làm ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân 30 phút nghỉ giải lao/4 giờ làm việc.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành:

6.1. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do hư hỏng hệ thống xử lý nước thải:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:



- Đối với khu vực Hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Khi xảy ra sự cố chủ đầu tư sẽ dùng bơm hút hết nước trong hồ ra sau đó bơm toàn bộ nước thải từ dây chuyền sản xuất cùng nước thải trong các bể gặp sự cố về. Bể sự cố được kê bê tông thành và đáy, có dung tích 220 m³ và đảm bảo khả năng lưu chứa nước thải phát sinh tại cơ sở trong 1,0 ngày. Sau khi sửa chữa, khắc phục sự cố xong chủ đầu tư sử dụng bơm để bơm toàn bộ lượng nước thải lưu chứa từ bể sự cố về bể điều hòa của hệ thống XLNT tập trung để xử lý trước khi tuần hoàn toàn bộ vào mục đích sản xuất.

+ Tiến hành kiểm tra các máy móc, thiết bị, kết cấu bể gặp sự cố để kịp thời sửa chữa. Các sự cố và cách khắc phục được thể hiện cụ thể trong bảng sau:

Bảng 15. Tóm tắt các sự cố xảy ra trong quá trình XLNT và cách khắc phục

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
Tủ điện	Cháy, chập pha	Do chập mạch	Tắt khẩn khi xảy ra chập pha
	Cháy thiết bị	Bơm, khuấy bị kẹt rác, mất pha.	Tắt thiết bị, đo điện, nếu bình thường, bật thiết bị trở lại và đo dòng hoạt động, điều chỉnh role nhiệt thích hợp
			Nên chỉnh role nhiệt gần đúng giá trị thực tế vận hành để bảo vệ thiết bị.
Bơm chìm	Bơm hoạt động nhưng không lên nước hoặc lên yếu	Bơm ngược chiều	Đổi pha và kiểm tra dòng Ampe
		Nghẹt rác	Vệ sinh bơm
	Bơm không hoạt động	Cháy bơm, mất pha, CB tắt hoặc quá dòng.	Kiểm tra và sửa chữa, thay thế

Thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân	Khắc phục
	Nhảy role nhiệt và báo lỗi	Dòng định mức nhỏ hơn công suất bơm	Tăng giá trị trên role nhiệt
		Bơm ngược chiều	Đổi pha
		Nghẹt rác, đóng van hoặc đường ống hỏng	Kiểm tra các van đã mở chưa, vệ sinh bơm thường xuyên
Khuấy chìm	Không xáo trộn mạnh	Khuấy ngược chiều	Đổi pha
	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt	Kiểm tra và khắc phục
Khuấy hóa chất, gạt bùn	Không hoạt động	Cháy hoặc quá nhiệt	Kiểm tra, đo dòng Ampe, điều chỉnh role nhiệt. Thay thế nếu hỏng
Máy thổi khí	Phát tiếng ồn lớn	Chạy ngược chiều	Đổi pha
		Khô dầu mỡ	Bổ sung dầu mỡ
		Hỏng bạc đạn	Thay bạc đạn
	Sục khí yếu	Ngược chiều	Đổi pha
		Hỏng van	Kiểm tra van và thay thế
	Không hoạt động	Máy hỏng	Thay thế hoặc sửa chữa
		Quá dòng	Kiểm tra toàn bộ máy và điều chỉnh role nhiệt nếu cần thiết.
Van điện	Van đóng khi công tắc đã mở	Cháy van	Sửa chữa hoặc thay thế
Phao điện	Đóng mở không đúng thực tế	Phao hỏng	Thay phao

+ Nước thải sau xử lý không đạt QCCP tuần hoàn, tái sử dụng phải quay trở lại hệ thống xử lý để xử lý lại. Trong trường hợp nghiêm trọng, cần khắc phục trạm XLNT trong thời gian dài sẽ tiến hành dừng hoạt động của cơ sở để khắc phục, sửa chữa mới đi vào hoạt động lại.

- Đối với khu vực sản xuất

+ Khu vực nghiền: Khi bể nghiền bột gặp sự cố sẽ tiến hành dừng máy, đóng van cấp và xả. Nước và bột giấy trong bể nghiền sẽ được bơm hồi lưu về bể chứa nguyên liệu lên giàn xeo. Sau đó tiến hành sửa chữa máy móc đảm bảo trước khi vận hành lại.

+ Khu vực xeo giấy: Khi hệ thống xeo giấy gặp sự cố, cán bộ vận hành tiến hành dừng hoạt động của máy, đóng các van cấp bột xeo. Nước xeo giấy trên dây chuyền sẽ được bơm hồi lưu về bể chứa nguyên liệu lên giàn xeo. Sau đó tiến hành sửa chữa máy móc đảm bảo trước khi vận hành lại.

6.2. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do hư hỏng hệ thống xử lý khí thải:

- Lập bảng ghi chú các sự cố lò hơi có thể xảy ra trong quá trình vận hành lò và phương pháp xử lý. Bảng này sẽ được treo tại xưởng đặt lò hơi để đảm bảo an toàn cho quá trình sử dụng.

- Công tác duy trì lò hơi: Định kỳ kiểm tra lò hơi. Chú ý các loại van, đường ống có hiện tượng rò rỉ không. Từ 3 đến 6 tháng vận hành phải ngưng lò kiểm tra sửa chữa toàn diện, kết hợp vệ sinh cho lò.

- Thường xuyên kiểm tra quạt hút và ống thoát khí dây chuyền xeo giấy đảm bảo các thiết bị hoạt động tốt, không bị rò rỉ, nứt vỡ. Định kỳ 3 tháng/lần tiến hành bảo dưỡng cho thiết bị.

- Khi xảy ra sự cố lò hơi cần tiến hành các công tác sau:

+ Tạm dừng tiếp nhiên liệu vào lò đốt

+ Đóng cửa lò

+ Kiểm tra, sửa chữa, thay các thiết bị công quạt hút, đường ống dẫn khí

+ Vận hành lại hệ thống khi các sự cố đã được khắc phục

6.3. Biện pháp giảm thiểu sự cố, rủi ro do các sự cố khác:

a. Phương án phòng ngừa rủi ro, sự cố do cháy nổ

Chủ đầu tư tự nhận thức ngành sản xuất của đơn vị sẽ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng khi dễ xảy ra sự cố do đó ngay trong giai đoạn xây dựng chủ đầu tư đã nghiêm chỉnh áp dụng biện pháp phòng chống cháy nổ nhằm hạn chế rủi ro về sự cố cháy nổ gây ra trong quá trình hoạt động của nhà máy cụ thể như sau:

- Đường giao thông thiết kế chạy xung quanh các nhà xưởng của cơ sở, đảm bảo chiều rộng bề mặt đường đảm bảo cho các xe PCCC di chuyển. Chiều rộng mặt cắt đường giao động 7-15m.

- Nghiêm cấm cán bộ công nhân viên nhà máy hút thuốc khu vực dễ cháy (xưởng sản xuất, kho nguyên liệu, kho thành phẩm, kho chất thải nguy hại, văn phòng làm việc ...). Quy hoạch phòng hút thuốc trong nhà ăn để phục vụ công nhân.

- Định kỳ 1 năm 2 lần sẽ tiến hành kiểm tra máy móc, thiết bị, giám sát các thông số kỹ thuật. Tại các khu vực có nguy cơ cháy nổ sẽ gắn biển hiệu lệnh PCCC. Thiết lập các hệ thống báo cháy, đèn hiệu và thông tin tốt. Các phương tiện chữa cháy được kiểm tra thường xuyên và luôn trong tình trạng sẵn sàng.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống điện, tránh tình trạng quá tải trên đường dây, hiện tượng chập cháy điện xảy ra. Các thiết bị điện sẽ được duy trì ở điều kiện an toàn, ngăn ngừa khả năng phát tia lửa điện ở các thiết bị, dụng cụ điện ở các khu vực gây nguy hiểm (kho nguyên liệu, kho thành phẩm, xưởng sản xuất, kho chứa CTNH).

- Phối hợp cảnh sát PCCC tổ chức huấn luyện, tuyên truyền, hướng dẫn PCCC định kỳ cho nhân viên.

- Bố trí thiết bị PCCC tại khu vực cơ sở:

Bảng 16. Số lượng các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy của cơ sở

TT	Tên thiết bị PCCC	Đơn vị	Hạng mục công trình tại dự án		
			Xưởng sản xuất	Nhà kho chất thải	Nhà điều hành

TT	Tên thiết bị PCCC	Đơn vị	Hạng mục công trình tại dự án		
			Xưởng sản xuất	Nhà kho chất thải	Nhà điều hành
1	Hộp đựng 3 bình 0,6x0,35x0,18	Bình bột	4	2	2
2	Bình chữa cháy CO ₂ -MT3	Bình	8	2	2
3	Bình chữa cháy MFZ4	Cái	8	2	2
4	Bảng nội quy, tiêu lệnh chữa cháy	Bộ	1	1	1
5	Vòi cứu hỏa chữa cháy	Cái	1	1	1
6	Trụ nước chữa cháy ngoài nhà	Chiếc	1	1	1
7	Họng tiếp nước chữa cháy	Chiếc	2	2	2
8	Máy bơm nước chữa cháy	Cái	1	1	1
9	Máy bơm bù áp	Cái	1	1	1

(Nguồn: Hiện trạng cơ sở)

b. Biện pháp phòng chống sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất

Xưởng nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất theo hướng dẫn tại Thông tư 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Công Thương.

Các biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất:

- Đối với nhà xưởng, nhà kho, chủ cơ sở thực hiện các biện pháp sau:
 - + Lắp đặt nội quy, biển cảnh báo; Khu vực xưởng, nhà kho luôn khô ráo, thoáng khí, không thấm dột, có hệ thống thu lồi, chống sét.
 - + Hóa chất để trong kho, nhà xưởng được dán nhãn mác phân loại rõ ràng, được sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất.
 - + Kiểm tra định kỳ hàng năm về an toàn phòng chống cháy nổ và hệ thống thu lồi chống sét, đèn chiếu sáng,...tại khu vực nhà xưởng, kho trước mùa mưa bão.
 - + Khu vực bảo quản hóa chất, lưu trữ hóa chất chỉ có công nhân đã qua huấn luyện về an toàn hóa chất, an toàn PCCC mới được làm việc.
 - + Thành lập đội ứng phó sự cố hoá chất khi có tình huống xảy ra
 - + Định kỳ hàng tháng cán bộ chịu trách nhiệm về an toàn hóa chất và môi trường kiểm tra kho chứa hàng, đặc biệt là các điểm có nguy cơ xảy ra sự cố cao.
- Đối với quá trình xếp, dỡ hàng nguy hiểm từ phương tiện vận chuyển và lưu kho thực hiện tuân thủ đúng chỉ dẫn về bảo quản, xếp, dỡ, vận chuyển của từng loại hóa chất nguy hiểm hoặc trong thông báo của người gửi.
- Yêu cầu người lao động khi sử dụng trực tiếp với hóa chất phải có chứng chỉ đào tạo về an toàn khi sử dụng hóa chất; Tổ chức cho công nhân mới nhận nhiệm vụ làm việc/tiếp xúc với hóa chất tham gia các lớp tập huấn về an toàn hóa chất trong nhà

máy.

Kế hoạch kiểm tra, giám sát các nguồn có nguy cơ xảy ra sự cố:

- Nhằm kịp thời phát hiện những nguy cơ sự cố có thể xảy ra công ty tiến hành xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát với nội dung như sau:

Bảng 17. Kế hoạch và nội dung kiểm tra, giám sát

STT	Kế hoạch kiểm tra	Thành phần kiểm tra	Nội dung kiểm tra giám sát	Quy định lưu giữ hồ sơ
1	- Kiểm tra thường xuyên	- 02 người gồm (1 quản lý kho và 1 nhân viên thuộc đội ứng đội ứng phó được chỉ định. - Trách nhiệm của thủ kho: Kiểm tra số lượng, chủng loại hóa chất trong kho, điều kiện các thiết bị, giá đỡ chứa hóa chất. - Trách nhiệm của nhân viên: đánh giá mức độ tuân thủ các quy tắc an toàn hóa chất	- Kiểm tra mức độ an toàn của các trang thiết bị tại nhà máy. Việc kiểm tra phải dựa trên các tiêu chuẩn thiết kế/chế tạo dành cho các thiết bị chứa. Người trong tổ kiểm tra phải có kiến thức và kinh nghiệm trong lĩnh vực hóa chất. - Kiểm tra tình trạng của các thiết bị bảo hộ lao động, các thiết bị ứng phó sự cố, các thiết bị báo cháy, hệ thống chữa cháy tự động tại các khu vực có nguy cơ cao. - Kiểm tra, giám sát tình hình an toàn sản xuất nhằm phát hiện kịp thời các sự cố hóa chất. Tiến hành kiểm tra tình trạng hóa chất thông qua việc giám sát thực tế và sử dụng bảng checksheet. - Kiểm tra việc quản lý, lưu trữ và cập nhật hồ sơ về an toàn hóa chất.	Trong quá trình kiểm tra cần ghi chép cụ thể hiện trạng của kho chứa, thông tin về các loại hóa chất trong kho, thông tin về an toàn trong việc lưu giữ, vận chuyển, sử dụng hóa chất. Biên bản kiểm tra được lưu giữ tại các phòng ban liên quan và báo cáo đến ban giám đốc nhà máy.
2	Kiểm tra đột xuất	Phó chỉ huy đội ứng phó có trách nhiệm kiểm tra: + Phát hiện ra những hành động không phù hợp (thao tác sai quy trình, thiếu an toàn, không ghi chép vào sổ theo dõi) của nhân viên. + Phát hiện ra những sai sót tại điểm lưu giữ (ví dụ: Không gắn MSDS) hoặc trực trực của thiết bị phục vụ công tác ứng phó sự cố kịp thời. + Đưa ra các đề xuất cho lãnh đạo cấp trên để có hành động	- Giám sát thao tác kỹ thuật của nhân viên trong các xưởng sử dụng hóa chất trong bất cứ thời điểm nào. - Đánh giá trực quan xem khu vực lưu trữ hóa chất đã đạt các yêu cầu: Có biển cảnh báo? Vệ sinh sạch sẽ? Các sơ đồ quy trình, thông tin về an toàn hóa chất? Thiết bị phục vụ ứng phó có sẵn sàng? - Kiểm tra đột xuất tại những điểm có nguy cơ cao và báo cáo cho cấp trên về những bất thường để đưa ra những quyết định ngăn chặn rõ ràng một cách kịp thời. - Giám sát hoạt động bốc dỡ hàng hóa của các nhà cung cấp nếu cần thiết. - Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống điện, chống sét.	

		khắc phục phù hợp		
--	--	-------------------	--	--

+ Trường hợp bị tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Phần bị thấm vào mặt bằng có thể thấm thấu ăn mòn phần này bằng đất sét, chất trơ khác và để trong những thùng chứa thích hợp để đem tiêu hủy sau khi quá trình xử lý hoàn tất.

Dùng cát, đất để tạo bờ chắn xung quanh khu vực bị tràn hóa chất, không để hóa chất NaOH chảy lan rộng, dùng vật liệu khô như cát, tro rải lên sau đó thu gom và xử lý cùng CTNH. Tìm mọi biện pháp bịt kín chỗ hở đang rò rỉ..

- Thiết bị yêu cầu cho công nhân vận hành: Mặt nạ, găng tay, kính bảo vệ mặt (mắt và miệng); Trong khi thao tác làm việc nghiêm cấm ăn uống, hút thuốc,...

Cơ sở sử dụng một số loại hóa chất để vận hành hệ thống xử lý nước thải, do vậy quá trình vận hành các hệ thống xử lý này có thể sẽ xảy ra một số sự cố với hóa chất, các giải pháp xử lý như sau:

- Trường hợp hít phải:

Trong trường hợp hít phải đưa nạn nhân đến nơi có môi trường không khí trong lành và tìm kiếm lời khuyên y tế. Áp dụng hô hấp nhân tạo nếu bệnh nhân không thở hoặc dưới sự giám sát y tế.

- Trường hợp tiếp xúc với da:

Sau khi tiếp xúc với da, rửa ngay lập tức với nhiều nước. Cởi bỏ ngay lập tức tất cả các quần áo bị ô nhiễm.

- Trường hợp hóa chất tiếp xúc với mắt:

Trong trường hợp này, cần rửa sạch ngay với thật nhiều nước và tìm tư vấn y tế.

- Trường hợp ảnh hưởng hệ tiêu hóa:

Nếu nuốt phải thì phải tìm kiếm sự tư vấn của y tế ngay lập tức.

c. Biện pháp phòng ngừa ứng phó sự cố lan truyền dịch bệnh

- Thu gom chất thải rắn chất thải xây dựng và sinh hoạt; thu gom xử lý nước thải theo đúng quy định.

- Một số bệnh dịch truyền nhiễm như cúm, sốt virus, sởi... và hiện nay đang có dịch covid rất nguy hiểm do đó nhà thầu thi công thường xuyên tuyên truyền cho công nhân các biện pháp phòng bệnh và cách ly bệnh nhân bị nhiễm bệnh. Thực hiện tốt theo khuyến cáo của Bộ y tế bao như:

- Đeo khẩu trang vải thường xuyên tại nơi công cộng, nơi tập trung đông người; đeo khẩu trang y tế tại các cơ sở y tế, khu cách ly.

- Rửa tay thường xuyên bằng xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay. Vệ sinh các bề mặt/vật dụng thường xuyên tiếp xúc (tay nắm cửa, điện thoại, máy tính bảng, mặt bàn, ghế...). Giữ vệ sinh, lau rửa và để nhà cửa thông thoáng.

Khi có dấu hiệu bất thường như ho, sốt cần hạn chế đến nơi tập trung đông

người, đến ngay cơ sở y tế gần nhất để được thăm khám sàng lọc và điều trị.

- Định kỳ tập huấn cho cán bộ, công nhân về biện pháp đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong sinh hoạt hàng ngày.

d. Biện pháp giảm thiểu tác động ảnh hưởng tới an toàn lao động của cán bộ công nhân

- Bố trí cán bộ an toàn lao động, nhắc nhở cán bộ công nhân xưởng sản xuất nghiêm túc sử dụng thiết bị an toàn lao động trong quá trình sản xuất. Nghiêm cấm hành vi đùa nghịch, mất tập trung trong quá trình sản xuất.

- Đối với công nhân trực tiếp cân định lượng hóa chất trước khi đưa vào pha phục vụ sản xuất và xử lý nước thải được trang bị gang tay, quần áo, mũ, kính, ủng, mặt nạ chống độc tránh ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân.

- Chủ đầu tư bố trí phòng nghỉ cho cán bộ công nhân ở xa dự án để thuận lợi cho làm việc. Tổ chức nấu ăn cho cán bộ công nhân. Bố trí phòng nghỉ trưa cho cán bộ công nhân để đảm bảo sức khỏe lao động.

e. Biện pháp phòng ngừa sự cố lò hơi

** Hiện tượng cạn nước:*

- Hiện tượng: Nhìn thấy đèn tín hiệu đỏ trên tủ điều khiển trung tâm, chuông báo sự cố cạn nước kêu, kiểm tra ống thủy thấy cạn nước

- Nguyên nhân: Thiết bị cấp nước tự động hỏng, van xả đáy hở, công nhân vận hành không theo dõi mức nước, do đường nước ra ống thủy tắc.

- Phương pháp xử lý:

+ Cắt chuông báo.

+ Thông rửa ống thủy.

+ Nếu nước trong ống thủy còn thì tiếp tục cung cấp nước vào lò theo quy trình sau: Tắt quạt cấp gió, đóng các cửa hút khói, chuyển bơm cấp nước sang chế độ tay và cấp nước vào lò đến mức 1/3 ống thủy, dừng cấp 5 phút nếu mức nước ổn định thì tiếp tục cấp nước đến mức bình thường và cho lò hoạt động tiếp.

** Hiện tượng đầy nước quá mức:*

- Hiện tượng: Thấy đèn tín hiệu trong tủ điều khiển trung tâm đỏ và chuông báo đầy nước kêu, ống thủy ngập nước.

- Nguyên nhân: Thiết bị khống chế mức nước hỏng, công nhân vận hành không theo dõi, do van cấp nước không kín.

- Phương pháp xử lý:

+ Cắt chuông;

+ Đóng van cấp nước của ống thủy, mở van xả để xả hết nước trong ống thủy, rồi mở van cấp nước vào ống thủy;

+ Nếu nước trong ống thủy ở mức trung bình thì cho vận hành bình thường.

+ Nếu ống thủy vẫn ngập nước thì tắt bơm và van cấp nước vào lò, tiến hành xả đáy lò theo quy trình xả đến mức nước còn 2/3 trong ống thủy thì dừng, nếu mức nước

ổn định thì xả tiếp về mức trung bình và cho lò vận hành bình thường.

** Hiện tượng kẹt ghi.*

- Hiện tượng: Ghi lò đang chạy tự nhiên ngưng lại, rồi lại tiếp tục chạy khi nhanh khi chậm, bộ ly hợp trên bộ điều tốc rung lắc, có tiếng kêu của trục ghi lò.

- Nguyên nhân: Bu lông căng ghi xích hai bên đầu ghi bên căng bên trùng làm cho ghi lò xô dịch, trục ghi lò bị cong, do rơi chi tiết bằng kim loại vào mắt xích, mắt xích gãy, xỉ tro vón chặt vào xích, lò xo. Tiến hành thông rửa ống thủy và giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước trở lại ở mức bình thường. Xả nước trên đường cấp hơi và sau đó cho lò hơi hoạt động trở lại bình thường.

- Biện pháp: Vận nút điều chỉnh trên hộp giảm tốc về “0”, cho ghi lò ngừng chuyển động để kiểm tra. Căn chỉnh lại độ lệch trục hai bên bằng hiệu chỉnh của căng xích, sửa chữa các vị trí kẹt. Nếu vẫn kẹt ghi thì dừng lò sự cố để sửa chữa.

** Xì hơi các bộ phận chịu áp lực:*

- Hiện tượng: nghe có tiếng rít của hơi xì ra mạnh.

- Nguyên nhân:

+ Do chất lượng chế tạo, sửa chữa, lắp ráp không đảm bảo.

+ Do gió lạnh lùa vào nhiều làm nứt kim loại.

+ Do chất lượng nước không tốt gây mòn cục bộ sinh ra biến dạng thùng nứt.

Biện pháp:

+ Nếu là các van xì nhẹ thì chờ đến kỳ gần nhất tu sửa.

+ Nếu xì ở các bộ phận áp lực thì dừng lò sự cố để khắc phục.

e, Hỏng ống thủy và áp kế

- Hiện tượng: Nghe tiếng nổ, hơi và nước phun ra.

- Nguyên nhân: Do ống thủy tiếp xúc nóng lạnh đột ngột hoặc va đập mạnh. Do quá trình lắp lệch tâm, chặt quá không có chỗ giãn nở gây nứt vỡ.

- Khắc phục: Thay thế mới bằng ống thủy dự trữ.

f. Biện pháp phòng ngừa sự cố an toàn thực phẩm

- Để phòng chống sự cố do ngộ độc thực phẩm xảy ra, nhà máy áp dụng một số biện pháp sau:

+ Chủ cơ sở và cán bộ công nhân viên làm việc tại khu vực nhà bếp phải được trang bị đầy đủ kiến thức cơ bản về vệ sinh an toàn thực phẩm và trang bị bảo hộ lao động trong quá trình chế biến thức ăn như: khẩu trang, mũ, găng tay,... khi chế biến thức ăn.

+ Khu vực nhà bếp, nơi chế biến thức ăn phải luôn sạch sẽ; có đủ dụng cụ bảo quản, chế biến riêng đối với thực phẩm sống, thực phẩm chín; có đủ dụng cụ chia, gói, chứa đựng thức ăn, dụng cụ ăn uống bảo đảm sạch sẽ, thực hiện chế độ vệ sinh hàng ngày; không sử dụng tay trực tiếp để chia thức ăn chín.

+ Khu vực kho phải có đầy đủ trang thiết bị bảo quản theo yêu cầu của thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm (tủ lạnh, tủ mát, tủ đá...); bảo quản riêng biệt đối với thực phẩm sống, thực phẩm chín; bảo đảm vệ sinh và vệ sinh định kỳ.

+ Nguyên liệu thực phẩm phải có nguồn gốc xuất xứ, bảo đảm an toàn; có hợp đồng về nguồn cung cấp theo quy định và không sử dụng phụ gia thực phẩm ngoài danh mục cho phép của Bộ Y tế.

- Đối với nhân viên chế biến thực phẩm: Rửa tay bằng xà phòng và nước sạch trước; Mặc quần áo sạch sẽ, đầu tóc gọn gàng khi chuẩn bị thức ăn và Chủ đầu tư thường xuyên khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên khu vực bếp (tần suất 02 lần/năm vào khoảng tháng 4 và tháng 8 hàng năm).

- Trường hợp khi xảy ra sự cố thì sẽ phối hợp với chính quyền địa phương đưa cán bộ công nhân viên đến trạm y tế của nhà máy, Bệnh viện Đa khoa huyện Quan Hoá, bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa để được điều trị cấp cứu người bệnh kịp thời.

7. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

7.1. Các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở đã được điều chỉnh, thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt

Các công trình cơ sở bảo vệ môi trường khác với các biện pháp BVMT trong báo cáo ĐTM đã được UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt tại Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 được thể hiện trong bảng sau:

STT	Tên công trình BVMT	Phương án đề xuất trong báo cáo ĐTM	Phương án điều chỉnh, thay đổi đã được thực hiện	Lý do thay đổi
1	Hệ thống XLNT tập trung	- Công suất hệ thống: 300m³/ngày.đêm - Quy trình xử lý: Bể điều hoà → Bể hiếu khí → Bể keo tụ → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể sục khí kết hợp oxy hóa nâng cao → Bể chứa nước tuần hoàn	- Công suất hệ thống: 300m³/ngày.đêm - Quy trình xử lý: Bể điều hoà → Bể phản ứng hoá lý → Bể lắng hoá lý → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể oxy hoá nâng cao → Bể chứa nước tuần hoàn	Thay đổi công nghệ để nâng cao hiệu quả xử lý nước thải tại dự án, đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra phục vụ cho mục đích tuần hoàn tái sử dụng vào mục đích sản xuất (Căn cứ điểm c, khoản 14, Điều 168 Điều khoản chuyển tiếp của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định “Đối với cơ sở đang hoạt động có tiêu chí về môi trường tương đương với đối tượng phải cấp giấy phép môi trường và phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường nhưng không có một trong các hồ sơ này, chủ cơ sở phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cho dự án đầu tư có hoạt động rà soát, cải tạo, nâng cấp, bổ sung các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường trong thời hạn khắc phục hậu quả vi phạm theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính”
2	Hệ thống Xử lý khí thải	Khí thải lò hơi → Buồng thu bụi → Quạt hút → Tháp hấp thụ → Ống khói D300 cao 15m	Khí thải lò hơi → Quạt hút → Bể rửa khí → Ống khói D600 cao 12m	Công nghệ xử lý khí thải sử dụng bể rửa khí vận hành đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả xử lý tương đương việc sử dụng tháp hấp thụ
3	Xử lý bùn	Không trang bị máy ép bùn	Trang bị máy ép bùn trục vít	Tăng hiệu quả trong hoạt động thu gom bùn thải, giảm diện tích đáng kể so với việc sử dụng sân phơi bùn

CHƯƠNG IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị quản lý đối với nước thải

- Nguồn phát sinh nước thải:

+ Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 2,5 m³/ngày.đêm, xử lý tại bể tự hoại, bể lắng sau đó dẫn vào hệ thống XLNT tập trung.

+ Nguồn số 2: Nước thải sản xuất phát sinh từ các bể ngâm ủ bột giấy và dây chuyền xeo giấy, lưu lượng 225 m³/ngày.đêm, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 300 m³/ngày đêm xử lý đạt quy chuẩn để tái sử dụng.

- Lưu lượng xả nước thải tối đa:

❖ Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải từ quá trình tắm, giặt phát sinh khoảng: 1,25 m³/ngày.

- Nước thải từ nhà vệ sinh phát sinh khoảng: 1,25 m³/ngày

=> Như vậy, tổng lượng nước thải sinh hoạt vào thời điểm lớn nhất của cơ sở là 2,5 m³/ngày.

Nước thải sản xuất Nước thải sản xuất có lưu lượng lớn nhất là 225 m³/ngày. Trong đó:

+ Nước thải dịch đen (từ hoạt động ngâm ủ nguyên liệu và rửa nguyên liệu lần 1) là 26,0m³/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là lignin, các chất chiết chủ yếu là rượu cao phân tử mạch dài: sterol, terpeno ancol...

+ Nước thải xeo giấy, rửa nguyên liệu là 218,5 m³/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là xơ sợi, hemixenlulo và một lượng các hợp chất vô cơ khác.

=> Lượng nước phát sinh tối đa của cơ sở là: **227,5 m³/ngày**

- **Dòng nước thải:** Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung được tuần hoàn tái sử dụng vào mục đích cung cấp nước phục vụ sản xuất.

- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Chất lượng nước sau xử lý lưu giữ trong bể chứa tuần hoàn bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy QCVN 12-MT:2015/BTNMT cột B3, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN12-MT:2015/BTNMT
			Cột B3
1	Nhiệt độ	°C	40
2	pH	mg/l	5,5 – 9
3	BOD ₅	mg/l	100
4	COD	mg/l	200
5	TSS	mg/l	100
6	Độ màu	Pt-Co	200

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí xả nước thải: Nước thải sau xử lý tại hệ thống XLNT tập trung của dự án được dẫn về bể chứa nước tuần hoàn của hệ thống để làm nước cấp phục vụ cho quá trình sản xuất, không thải ra ngoài môi trường.

+ Phương thức xả thải: Không xả thải. Chủ cơ sở chịu trách nhiệm trong quản lý

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ lò hơi, lưu lượng khí thải 12.000 m³/h;.

+ Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng, lưu lượng khí thải lớn nhất là 700 m³/giờ

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

Lưu lượng khí thải tối đa của từng nguồn là:

Dòng khí số 01: Ống khói lò hơi, P = 12.000 m³/h.

Dòng khí số 02: P = 700 m³/h

- Dòng khí thải: 05 dòng khí thải sau xử lý được xả ra môi trường.

Chất lượng khí thải trước khi thải vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ QCVN 19:2009/BTNMT với hệ số k_p=1,0, hệ số k_v=1,4, cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (Cột B, K _p =1,0; K _v =1,4)
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	280
2	NO _x (Tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	1190
3	SO ₂	mg/Nm ³	700
4	CO	mg/Nm ³	1400

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

+ Vị trí xả thải:

STT	Vị trí xả thải	Tọa độ (VN 2000)	
		X	Y
1	Ống khói của lò hơi	2250097	516332
2	Ống thoát khí của máy phát điện dự phòng	2250108	516354

+ Phương thức xả thải:

Dòng khí số 01: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống thải, liên tục 8 giờ/ngày

Dòng khí số 02: Xả cưỡng bức bằng quạt hút qua ống thoát khí ra môi trường

+ Nguồn tiếp nhận khí thải: Môi trường không khí xung quanh khu vực cơ sở.

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Hoạt động của giàn xeo giấy
- + Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung)

- + Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng

- Vị trí phát sinh:

STT	Vị trí phát sinh	Tọa độ (VN 2000)	
		X	Y
1	Nguồn số 01: Hoạt động của giàn xeo giấy	2250082	516377
2	Nguồn số 02: Máy thổi khí, máy bơm của hệ thống xử lý nước thải (Hệ thống xử lý nước thải tập trung)	2250098	516380
3	Nguồn số 03: Máy phát điện dự phòng	2250108	516354

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

- + Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- + Giá trị giới hạn đối với độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

Ghi chú: QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung.

4. Nội dung yêu cầu về quản lý chất thải

4.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

4.1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường

xuân:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
		Rắn	Lỏng	Bùn		
1	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	3

2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác		x		17 02 04	20
3	Bao bì mềm có chứa hoặc nhiễm các thành phần nguy hại	x			18 01 01	15
4	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	20
5	Giẻ lau dính dầu mỡ thải	x			18 02 01	15
6	Hóa chất vô cơ thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại (trừ các mã nêu trên tại nhóm mã (02, 13, 14 và 15)	x			19 05 03	2
7	Pin, ắc quy chì thải	x			19 06 01	5
	Tổng					80

4.1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải, bùn cặn khác	11.100
2	Tro lò đốt	22.500
Tổng khối lượng		33.600

4.1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	6,15
Tổng khối lượng		6,15

4.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại:

4.2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 200 lít (07 thùng).
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

b. Kho lưu chứa:

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích 12,0 m². (Kích thước BxL=3,0x4,0m)

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được xây tường gạch và lán nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,3m, mái đổ bê tông, có gờ cao tránh chảy tràn chất thải dạng lỏng.

- Khu vực lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kì

chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

4.2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Tro lò được thu gom vào bể chứa tro, bùn thải được đóng vào bao bì.
- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 200 lít (03 thùng).

b. Kho lưu chứa:

- Kho lưu giữ chất thải có diện tích 12,0 m² (Kích thước BxL=3,0x4,0m)
- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu chứa được xây tường gạch và lát nền vữa xi măng chống thấm, tường xây gạch cao khoảng 2,3m, mái đổ bê tông. Khu vực bể chứa tro lò đốt được xây gạch sâu 1,5m.

4.2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích 100 lít (03 thùng).

b. Kho lưu chứa:

Đặt tại khu vực nhà điều hành và sân đường nội bộ

CHƯƠNG V. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

Hợp tác xã Hà Long thực hiện chương trình quan trắc định kỳ theo Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm và 1.200 tấn đũa tươi/năm.

Kết quả quan trắc cụ thể như sau:

Bảng 18. Kết quả quan trắc định kỳ nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả phân tích	QCVN 12-MT: 2015/BTNMT (Cột B)
				NT	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	5,5-9
2	Độ màu		TCVN 6185:2015	32,8	150
3	TSS	mg/l	TCVN 6625:2000	13,6	100
4	BOD ₅	mg/l	TCVN 6001-1:2008	20,8	50
5	COD	mg/l	SMEWW 5220C:2017	29,5	150

(Nguồn: Đoàn Mỏ - Địa chất Thanh Hóa ngày 31/10/2020)

- Ghi chú:

+ Vị trí lấy mẫu:

NT: Mẫu nước thải sau xử lý tại bể chứa nước tuần hoàn

+ QCVN 12-MT:2015/BTNMT (Cột B3): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy

Cột B3 Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp giấy và bột giấy khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Nhận xét:

Các thông số đều nằm trong giá trị cho phép theo QCVN 12-MT:2015/BTNMT (Cột B3)

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

Hợp tác xã Hà Long thực hiện chương trình quan trắc định kỳ theo Quyết định số 3816/QĐ-UBND ngày 15/9/2020 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm và 1.200 tấn đũa tươi/năm.

Kết quả quan trắc cụ thể như sau:

Bảng 19. Kết quả quan trắc định kỳ khí thải

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả phân tích			QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
			19/6/2020	28/8/2020	31/10/2020		

						(cột B)	
1	Nhiệt độ	$^{\circ}C$	37,4	39,2	30,2	-	-
2	Độ ẩm	%	51,2	51,4	57,4	-	-
3	Vận tốc gió	m/s	0,4	0,3	0,8	-	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	61,8	64,4	60,2	-	70
5	Bụi tổng	mg/Nm ³	0,280	0,245	0,276	200	-
6	NO _x (NO ₂)	mg/Nm ³	0,0139	0,0154	0,0337	850	-
7	SO ₂	mg/Nm ³	0,0245	0,0260	0,0192	500	-
8	CO	mg/Nm ³	<3,500	<3,500	5,024	1000	-
9	H ₂ S	mg/Nm ³	-	-	0,00484	7,5	-

- Ghi chú:

+ Vị trí lấy mẫu:

KK: Mẫu khí tại khu vực ống thoát khí lò hơi

+ QCVN19:2009/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp

+ QCVN 26: 2010/ BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

- Nhận xét:

Sau khi so sánh các chỉ tiêu không khí tại các khu vực ống thoát khí của xưởng với QCVN19:2009/BTNMT và QCVN 26: 2010/ BTNMT cho thấy: Tất cả chỉ tiêu không khí đo được tại các khu vực trung tâm của xưởng ở các ngày khác nhau đều nhỏ hơn giới hạn cho phép, không gây tác động đến môi trường.

CHƯƠNG VI. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian vận hành thử nghiệm dự kiến từ 30/7/2025 đến 30/10/2025

STT	Công trình xử lý chất thải đã hoàn thành	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
1	Hệ thống XLNT tập trung 300m ³ /ngày.đêm	30/7/2025	30/10/2025	100%
2	Hệ thống xử lý khí thải	30/7/2025	30/10/2025	100%

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

a. Kế hoạch quan trắc chất thải

Quan trắc chất thải bằng mẫu tổ hợp:

- Đối với mẫu nước thải: Quá trình lấy mẫu tổ hợp nước thải tại cơ sở được tổng hợp từ 03 mẫu đơn lấy tại 03 thời điểm khác nhau trong ngày. Thời điểm 1: 8h00 sáng; Thời điểm 2: 13h00 chiều; Thời điểm 3: 17h00 chiều và được trộn đều với nhau.

Bảng 20: Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc (mẫu tổ hợp)

Nội dung	Thời gian dự kiến lấy mẫu				
	30/7/2025	15/8/2025	30/8/2025	15/9/2025	30/9/2025
Lấy mẫu nước thải	√	√	√	√	√

Quan trắc chất thải bằng mẫu đơn:

Bảng 21: Thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc (mẫu đơn)

Thời gian	Lấy mẫu nước thải		Lấy mẫu khí thải	
	Đầu vào	Đầu ra	Đầu vào	Đầu ra
20/10/2025	√	√		√
21/10/2025		√		√
22/10/2025		√		√
23/10/2025		√		√
24/10/2025		√		√
25/10/2025		√		√
26/10/2025		√		√

* Giám sát chất lượng khí thải

- Các chỉ tiêu giám sát: Nhiệt độ, bụi, CO, NO₂, SO₂.

- Vị trí giám sát:

+ KT: Vị trí tại ống khói từ lò hơi

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, $K_p=1,0$; $K_v=1,4$).

** Giám sát chất lượng nước thải:*

- Các chỉ tiêu giám sát: pH, Nhiệt độ, Độ màu, TSS, BOD₅, COD

- Vị trí quan trắc:

+ Công đoạn xử lý nước thải sản xuất

NT1: Lấy mẫu tại bể điều hòa của Hệ thống XLNT tập trung

NT2: Lấy mẫu tại bể chứa nước tuần hoàn sau xử lý của Hệ thống XLNT tập trung

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 12-MT:2015/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (Cột B3).

b. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trung tâm Quan trắc và Bảo vệ Môi trường – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Bảng 22. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ của cơ sở

STT	Loại mẫu	Vị trí và số lượng	Tần suất giám sát	Thông số giám sát	Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
1	Nước thải	+ NT: 01 mẫu tại bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng.	03 tháng/lần	pH; BOD ₅ ; COD; TSS, Độ màu	+ QCVN 12-MT: 2015/BTNMT (Cột B3): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Cơ sở thuộc đối tượng không phải giám sát môi trường theo chương trình quan trắc tự động liên tục chất thải.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không có

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.

Bảng 23. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

TT	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
I	Chất lượng môi trường nước thải	01 mẫu		1.230.380
	- pH		76.833	76.833
	- Nhiệt độ		326.084	326.084
	- TSS		204.961	204.961
	- BOD ₅		263.545	263.545
	- COD		278.330	278.330
	- Độ màu		80.627	80.627
Tổng cộng chương trình giám sát môi trường				1.230.380

Ghi chú: Đơn giá của các thông số phân tích theo Quyết định 19/2020/QĐ-UBND, ngày 7/5/2020 của chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành Bộ đơn giá sản phẩm hoạt động quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Ngày 27/4/2021, Đoàn Thanh tra liên ngành đã tiến hành thanh kiểm tra cơ sở theo Quyết định 1303/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành thanh kiểm tra Xưởng sản xuất lâm sản của Hợp tác xã Hà Long.

Ngày 07/7/2021, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Quyết định số 2391/QĐ-XPVPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với Hợp tác xã Hà Long trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Ngày 04/7/2023, UBND tỉnh Thanh Hóa đã có Công văn số 9454/UBND-NN về việc xác nhận việc khắc phục hậu quả vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường của Hợp tác xã Hà Long Xác nhận Hợp tác xã Hà Long đã khắc phục một số nội dung theo yêu cầu của Quyết định số 2391/ QĐ-XPVPHC ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh, bao gồm:

- Thực hiện nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính với tổng số tiền 160.000.000 đồng vào Kho bạc nhà nước tỉnh Thanh Hóa (giấy nộp tiền ngày 19/7/2021) và chấp hành yêu cầu tạm dừng hoạt động kể từ ngày 27/4/2021 đến nay;

- Công ty đã tháo dỡ một phần nhà xưởng sản xuất diện tích khoảng 632,85 m² nằm ngoài mặt bằng quy hoạch, hiện tại còn khoảng 175 m² đang tận dụng để tập kết tạm máy móc, thiết bị trong quá trình phá dỡ; đã tháo dỡ nhà điều hành, kho chứa đồ bếp, khu vệ sinh có tổng diện tích xây dựng lần chiếm là 190,6 m²; Tháo dỡ nhà ăn, nhà nghỉ ca công nhân, nhà vệ sinh công nhân có diện tích lần chiếm là 190,4 m²; tháo dỡ nhà kho vật tư có diện tích xây dựng lần chiếm 35,2 m²; phá bỏ tường rào phía Tây, nhà bảo vệ, khối lượng phá dỡ khoảng 3m³, đã phá dỡ nhà kho thành phẩm thuộc diện tích đất trồng cây lâu năm (kết cấu chủ yếu là mái tôn, tường xây gạch, cấp công trình cấp 4). Ngoài ra, Công ty đã di dời toàn bộ công trình xử lý nước thải (cách sông Mã trên 25m), trạm điện vào vị trí khu đất của Công ty được UBND huyện phê duyệt quy hoạch tổng mặt bằng.

Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Hợp tác xã Hà Long xin cam kết các nội dung sau đây:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường:

+ Các số liệu, dữ liệu (như nguồn ô nhiễm, thông số ô nhiễm, tải lượng ô nhiễm,..). Chủ cơ sở dùng làm cơ sở đánh giá trong báo cáo chủ yếu dựa vào số liệu thống kê, đo đạc thực tế tại cơ sở trong thời gian hoạt động nên có mức độ tin cậy và độ chính xác cũng như phù hợp với cơ sở trong thời gian tới.

+ Có một số đánh giá tác động, nguồn thải của cơ sở mang tính định tính hoặc bán định lượng do chưa đủ thông tin hoặc chưa có số liệu chi tiết để đánh giá. Nhưng nhìn chung báo cáo đã đánh giá tương đối đầy đủ các tác động và có độ tin cậy cần thiết về tác động nguồn thải của cơ sở, đồng thời đề xuất, thực hiện các giải pháp khả thi để hạn chế các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

+ Xử lý nước thải: Chủ đầu tư cam kết nghiêm túc vận hành hệ thống thu gom nước thải phát sinh từ cơ sở. Nước thải sau trạm XLNT tập trung được tái sử dụng tuần hoàn 100%.

+ Vận hành đúng quy trình kỹ thuật hệ thống XLNT tập trung

+ Bụi và khí thải phát sinh từ cơ sở sẽ đảm bảo đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

+ Cam kết phân loại, thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải rắn và chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

+ Cam kết không xả chất thải, nước thải ra sông Mã.

- Cam kết sản xuất đúng công suất theo Giấy phép môi trường được cấp

+ Cam kết tuân thủ các quy định về tần suất quan trắc, chương trình và giám sát môi trường theo quy định.

+ Cam kết lắp đặt thiết bị camera giám sát tại hệ thống XLNT tập trung và gửi đường truyền về UBND huyện Quan Hoá.

+ Cam kết thực hiện nghiêm túc các phương án giảm thiểu ô nhiễm, các biện pháp phòng ngừa và sẵn sàng ứng phó khi có sự cố môi trường xảy ra.

+ Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro về môi trường trong quá trình hoạt động của cơ sở.

+ Cam kết chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh Thanh Hóa, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam nếu có vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường để xảy ra các sự cố gây ô nhiễm môi trường./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5869 /UBND-NN

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 5 năm 2019

V/v thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh.

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Công an tỉnh;
- UBND các huyện: Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Cẩm Thủy.

UBND tỉnh nhận được Văn bản số 46/BC-STNMT ngày 12/4/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo về công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa (có bản sao gửi kèm theo); để đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước các sông chính trên địa bàn tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo như sau:

- Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện: Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Cẩm Thủy và các đơn vị liên quan:

+ Rà soát việc khắc phục các tồn tại đối với các cơ sở sản xuất giấy và bột giấy vi phạm pháp luật về môi trường thời gian qua; tham mưu UBND tỉnh xem xét, đình chỉ hoạt động đối với cơ sở không thực hiện giải pháp khắc phục hậu quả và cơ sở vi phạm pháp luật đất đai theo quy định, báo cáo UBND tỉnh;

+ Rà soát hồ sơ, thủ tục về môi trường, đất đai, tài nguyên nước... đối với các cơ sở sản xuất giấy vàng mã đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các cơ sở hoàn thiện thủ tục hồ sơ thuê đất, đánh giá tác động môi trường, tài nguyên nước theo quy định của pháp luật, báo cáo UBND tỉnh.

- Giao Chủ tịch UBND các huyện: Ngọc Lặc, Lang Chánh, Bá Thước, Quan Sơn, Quan Hóa, Thường Xuân, Cẩm Thủy: Chỉ đạo các phòng chuyên môn của huyện, UBND các xã, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Cảnh sát Môi trường - Công an tỉnh tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất giấy và bột giấy trên địa bàn, chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư: Trong quá trình nghiên cứu, tham mưu cho UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư, không chấp thuận chủ trương

đầu tư các dự án sản xuất bột giấy, giấy vàng mã tại các khu vực đầu nguồn các hệ thống sông suối, ảnh hưởng đến môi trường nước trên địa bàn tỉnh.

- Giao Công an tỉnh: Tiếp tục thực hiện các biện pháp nghiệp vụ nhằm ngăn chặn kịp thời, phòng ngừa các hoạt động xả trộm nước thải chưa qua xử lý ra môi trường của các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan đầu mối, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn này của các đơn vị; định kỳ, báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện/.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để báo cáo);
- Công Thông tin điện tử tỉnh TH;
- Lưu: VT, Pg NN.



Nguyễn Đức Quyền



Ký bởi Sở Tài nguyên và Môi trường (ND)
Giấy ký: 09/09/2019/10.14.2019

UBND TỈNH THANH HOÁ
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 5280/STNMT-QLĐĐ

V/v Sử dụng đất, bảo vệ môi trường
của các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy
trên địa bàn huyện Quan Hoá.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hoá, ngày 28 tháng 9 năm 2019.

Kính gửi: UBND huyện Quan Hoá, ..

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 5869/UBND-NN ngày 16/5/2019, giao Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá hoàn thiện thủ tục hồ sơ thuê đất, đánh giá tác động môi trường, tài nguyên nước theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở kết quả kiểm tra, rà soát việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường của các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn huyện Quan Hoá, căn cứ các quy định của pháp luật đất đai, bảo vệ môi trường và tài nguyên nước, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

Trên địa bàn huyện Quan Hoá hiện nay có 08 cơ sở sản xuất giấy, bột giấy đang hoạt động gồm: Công ty TNHH Duyệt Cường, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Hợp Phát, Hợp tác xã Hà Long, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã (02 cơ sở), Hợp tác xã Chế biến lâm sản Quan Hoá, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạnh Nguyễn tại xã Xuân Phú; Hợp tác xã Xuân Dương, Công ty TNHH Thương mại vận tải Hoàng Vân tại xã Hồi Xuân. Trong đó,

- Công ty TNHH Duyệt Cường, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạnh Nguyễn đã được UBND tỉnh cho thuê đất.
- Hợp tác xã Chế biến lâm sản Hợp Phát đã được UBND tỉnh cho thuê đất nhưng đang sử dụng đất nhiều hơn diện tích đất thuê.
- Hợp tác xã Hà Long, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Quan Hoá, Hợp tác xã Xuân Dương được UBND huyện Quan Hoá cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa phù hợp với quy định của pháp luật đất đai hiện hành; diện tích sử dụng đất lớn hơn diện tích được cấp Giấy chứng nhận.
- Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã, Công ty TNHH Thương mại vận tải Hoàng Vân đang sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

Như vậy, từ Công ty TNHH Duyệt Cường, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạnh Nguyễn, các Đơn vị khác đang sử dụng đất chưa phù hợp với quy định của pháp luật đất đai, gây khó khăn trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, ảnh hưởng đến môi trường đầu tư, tạo dư luận xã hội. Đây là vấn đề tồn tại trong nhiều năm qua trên địa bàn, do đó để khắc phục, chấn chỉnh tình hình sử dụng đất của các Đơn vị này, Sở Tài nguyên và Môi trường yêu cầu UBND huyện Quan Hoá và các Đơn vị (Hợp tác xã Chế biến lâm sản Hợp Phát,

Hợp tác xã Hà Long, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Quan Hoá, Hợp tác xã Xuân Dương, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã, Công ty TNHH Thương mại vận tải Hoàng Vân) thực hiện các công việc sau:

1. Đối với UBND huyện Quan Hoá:

Kiểm tra, rà soát điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 huyện Quan Hoá đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1766/QĐ-UBND ngày 13/5/2019; trong trường hợp các khu đất đang sử dụng nêu trên chưa phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, khi lập quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2030, UBND huyện Quan Hoá phải thực hiện việc cập nhật chức năng sử dụng của các khu đất thực hiện dự án vào quy hoạch.

2. Đối với các Đơn vị: Hợp tác xã Chế biến lâm sản Hợp Phát, Hợp tác xã Hà Long, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Quan Hoá, Hợp tác xã Xuân Dương, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã, Công ty TNHH Thương mại vận tải Hoàng Vân:

2.1. Tiến hành đo đạc, khảo sát và lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án sản xuất, chế biến lâm sản theo quy định của pháp luật, phù hợp với tình hình sử dụng đất trên thực tế.

2.2. Sau khi hoàn thành việc lập dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thực hiện việc lập và nộp hồ sơ báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án để được thẩm định, trình duyệt theo quy định của pháp luật. Các Đơn vị tự lập hoặc tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, cụ thể:

Báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện theo cấu trúc hướng dẫn tại Mẫu số 04 Phụ lục VI Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường, gồm:

- 01 văn bản đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- 01 bản báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật của dự án đầu tư hoặc các tài liệu tương đương;
- 07 bản báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Hồ sơ nộp về Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh để được chuyển đến đơn vị chuyên môn thẩm định, trình duyệt theo quy định.

2.3. Sau khi dự án đầu tư và đánh giá tác động môi trường được duyệt theo quy định, đề nghị các Đơn vị nêu trên nộp hồ sơ xin thuê đất, hồ sơ kê khai thực hiện nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất về Sở Tài nguyên và Môi trường (Số 14 Hạc Thành, Tân Sơn, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá) như sau:

a. Hồ sơ xin thuê đất, số lượng 01 bộ, thành phần gồm:

- Đơn xin thuê đất (theo Mẫu, số 01 Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong đó đề nghị lựa chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm hoặc thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê);

- Dự án đầu tư hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với trường hợp không phải lập dự án đầu tư (gồm: Thuyết minh dự án đầu tư, Quyết định đầu tư, Mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500 được thỏa thuận, thẩm định theo quy định). Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của UBND tỉnh.

- Trích lục hoặc trích đo địa chính khu đất thực hiện dự án (Chủ đầu tư liên hệ với Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc thuê đơn vị tư vấn có chức năng để được thực hiện).

- Đối với Hợp tác xã Chế biến lâm sản Hợp Phát, Hợp tác xã Hà Long, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Quan Hoá, Hợp tác xã Xuân Dương nộp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp. Đối với Hợp tác xã Chế biến lâm sản Hợp Phát - phần diện tích tăng thêm, Hợp tác xã Chế biến lâm sản Sông Mã, Công ty TNHH Thương mại vận tải Hoàng Văn nộp bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đã đăng ký biến động quyền sử dụng đất kèm theo hợp đồng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ chứng minh việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân, lệ phí trước bạ phần diện tích đất nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân.

- Văn bản của UBND huyện Quan Hoá xác nhận khu đất đã hoàn thành giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất do tổ chức quản lý (nếu có).

- Các văn bản, giấy tờ khác có liên quan đến việc sử dụng đất (nếu có): quyết định thuê đất, hợp đồng thuê đất, giấy phép xây dựng, mặt bằng quy hoạch, phòng cháy chữa cháy, khai thác nguồn nước, hoá đơn nộp thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm gần nhất, xử phạt vi phạm hành chính, ...).

Trong trường hợp diện tích sử dụng đất thực tế có sự sai khác với báo cáo rà soát tại thời điểm tháng 4/2019, đề nghị UBND huyện Quan Hoá chỉ đạo và các Đơn vị chủ động thực hiện hoàn chỉnh hồ sơ về việc nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân hoặc quyết định thụ hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng đối với diện tích đất do UBND cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm thực hiện.

b. Về hồ sơ xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, số lượng 03 bộ, thành phần gồm:

- Tờ khai lệ phí trước bạ, Tờ khai thuế sử dụng đất phi nông nghiệp.

- Văn bản của người sử dụng đất đề nghị được miễn, giảm các khoản nghĩa vụ tài chính về đất đai và bản sao các giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm theo quy định của pháp luật (nếu có).

- Văn bản của người sử dụng đất đề nghị được khấu trừ tiền nhận chuyển quyền sử dụng đất, tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng vào tiền thuê đất phải nộp (nếu có).

- Bản sao Hợp đồng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật kèm theo hoá đơn, chứng từ thanh toán tiền nhận quyền sử dụng đất (nếu có).

- Bản sao Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có).

3. Yêu cầu thực hiện:

Trên đây là ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường đề giải quyết tồn tại việc sử dụng đất, bảo vệ môi trường của các cơ sở cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn huyện Quan Hoá. Căn cứ vào hồ sơ của các Đơn vị Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ thẩm định, đánh giá sự phù hợp của các quy định pháp luật và tình thực tế tại địa phương để tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, quyết định. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có các vấn đề phát sinh, Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ có văn bản đề nghị UBND huyện Quan Hoá và các Đơn vị phối hợp thực hiện.

Đây là công việc quan trọng, có liên quan đến nhiều vấn đề trong công tác quản lý nhà nước trên địa bàn, do đó đề nghị UBND huyện Quan Hoá có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các Đơn vị có tên nêu trên khẩn trương thực hiện trong thời gian sớm nhất; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh các vấn đề phát sinh vượt quá thẩm quyền giải quyết (nếu có).

Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến đề UBND huyện Quan Hoá và các Đơn vị có tên nêu trên nghiên cứu thực hiện./

Nơi nhận:

- Như trên;
- 06 Đơn vị có tên tại Mục 2;
- Lưu VT, QĐH, Sở



Đào Trọng Quý

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

SỐ: 2800789228

Đăng ký lần đầu: Ngày 31 tháng 12 năm 2003

Đăng ký lại lần thứ 2 ngày 22 tháng 06 năm 2011

Đăng ký lại lần thứ 3 ngày 12 tháng 05 năm 2014

Đăng ký lại lần thứ 4 ngày 28 tháng 05 năm 2020

1. Tên hợp tác xã: HỢP TÁC XÃ HÀ LONG

- Tên hợp tác xã bằng tiếng nước ngoài:

- Tên hợp tác xã viết tắt: HTX . HL

2. Địa chỉ trụ sở chính: Bàn Chấm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Điện thoại:

DD:

Email:

Website.....

3. Ngành nghề kinh doanh:

Số TT	Tên ngành	Mã Ngành
1	Sản xuất chế biến các mặt hàng lâm sản (Mây tre)	
2	Sản xuất chế biến bột giấy, giấy và bìa	1701
3	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
4	Vận tải hành khách bằng đường bộ	4932
5	Xuất nhập khẩu: Máy móc thiết bị, vật tư phục vụ nông lâm nghiệp	
6	Bán buôn tổng hợp	4690

4. Vốn điều lệ (bằng số; VND): 15.200.000.000 đồng

Trong đó: - Tiền mặt: 1.000.000.000 đồng

- Bằng hiện vật: 14.200.000.000 đồng

5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Họ và tên: Nguyễn Thọ Hà

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Sinh ngày: 25/09/1966 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Chứng minh nhân dân số: 110981948

Ngày cấp: 19/12/2000 Nơi cấp: CA tỉnh Hà Tây

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phường Văn Mỏ, Hà Đông, Hà Nội

Chỗ ở hiện tại: Bàn Chấm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

6. Thông tin về chi nhánh.

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Người đại diện chi nhánh:

7. Thông tin về văn phòng đại diện:

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Người đại diện văn phòng đại diện:

8. Thông tin về địa điểm kinh doanh:

Tên địa điểm kinh doanh: Hợp Tác xã Hà Long

Địa chỉ địa điểm kinh doanh: Bàn Chấm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Người đại diện địa điểm kinh doanh: Nguyễn Thọ Hà

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Hà Văn Dội

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất và cho Hợp tác xã Hà Long thuê đất để thực hiện dự án
Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hoá**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về thu tiền sử dụng đất; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai; số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các văn bản của UBND tỉnh: Số 5869/UBND-NN ngày 16/5/2019 về việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh; số 3816/QĐ-UBND ngày 14/9/2020 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cải tạo, nâng cấp Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1500 tấn sản phẩm/năm của Hợp tác xã Hà Long thực hiện tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa; số 3462/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Quan Hoá; số 2464/QĐ-XPVPHC ngày 11/7/2021 xử phạt vi phạm hành chính; số 2473/QĐ-KPHQ ngày 11/7/2021 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; số 3619/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 về việc nộp tiền phạt nhiều lần; số 17246/UBND-NN ngày 01/11/2021 xác nhận Hợp tác xã Hà Long đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả vi phạm hành

chính; số 3640/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022, huyện Quan Hóa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1128/TTr-STNMT ngày 27/12/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất và cho Hợp tác xã Hà Long (Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã số 280789228 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND huyện Quan Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 31/12/2003, đăng ký lại lần thứ 4 ngày 28/5/2020; địa chỉ trụ sở chính: Bản Chăm, xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá) thuê 6.050,6 m² đất (gồm: 2.140,8 m² đất do UBND xã Phú Nghiê quản lý và 3.909,8 m² đất đã được UBND huyện Quan Hóa cho thuê đất và xử lý theo quy định) để thực hiện dự án Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 115/TLBĐ do Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 23/02/2022.

- Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

- Thời hạn thuê đất: 50 năm kể từ ngày ký ban hành Quyết định này.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 Quyết định này, các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường: Triển khai, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện quyết định cho thuê đất của UBND tỉnh; xác định giá đất cụ thể theo quy định; ký Hợp đồng thuê đất với Hợp tác xã Hà Long; phối hợp với UBND huyện Quan Hoá, UBND xã Phú Nghiê bàn giao đất tại thực địa, đảm bảo đúng quy định về phòng chống thiên tai, tiêu thoát lũ và giao thông đường bộ; tham mưu, trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Hợp tác xã Hà Long theo quy định; chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai Thanh Hoá trực thuộc và các đơn vị có liên quan chỉnh lý hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu địa chính theo quy định của pháp luật.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xác định các khoản được trừ vào số tiền thuê đất phải nộp của Hợp tác xã Hà Long theo quy định.

3. Cục Thuế Thanh Hoá xác định đơn giá, xác định các khoản tiền phải nộp vào ngân sách Nhà nước, thông báo cho Hợp tác xã Hà Long; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan rà soát, tính toán, truy thu tiền thuê đất của Hợp tác xã Hà Long trong thời gian sử dụng đất khi chưa được UBND tỉnh quyết định cho thuê đất (nếu có) theo đúng quy định pháp luật.

4. UBND huyện Quan Hoá, UBND xã Phú Nghiê: Thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với việc sử dụng đất, đầu tư xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, tiêu thoát lũ, giao thông, phòng cháy chữa cháy và việc chấp hành quy định pháp luật khác có liên quan của Hợp tác xã Hà Long.

5. Hợp tác xã Hà Long phối hợp với các sở, ngành, UBND các cấp thực hiện các nhiệm vụ tại các khoản 1, 2, 3, 4, Điều này; lập đầy đủ hồ sơ về đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy và các hồ sơ khác trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chấp hành, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất, sử dụng đất đúng mục đích, đúng diện tích, mốc giới khu đất và chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng, đất đai, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, tiêu thoát lũ, giao thông, phòng cháy chữa cháy và quy định pháp luật khác liên quan.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Nông nghiệp và PTNT; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; UBND huyện Quan Hoá, UBND xã Phú Nghiêm; Hợp tác xã Hà Long và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, NN.

(M/C91.01.2023)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GAN LIÊN VỚI ĐẤT

1. Tên người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Hợp tác xã Hà Long

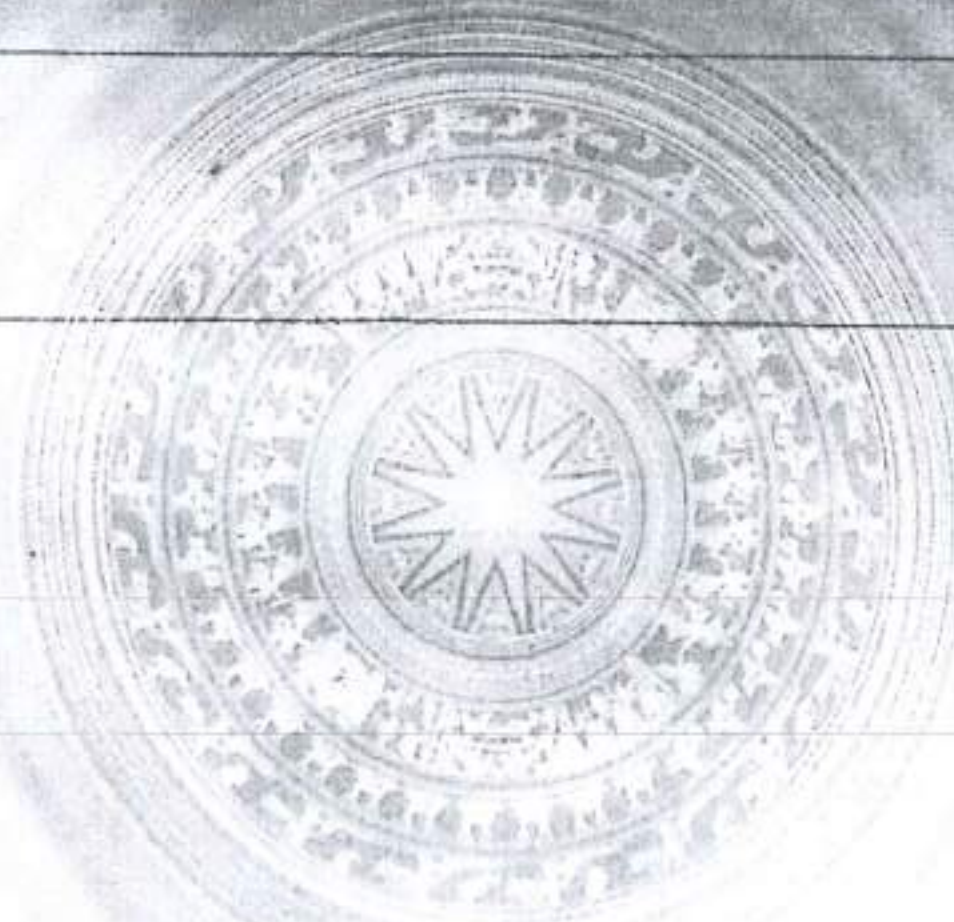
- Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, số 2800/789228, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2013
đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 28/05/2020 do Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc UBND
huyện Quan Hoá cấp

- Địa chỉ trụ sở chính: Bản Chằm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá

DI 593424

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý



Số thửa đất và thửa nhận đất và số Trang hồ sơ:

Người cấp Giấy chứng nhận không được sử dụng, ủy quyền hoặc bỏ
quên từ 10 ngày sau ngày cấp Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư
hỏng, người chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



381491123001073

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1500 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, của Hợp tác xã Hà Long.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật BVMT;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ công văn số 5869/UBND-NN ngày 16/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tại các cơ sở sản xuất giấy, bột giấy trên địa bàn tỉnh.

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1500 tấn sản phẩm/năm, tại xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, tại báo cáo kết quả thẩm định ngày 29/4/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 56/CV-MT ngày 26/8/2020 của Hợp tác xã Hà Long;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 867/Tr-STNMT ngày 10/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1500 tấn sản phẩm/năm (sau đây gọi là dự án) của Hợp tác xã Hà Long (sau đây gọi

là Chủ dự án) thực hiện tại xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính tại phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Lập kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của dự án gửi Sở Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh trước ít nhất 20 ngày làm việc, kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

3. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Quan Hóa, Chủ nhiệm Hợp tác xã Hà Long và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft
công suất 1500 tấn sản phẩm/năm tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh
Thanh Hóa của Hợp tác xã Hà Long.
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020
của Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án Cải tạo, nâng cấp Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1500 tấn sản phẩm/năm, tại xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Chủ đầu tư: HTX Hà Long
- + Người đại diện: Nguyễn Thọ Hà
- + Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị .
- + Địa chỉ: Bản Chấm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.
- + Số điện thoại: 0367222686

- Phạm vi, Quy mô, công suất dự án:

+ Quy hoạch tổng mặt bằng xây dựng: Dự án được đầu tư xây dựng có quy mô diện tích là 6666,4m², bao gồm các hạng mục: Nhà lò hơi, nhà xưởng xeo giấy, nhà điều hành văn phòng; bể ngâm ủ nguyên liệu, nhà bảo vệ, và các công trình phụ trợ khác.

+ Công suất sản xuất của dự án: Công suất của dự án là sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm.

2. Các tác động môi trường chính trong giai đoạn vận hành của dự án

* Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1,5 m³/ngày, trong đó: Nước thải nhà vệ sinh khoảng 0,6 m³/ngày; nước thải rửa tay chân khoảng 0,8 m³/ngày; nước thải nhà bếp 0,1 m³/ngày

+ Thành phần nước thải gồm: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, chất hoạt động bề mặt, dầu mỡ động thực vật, Coliform.

- Nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất có lưu lượng lớn nhất là 191 m³/ngày. Trong đó: Nước thải dịch đen (từ hoạt động ngâm ủ nguyên liệu) là 9 m³/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là dịch lignin, nồng độ COD, BOD, TSS ...; Nước thải xeo giấy, rửa nguyên liệu là 182 m³/ngày, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là xơ sợi, hemixenlulo ...

- Nước mưa chảy tràn khu vực bãi nguyên liệu là 35 m³/ngày mưa lớn nhất, thành phần các chất ô nhiễm chủ yếu là lignin, hemixenlulo ...

* Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình phương tiện ra vào dự án; hoạt động sản xuất; hoạt động của hệ thống XLNT tập trung, khí thải lò hơi, khí thải trong quá trình ủ, xeo giấy,... thành phần chủ yếu là bụi, SO₂; NO_x; CO,...

* Quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 10 kg/ngày chủ yếu là thực phẩm thừa, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...;

- Chất thải rắn sản xuất: Xi từ quá trình đốt lò hơi khoảng 0,315 tấn/ngày;

- Bùn thải từ hệ thống XLNT khoảng 1,68 tấn/tháng.

* Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải rắn nguy hại phát sinh chủ yếu gồm:

- Giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,.... khối lượng khoảng 5 kg/tháng.

- Vỏ bao bì hóa chất có khối lượng phát sinh khoảng 10kg/tháng.

Chất thải lỏng nguy hại là dầu thải từ thay dầu các thiết bị với lượng 22lít/năm.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải

* Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn gồm:

- Nước mưa chảy tràn các khu vực (trừ khu vực bãi nguyên liệu) được thu gom bằng hệ thống mương thu gom nước mưa có kích thước Rộng x Cao = 30cm x 30cm, các hố ga (kích thước 80cm x 80cm x 80cm), được bố trí xung quanh các khu nhà xưởng, tổng chiều dài hệ thống thoát nước mưa $L = 150m$.

- Nước mưa chảy tràn khu vực bãi nguyên liệu được thu gom bằng hệ thống mương thu gom nước mưa có kích thước Rộng x Cao = 20cm x 20cm xung quanh bãi nguyên liệu và dẫn về bể chứa nước mưa bãi nguyên liệu. Xây dựng bể chứa nước mưa chảy tràn bãi nguyên liệu, mỗi bể $36m^3$, kích thước xây dựng rộng 3m, dài 4m, sâu 3m cạnh bãi chứa nguyên liệu. Nước mưa chảy tràn bãi nguyên liệu được thu gom và xử lý cùng nước thải sản xuất bằng hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

* Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:

- Nước thải phát sinh do quá trình rửa chân tay: Có lưu lượng $0,8 m^3/ngày.đêm$, được thu gom qua bể lắng có thể tích $1,5m^3$ (kích thước $1x1x1,5m$) sau đó được thoát ra hệ thống mương thoát nước dọc quốc lộ 15 phía Nam dự án.

- Nước thải từ quá trình vệ sinh cá nhân (đại tiện, tiểu tiện): Có lưu lượng $0,6m^3/ngày.đêm$ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn có thể tích $30m^3$, kích thước (5,5m x 3m x 1,8m). Nước thải sau bể tự hoại sau đó được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

* Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sản xuất:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất: Dòng nước thải này sẽ được dẫn về các bể thu gom qua hệ thống song chắn rác, lưới lọc để loại bỏ rác thô và rác tinh sau đó được bơm về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án có công suất xử lý $300m^3/ngày.đêm$ để xử lý. Sơ đồ công nghệ dự án:

Nước dịch đen → Bể chứa dịch đen → Bể phản ứng dịch đen → Bể lắng
↓

Nước xeo giấy, nước thải sau bể tự hoại → Bể gom nước thải xeo giấy, nước thải dịch đen (sau phản ứng + lắng) → Bể điều hòa → Bể hiếu khí → Bể keo tụ → Bể lắng 1 → Bể lắng 2 → Bể sục khí kết hợp oxy hóa nâng cao → Bể chứa nước tuần hoàn tái sử dụng.

Bảng tổng hợp kích thước các bể của Hệ thống XLNT tập trung

STT	Công trình trong Hệ thống XLNT tập	Thể tích (m ³)
1	Bể phản ứng xử lý dịch đen	0.3
2	Bể lắng nước thải dịch đen	7.5
3	Bể điều hòa	27
4	Bể hiếu khí	96
6	Bể phản ứng keo tụ, tạo bông	4 (chia làm 3 ngăn)
7	Bể lắng 1	42
8	Bể lắng 2	42
5	Bể chứa bùn	54(chia làm 2 ngăn)
9	Bể oxy hóa nâng cao	15
10	Bể chứa nước tuần hoàn (Các bể của HTXL nước thải cũ)	807
11	Hồ sơ cỏ (Hồ có kích thước dài 22m, rộng 12,9m, diện tích 284m ² , độ sâu 2,5m)	710

3.2. Về bụi, khí thải:

- Thường xuyên vệ sinh khu vực sân, đường nội bộ trong nhà máy; vào những ngày nắng nóng, hanh khô thực hiện phun nước trên tuyến đường nội bộ của nhà máy, để giảm thiểu bụi đường cuốn theo phương tiện vận chuyển; Các phương tiện vận chuyển khí tham gia giao thông phải có giấy đăng kiểm; trồng cây xanh dọc tuyến đường nội bộ trong khu vực dự án, các loại cây trồng là những cây có tán rộng như sao đen, lát.

- Khí thải lò hơi được xử lý qua hệ thống xử lý khí thải lò hơi gồm: Buồng thu bụi, quạt hút, tháp hấp thụ và ống khói thoát khí đường kính 30cm, cao 15m ra môi trường.

+ Lắp đặt lá chắn tại miệng ra của máy bơm, lá chắn được điều chỉnh hướng thẳng xuống bể chứa nguyên liệu sao cho nguyên liệu sau bơm được phụt thẳng xuống bể ngâm.

- Trang bị bảo hộ lao động gồm quần áo bảo hộ lao động, khẩu trang, kính mắt, mũ, ủng, gang tay... cho công nhân nhà máy.

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước thải có nắp bê tông che đậy kín tránh sự phát tán mùi hôi.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thu gom, xử lý nước thải, nạo vét định kỳ tránh tình trạng tắc nghẽn, vỡ đường ống làm phát sinh mùi hôi thối.

- Bùn cặn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải.... định kỳ Hợp đồng với đơn vị thu gom chất thải địa phương thu gom và chuyển xử lý.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt**

Chất thải rắn sinh hoạt được thu gom vào các thùng rác có thể tích 100 lít có nắp đậy và hợp đồng với Tổ dịch vụ môi trường bản Cang xã Phú Nghiêm thu gom về khu xử lý chung của xã Phú Nghiêm với tần xuất 2 ngày/lần.

*** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sản xuất**

+ Xi từ lò đốt: Tro từ quá trình đốt củi sau khi lấy khỏi lò đốt được tưới nước làm ẩm sau đó thu gom về bể chứa có kích thước rộng 3m dài 4m cao 2m, cho công nhân nhà máy, người dân địa phương sử dụng làm phân bón, cam kết sử dụng đúng mục đích và không gây ô nhiễm môi trường.

+ Bùn thải từ hệ thống XLNT tập trung: Được đơn vị thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án được thu gom và phân loại ngay tại nguồn sau đó đưa về nhà kho lưu chất thải nguy hại có diện tích 20m². Trang bị 3 thùng lưu chứa 200 lít có nắp đậy, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại đặt tại nhà kho lưu chất thải nguy hại;

Vỏ thùng đựng hóa chất được thu gom và lưu giữ tại nhà kho lưu giữ CTNH sau đó trả lại cho đơn vị cung cấp theo hợp đồng kinh tế.

Các chất thải khác được Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng là Công ty Cổ phần Môi trường Nghi Sơn, để vận chuyển, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

4.1. Giám sát khí thải:

- Các vị trí giám sát:

+ K1: Mẫu khí thải ống khói lò hơi số 1.

+ K2: Mẫu khí thải ống khói lò hơi số 2.

- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi tổng, SO₂, NO₂, CO, H₂S,...

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19: 2009/BTNMT (cột B, Kv =1,4) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ.

- Tuần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần

4.2. Giám sát nước thải.

- Các vị trí giám sát:

+ NT1: Mẫu nước thải tại bể điều hòa của HTXLNT tập trung.

+ NT2: Mẫu nước thải tại bể chứa nước thải sau xử lý HTXLNT tập trung.

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Độ màu.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 12-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp giấy và bột giấy (cột B3 cơ sở sản xuất giấy và bột giấy) với hệ số Kq = 1.
- Tần suất giám sát: 3 tháng/ 1 lần

4.3. Giám sát bùn thải:

- Các vị trí giám sát:
- + BT: Mẫu bùn thải tại bể chứa bùn
- Thông số giám sát: As, Cd, Pb, Zn, Ni, Se, Hg, Cr, Tổng Xyanua (CN), Tổng dầu, phenol, benzen, D50;
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 50:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước.
- Tần suất giám sát: 1 năm/1 lần;

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17246 /UBND-NN

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 11 năm 2021

V/v Xác nhận Hợp tác xã Hà Long
đã hoàn thành việc khắc phục hậu
quả vi phạm hành chính.

Kính gửi:

- Hợp tác xã Hà Long;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- UBND huyện Quan Hóa.

Xét đề nghị tại Báo cáo số 174/BC-STNMT ngày 27/10/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc kết quả kiểm tra việc khắc phục vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường và đầu tư xây dựng của Hợp tác xã Hà Long, kèm theo Biên bản kiểm tra của Liên ngành: Sở Tài nguyên và Môi trường - Sở Xây dựng - UBND huyện Quan Hóa - UBND xã Phú Nghiêm - Hợp tác xã Hà Long, ngày 20/10/2021 (có bản sao gửi kèm theo);

Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Xác nhận Hợp tác xã Hà Long đã hoàn thành việc khắc phục hậu quả vi phạm hành chính theo yêu cầu tại Quyết định số 2464/QĐ-XPVPHC ngày 11/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc xử phạt vi phạm hành chính và Quyết định số 2473/QĐ-KPHQ ngày 11/7/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả.

2. Yêu cầu Hợp tác xã Hà Long:

Tiếp tục hoàn thành nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 3619/QĐ-NPNL ngày 15/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về cho phép nộp tiền nhiều lần.

3. Giao UBND huyện Quan Hóa:

- Đôn đốc Hợp tác xã Hà Long hoàn thành nộp tiền xử phạt vi phạm hành chính theo Quyết định số 3619/QĐ-NPNL ngày 15/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về cho phép nộp tiền nhiều lần.

- Thực hiện trách nhiệm của UBND cấp huyện trong việc thẩm định hồ sơ theo Quyết định số 20/2021/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của UBND tỉnh về việc phân cấp thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng và thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; căn cứ hướng dẫn

của Sở Xây dựng tại Công văn số 5773/SXD-HT ngày 12/8/2021 để hướng dẫn Hợp tác xã Hà Long hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục về đầu tư xây dựng đảm bảo các quy định về hành lang hành lang Quốc lộ 15 và hành lang bảo vệ hồ chứa Thủy điện Bá Thước 1 theo ranh giới đã được xác định./.

Nơi nhận:

- Như trên (để thực hiện);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Lưu: VT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đức Giang

Số: 385 /QĐ-UBND

Quan Hóa, ngày 18 tháng 02 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500: Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa của Hợp tác xã Hà Long

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUAN HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH15 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị.

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7 tháng 4 năm 2010 về lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày của Chính phủ ngày 6 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

Căn cứ tờ trình số 01/TTr-HTXHL ngày 15/02/2022 của Hợp tác xã Hà Long về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng quy hoạch xây dựng chi tiết công trình: Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa.

Xét đề nghị của phòng Kinh tế và hạ tầng huyện Quan Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng xây dựng tỷ lệ 1/500: Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa.

1. Tên công trình: Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa.

2. Chủ đầu tư: Hợp tác xã Hà Long .

3. Địa điểm xây dựng: xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa.

4. Đơn vị lập khảo sát, quy hoạch: Công ty CP Xây dựng Newhomes.

5. Chủ nhiệm thiết kế quy hoạch: Trần Văn Thanh.

6. Mục tiêu đầu tư: Với mục đích phục vụ sản xuất, nâng cao chất lượng đời sống, tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương và tăng số lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm góp phần thúc đẩy nền kinh tế địa phương. Hoàn chỉnh quy hoạch tổng thể mặt bằng Nhà máy chế biến lâm sản Hà Long của HTX Hà Long tại xã Phú Nghiêmm, huyện Quan Hóa đảm bảo quy hoạch lâu dài, có phân khu

chức năng rõ ràng, mật độ xây dựng hợp lý, phù hợp với địa hình tự nhiên, tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

7. Quy mô diện tích và nội dung mặt bằng đã được phê duyệt: Tổng diện tích đã được duyệt khu đất được xây dựng 6666,5m²

Ranh giới khu đất:

- Phía Đông: Giáp HTX chế biến lâm sản Sông Mã;
- Phía Tây: Giáp Vườn luống, dân cư;
- Phía Nam: Giáp đường QL 15;
- Phía Bắc: Giáp Sông Mã;

7.1. Quy hoạch mặt bằng đã được duyệt và xây dựng các hạng mục công trình như sau:

STT	HẠNG MỤC	ĐV	DIỆN TÍCH SDBĐ ĐƯỢC DUYỆT
1	XUỐNG XEO GIẤY 1	M2	336,3
2	XUỐNG XEO GIẤY 2	M2	904,0
3	NHÀ VÁN PHÒNG	M2	64,7
4	NHÀ NỒI HƠI 1	M2	255,7
5	NHÀ NỒI HƠI 2	M2	173,2
6	NHÀ BẢO VỆ	M2	20,3
7	NHÀ Ở CÔNG NHÂN	M2	63,8
8	NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	M2	209,0
9	BÀN CÁN	M2	30,0
10	BÊ NGÂM VẬT LIỆU 1	M2	36,9
11	BÊ NGÂM VẬT LIỆU 2	M2	36,9
12	BÊ NGÂM VẬT LIỆU 3	M2	33,0
13	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI 1	M2	204,5
14	HỒ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 2	M2	284,6
15	KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI 3	M2	303,0
16	ĐẤT GIAO THÔNG + HẠ TẦNG KT	M2	2889,7
17	ĐẤT CÂY XANH	M2	817,9
18	TRẠM BIẾN ÁP	M2	3,0
	TỔNG	M2	6666,4

Vị trí và khoảng cách các hạng mục được bố trí thể hiện trên mặt bằng đã được duyệt.

7.2. Nội dung mặt bằng quy hoạch xây dựng điều chỉnh: Tổng diện tích sau khi điều chỉnh khu đất được xây dựng: 6050,63m²

- Diện tích dành cho xây dựng: 2688,76 m²
- Diện tích sân, bãi, đường bê tông, cây xanh, các hạng mục phụ trợ: 3361,87 m²
- Mật độ xây dựng: 44,44%
- Hệ số sử dụng đất 0,444 lần

Quy hoạch điều chỉnh lại kích thước và xây mới các hạng mục sau:

STT	HẠNG MỤC	ĐV	DIỆN TÍCH SDD DC	GHI CHÚ
1	NHÀ Ở CÔNG NHÂN	M2	36,00	Điều chỉnh
2	XUỐNG XEO GIẤY	M2	1631,76	Điều chỉnh
3	NHÀ ĐIỀU HÀNH	M2	16,00	Điều chỉnh
4	NHÀ KHÁCH	M2	12,00	Xây mới
5	NHÀ THIẾT BỊ	M2	12,00	Xây mới
6	NHÀ ĂN	M2	24,00	Xây mới
7	KHO RÁC THẢI ĐỘC HẠI	M2	12,00	Xây mới
8	NHÀ VỆ SINH	M2	19,13	Xây mới
8.1	Nhà vệ sinh 1	M2	12,00	Xây mới
8.2	Nhà vệ sinh 2	M2	7,13	Xây mới
9	KHO HÓA CHẤT	M2	12,00	Xây mới
10	NHÀ ĐỂ NỒI HƠI	M2	236,66	Điều chỉnh
11	BỂ NGÂM Ủ NGUYÊN LIỆU	M2	336,11	Điều chỉnh
11.1	Bể ngâm ủ nguyên liệu 1	M2	114,00	Điều chỉnh
11.2	Bể ngâm ủ nguyên liệu 2	M2	185,26	Điều chỉnh
11.3	Bể ngâm ủ nguyên liệu 3	M2	36,85	Điều chỉnh
12	NHÀ NGHIÊN BỘT	M2	46,75	Xây mới
13	NHÀ XỬ LÝ DỊCH ĐEN	M2	144,44	Xây mới
14	NHÀ ĐỂ NHIÊN, NGUYÊN LIỆU	M2	149,91	Xây mới
	CÁC HẠNG MỤC PHỤ TRỢ	M2	3361,87	Điều chỉnh
15	BÊ SÚT	M2	7,10	Xây mới
16	BÊ Bùn CHỨA BỘT GIẤY	M2	17,50	Xây mới
17	BÀN CÁN	M2	31,00	Điều chỉnh
18	KHU VỰC BỂ NƯỚC SẠCH, BỂ XỬ LÝ NƯỚC + BỂ NƯỚC PCCC	M2	324,00	Xây mới
19	BỂ CHỨA RÁC THẢI	M2	3,0	Xây mới
	SÂN, BÃI, ĐƯỜNG BÊ TÔNG NỘI BỘ, CÂY XANH	M2	2971,77	Điều chỉnh
	TỔNG	M2	6050,63	

Vị trí khoảng cách các hạng mục được bố trí thể hiện trên tổng mặt bằng xây dựng điều chỉnh (Có mặt bằng quy hoạch điều chỉnh kèm theo).

7.3. Lý do điều chỉnh mặt bằng và diện tích xây dựng: Thực hiện theo thông báo của đoàn thanh tra tỉnh theo Quyết định số 1303/QĐ-UBND ngày 20/4/2021 tại công văn số 09/CV-ĐTT ngày 01/6/2021 về việc rà soát Tổng mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng và Hồ sơ thiết kế được phê duyệt, thẩm định

đối với các cơ sở sản xuất, chế biến lâm sản, giấy, bột giấy, vàng mã dọc sông Mã trên địa bàn huyện Quan Hóa.

8. Mục đích sử dụng: Xây dựng nhà máy sản xuất

9. Khoảng lùi chỉ giới xây dựng:

- Phía Nam: Giáp đường quốc lộ 15 tính từ tìm đường ra 19,5m

- Phía Bắc: Nằm ngoài phạm vi bảo vệ hành lang hồ chứa thủy điện Bá Thước 1.

Điều 2. Chủ đầu tư chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung tại điều 1 Quyết định này và quản lý, thực hiện dự án đúng theo quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 02/12/2021 của UBND huyện Quan Hóa.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các phòng: Kinh tế và hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Phú Nghiê, huyện Quan Hoá; Giám đốc Hợp tác xã Hà Long và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch, các PCT, UBND huyện;
- Lưu: VT, KT&HT.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Dũng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số: 112002870952/ CN ETC - 112002870952

(Về: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ luật số 55/2014/QH13 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 23 tháng 06 năm 2014 và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua;
- Căn cứ Nghị định số 40/2019/ ND - CP ngày 13 tháng 05 năm 2019 của chính phủ về "Sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường";
- Căn cứ Nghị Định số 38/2015/ND-CP ngày 24 tháng 04 năm 2015 của Chính Phủ "về quản lý chất thải và phế liệu";
- Căn cứ Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường "về quản lý chất thải nguy hại";
- Căn cứ vào năng lực của Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Kỹ Thuật Tài Nguyên Môi Trường ETC.
- Căn cứ đề nghị của Hợp Tác Xã Hà Long về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.

Hôm nay, ngày 27 tháng 09 năm 2021, Tại văn phòng Chi nhánh Công ty Cổ Phần Đầu Tư Và Kỹ Thuật Tài Nguyên Môi Trường ETC. Chúng tôi gồm:

BÊN A : HỢP TÁC XÃ HÀ LONG

Địa chỉ : Bán Châm, xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa
Người đại diện : Nguyễn Thọ Hà Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Điện thoại : 0367.222.686 Fax:
Mã số thuế : 2800789228

BÊN B: CHI NHÁNH CÔNG TY CPĐT VÀ KỸ THUẬT TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG ETC

Địa chỉ Nhà Máy : Đường D1 Ló (M2+M3), KCN Hòa Xá, Xã Lộc Hà, T.P Nam Định, Tỉnh Nam Định
Người đại diện : Ông Huy Khánh Long Chức vụ : Giám đốc
Điện thoại : 0286.6533.801 Fax: 0286.6533.801
Tài khoản : 112002870952 Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Tân Bình
Mã số thuế : 0600682259-002

Hai bên đã thống nhất nội dung ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

1. Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ bên A là chất thải được liệt kê trong (Mục 1 điều 3 hợp đồng) danh mục dưới đây đến nơi xử lý.
2. Lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định về xử lý chất thải tại Luật bảo vệ môi trường và các quy định liên quan.

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển:

1. Địa điểm giao, nhận chất thải: của Hợp Tác Xã Hà Long

Địa chỉ: Bản Châm, xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa

2. Cơ sở xử lý: Đường D1 Lỗ (M2 + M3), KCN Hòa Xá, Xã Lộc Hà, T.P Nam Định, Tỉnh Nam Định.

3. Phương thức xử lý: theo đúng phương án xử lý được qui định tại Giấy phép xử lý CTNH số: 1-2-3-4-5-6.093.VX của bên B do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép.

4. Thời gian giao nhận: Sau khi Bên A thông báo trước cho Bên B về khối lượng tạm tính, thời gian dự kiến tiếp nhận để Bên B chuẩn bị phương tiện và các thủ tục trước khi giao nhận hàng ít nhất 03 ngày.

5. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm bố trí nhân công và phương tiện vận chuyển chuyên dụng.

Điều 3: Danh mục chất thải, đơn giá và phương thức thanh toán.

1. Danh mục chất thải :

TT	Loại chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Trạng thái
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Kg	16 01 06	Rắn
2	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Kg	18 02 01	Rắn
3	Mực in thải có các thành phần nguy hại	Kg	08 02 01	Rắn
4	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	Kg	08 02 04	Rắn
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Kg	17 02 04	Lỏng
6	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Kg	15 02 02	Rắn

bên A báo trước cho bên B 01 ngày, bên B sẽ hỗ trợ để giải quyết nhanh trên tinh thần thiện chí và phù hợp với điều kiện của hai bên.

– Trong thời gian hợp đồng hiệu lực, bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự nêu hủy chất thải. Nếu vi phạm, bên B có quyền thanh lý hợp đồng và bên A phải bồi thường giá trị của hợp đồng.

– Bổ trí đại diện giám sát quá trình giao nhận chất thải giữa hai bên, hỗ trợ xe nâng cho bên B bốc xếp, nâng hàng lên phương tiện vận chuyển, hướng dẫn các thủ tục xuất nhập nhà máy, khu công nghiệp để thuận lợi cho bên B ra vào giao nhận hàng.

– Đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo cho Bên B, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

– Chất thải phải được quản lý từ nguồn theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13, Nghị định 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

– Lập, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ cho bên B sau mỗi lần bên B vận chuyển chất thải theo đúng quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015.

– Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B.

– Trong thời gian thực hiện hợp đồng hoặc quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nếu xảy ra phát sinh gì thì bên A phải thông tin, phản ánh theo đường dây nóng: 0286.6533.801.

E-Mail: moitruongtetsu@gmail.com

2. Trách nhiệm của bên B

– Hướng dẫn bên A thu gom, phân loại và lưu giữ tạm thời chất thải của bên A tại địa chỉ của bên A theo các quy định của pháp luật.

– Đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ của bên A và bên B trong việc thu gom, vận chuyển chất thải. Bên B cam kết lưu giữ, xử lý chất thải theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

– Vận chuyển và xử lý chất thải đúng địa điểm và thời gian.

– Đảm bảo vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải theo đúng các quy định và các văn bản có liên quan về xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Nhà nước Việt Nam hiện hành.

– Thông tin đầy đủ cho bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Điều 5: Điều khoản chung :

1. Bất kỳ sự sửa đổi bổ sung nào đối với hợp đồng này đều được lập thành văn bản với sự thỏa thuận giữa hai bên và sửa đổi, bổ sung đó sẽ là một phần không thể tách rời là bản chính hay là Phụ lục bổ sung của Hợp đồng này.

2. Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng.

7	Dầu thủy lực tổng hợp thải khác	Kg	17 01 07	Lỏng
---	---------------------------------	----	----------	------

2. Đơn giá:

- Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:

- Nếu tổng khối lượng chất thải bán giao của 01 năm $\leq 400\text{kg}$ thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là: **10.000.000 VND** (Bằng chữ: Mười triệu đồng chẵn.).

- Nếu khối lượng chất thải bán giao của 01 năm $> 400\text{kg}$, thì chi phí xử lý là:

$$= [(\text{Tổng khối lượng chất thải} - 400\text{kg}) \times 20.000\text{đ/kg}] + 10.000.000\text{VND}$$

- Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế 10% VAT;

- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogam;

- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

3. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập chứng từ giao nhận chất thải, hai bên cùng đối chiếu và xác nhận tổng khối lượng thu gom để làm cơ sở lập biên bản nghiệm thu và xuất hóa đơn tài chính.

4. Đơn giá trên sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

5. Phương thức thanh toán:

• Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VND).

• Thanh toán bằng hình thức chuyển khoản: Phí ngân hàng do bên chuyển khoản chi trả.

• Thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng, số tiền là: **10.000.000 VND** (chưa bao gồm thuế VAT 10%) ngay sau khi hợp đồng được ký kết.

• Thời gian thanh toán: Chậm nhất trong vòng 07 ngày kể từ khi bên B xuất hóa đơn cho bên A và bên A nhận được hóa đơn tài chính. Bên A chuyển khoản thanh toán chi phí xử lý vào tài khoản số: 112002870952 Tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Tân Bình.

Điều 4: Trách nhiệm của các bên.

1. Trách nhiệm của bên A:

— Toàn bộ chất thải phát sinh từ quá trình sản xuất của bên A phải được tập trung, phân loại, dán nhãn và lưu giữ cẩn thận trong kho chứa của bên A chờ bán giao cho bên B thu gom, vận chuyển, xử lý. Chi phí đóng gói bao bì và dán nhãn CTNH do bên A thanh toán. Tất cả bao bì dross sẽ được tiêu hủy và xử lý.

— Thông báo trước về số lượng chất thải để bên B bố trí các phương tiện vận chuyển phù hợp. Trong một số trường hợp cần thiết bên A có nhu cầu xử lý gấp các chất thải phát sinh,

2.1. Hợp đồng được phép chấm dứt trước thời hạn khi một trong hai bên có lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, khủng hoảng kinh tế, đình chỉ hoạt động

2.2. Hợp đồng được chấm dứt trước thời hạn vì một trong hai bên vi phạm các điều khoản trong hợp đồng mà không thương thuyết được thì được giải quyết theo khoản 3 điều 5 dưới đây.

2.3. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng trước thời hạn không có lý do chính đáng thì phải chịu mọi thiệt hại do việc chấm dứt hợp đồng đã gây ra cho bên kia.

2.4. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

3. Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc các bên phải kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của cả hai bên. Trường hợp không đạt được những thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp sẽ đưa ra Tòa án kinh tế TP.Nam Định để giải quyết. Phán quyết của Tòa là quyết định cuối cùng và có hiệu lực chấp hành đối với các bên. Chi phí giám định, kiểm tra, lệ phí Tòa, phí thuê Luật sư do bên thua kiện phải chịu theo quy định của Luật pháp Việt Nam.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng:

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung thì mặc nhiên hợp đồng tự động thanh lý.

2. Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có giá trị với bất cứ bên thứ ba nào khác.

3. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thọ Hà

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khánh Long

Không ghi vào
khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO TÀI KHOẢN

Lập ngày... 21... tháng 09 năm 2021...

Mẫu số C4-08/KB
(TT số 19/2020/TT-BTC ngày 31/3/2020
của Bộ Tài chính)
Số:.....01.....

Người nộp: Phạm Thị Sen

Địa chỉ: Hợp tác xã Hà Long

Nộp vào tài khoản số 7111.0.1014711. Tại KBNN Thanh Hóa

Đơn vị nhận tiền: Sở tài nguyên và môi trường Tỉnh Thanh Hóa

Tại KBNN: Thanh Hóa

Mở tại NH ủy nhiệm thu:

PHÂN KBNN GHI

Nợ TK: 1112

Có TK: 3999

ĐÃ THU TIỀN

Nội dung nộp	Số tiền
HTX Hà Long nộp phạt vi phạm hành chính theo QĐ 2464/QĐ-XPVPHC ngày 11/7/2021 (lần 1)	120.000.000
Tổng cộng	120.000.000

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Một trăm hai mươi triệu đồng.

KBNN ghi số ngày 21 tháng 09 năm 2021

Người nộp tiền
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ

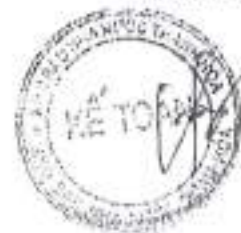
Kế toán

Kế toán trưởng

Phạm Thị Sen

[Signature]

[Signature]



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU BÀN GIAO CÔNG TRÌNH
XÂY DỰNG ĐƯA VÀO SỬ DỤNG**

Công trình: Xưởng chế biến lâm sản Hà Long, sản xuất giấy kraft công suất 1.500 tấn sản phẩm/năm

Gói thầu: Thi công đường ống công nghệ hệ thống Xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày.đêm

Địa điểm xây dựng: xã Phú Nghiêm, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa

I. ĐỐI TƯỢNG NGHIỆM THU:

II. THỜI GIAN NGHIỆM THU:

Bắt đầu: ... ngày ... tháng ... năm 2025

Kết thúc: ... ngày ... tháng ... năm 2025

Tại: Hợp tác xã Hà Long

III. THÀNH PHẦN THAM GIA NGHIỆM THU:

1. Đại diện Chủ đầu tư: Hợp tác xã Hà Long.

- Ông: Nguyễn Thọ Hà

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Ông:

Chức vụ:

2. Đại diện Tư vấn thiết kế và Nhà thầu thi công: Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Môi trường VinaGreen

- Ông: Nguyễn Phúc Hưng

Chức vụ: Giám đốc Công ty

- Ông: Lê Trường Hiếu

Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật

IV. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG HOÀN THÀNH SO VỚI NHIỆM VỤ THIẾT KẾ, CHỈ DẪN KỸ THUẬT VÀ CÁC YÊU CẦU KHÁC CỦA HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG :

1. Xem xét các hồ sơ tài liệu:

1.1. Hồ sơ pháp lý:

- Căn cứ Hợp đồng thi công số ngày tháng năm 2025

- Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công

- Biên bản bàn giao mặt bằng.

1.2. Hồ sơ tài liệu kỹ thuật, quản lý chất lượng:

- Hồ sơ bản vẽ thi công được duyệt;

- Tiêu chuẩn áp dụng thi công và nghiệm thu;
- Chỉ dẫn thi công được duyệt;
- Các biên bản nghiệm thu nội bộ công việc xây dựng của Nhà thầu, các biên bản nghiệm thu công việc với Chủ đầu tư;
- Hồ sơ hoàn công tổng thể hạng mục công trình;
- Kết quả quan trắc, đo đạc, thí nghiệm, đo lường, hiệu chỉnh, vận hành thử đồng bộ hệ thống thiết bị và kết quả kiểm định chất lượng công trình (nếu có).

Trường hợp nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng thì có thêm các hồ sơ sau:

- Hướng dẫn vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày.đêm;
- Nhật ký vận hành Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày.đêm.

1.3 Kiểm tra thực tế công trình.

Kiểm tra các hạng mục bể xử lý nước thải đã xây dựng, các máy móc thiết bị đã lắp đặt. Kiểm tra hệ thống đường điện, đường ống, van khóa...

2. Đánh giá về chất lượng của hạng mục công trình xây dựng:

Sau khi tiến hành kiểm tra chất lượng thi công hạng mục công trình của Nhà thầu tại hiện trường, các bên đánh giá:

2.1. Về chất lượng công trình:

- Hạng mục được thi công đúng thiết kế và đảm bảo chất lượng theo các quy định kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành của Nhà nước.

2.2. Về khối lượng thi công:

- Khối lượng thi công hạng mục công trình hoàn thành được các bên kiểm tra, nghiệm thu và được thể hiện trong hồ sơ hoàn công tổng thể.

2.3. Về thời gian thi công:

- Công trình khởi công ngày tháng năm 2025
- Công trình hoàn thành ngày tháng năm 2025

Công trình đảm bảo tiến độ quy định trong Hợp đồng, Phụ lục Hợp đồng ký kết.

2.4. Những sửa đổi so với thiết kế được Chủ đầu tư duyệt:

Không có

V. KẾT LUẬN NGHIỆM THU:

Chủ đầu tư chấp nhận nghiệm thu bàn giao công trình hệ thống Xử lý nước thải tập trung công suất 300m³/ngày.đêm do Nhà thầu Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ Môi trường VinaGreen thi công hoàn thành để đưa vào sử dụng.

CÁC BÊN THAM GIA NGHIỆM THU

CHỦ ĐẦU TƯ

(Người đại diện theo pháp luật,
ký tên, đóng dấu)



CHỦ TỊCH HĐQT

Nguyễn Thọ Hà

NHÀ THẦU THI CÔNG

(Người đại diện theo pháp luật,
ký tên đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phúc Hưng



VIMCERTS 170

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
Thanh Hoa Branch of Standardisation - Metrology and Quality
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Thanh Hoa Technical service Centre for Standards and Quality
Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, xã Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hóa
Add: Highway 1A, Quang Thinh commune, Thanh Hoa city
E-mail: tedcl.th@hn.vnn.vn Tel: (02378) 696 636

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 132 - TNH(S)/2020

KHÔNG KHÍ

Tên mẫu thử:

(Object)

Ký hiệu:

(Notation)

Khách hàng:

(Customer name)

Cơ sở:

(Establishments)

Ngày nhận mẫu: 04/12/2020

(date of receipt)

Thời gian đo:

(Time measurement)

Thiết bị đo:

(Device measurement)

MMT

Số lượng: 02 mẫu.

(Number of)

Hợp tác xã Hà Long.

Xưởng chế biến Lâm sản Hà Long tại
xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Thời gian phân tích: 04/12/2020 - 11/12/2020

(Time measurement from)

14 giờ 30 đến 16 giờ 00

Máy Testo 615, Testo 815, Digital Anemometer DA 4000.

TT Order (1)	Tên chỉ tiêu Items (2)	Phương pháp thử Test method (3)	Đơn vị tính Unit (4)	Kết quả thử Results (5)	
				K1	K2
1 ^a	Nhiệt độ	QCVN 46:2012/BTNMT	°C	79,4	77,0
2 ^a	SO ₂	TCVN 5971:1995	mg/Nm ³	423,0	416,0
3 ^a	NO ₂	TCVN 6137:2009	mg/Nm ³	650,0	548,0
4 ^a	CO	QTPT.28	mg/Nm ³	872,0	863,0
5 ^b	Bụi tổng	TCVN 5067:1995	mg/Nm ³	77,0	69,0

Ghi chú: - K1: Không khí tại ống thoát khí lò sấy giấy để 1.

- K2: Không khí tại ống thoát khí lò sấy giấy để 2.

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2020

THỬ NGHIỆM VIÊN

Tester

TÓ TRƯỞNG

Team Leader

GIÁM ĐỐC

Đặng Thùy Thương

Lê Thị Lan Anh

Nguyễn Mạnh Hợp



Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.

- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.

- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vincerts 170

- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thầu phụ.

- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở đo khách hàng cung cấp.

BM - 10 - 07 - 02

Trang 1/1

(N^o of pages)



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG THANH HÓA
Thanh Hoa Branch of Standardisation - Metrology and Quality
TRUNG TÂM DỊCH VỤ KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
Thanh Hoa Technical service Centre for Standards and Quality
Địa chỉ: Đường tránh quốc lộ 1A, xã Quảng Thịnh, Thành phố Thanh Hóa
Add: Highway 1A, Quang Thinh commune, Thanh Hoa city
E-mail: todclcl.th@hn.vnn.vn Tel: (02378) 696 636

VIMCERTS 170

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

THE TEST RESULTS

Số (N^o): 133 - TNH(S)/2020

Tên mẫu thử:
(Object)

NƯỚC THẢI

Ký hiệu:
(Notation)

MMT

Số lượng: 01 mẫu.
(Number of)

Khách hàng:
(Customer name)

Hợp tác xã Hà Long.

Cơ sở:
(Establishments)

Xưởng chế biến Lâm sản Hà Long tại
xã Phú Nghiê, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày nhận mẫu: 04/12/2020
(date of receipt)

Thời gian phân tích: 04/12/2020 – 11/12/2020
(Time measurement from)

TT Order (1)	Tên chỉ tiêu Items (2)	Phương pháp thử Test method (3)	Đơn vị tính Unit (4)	Kết quả thử Results (5)
				NT
1 ^a	Màu	TCVN 6185:08	Pt/Co	126,0
2 ^a	pH	TCVN 6492:11	-	8,4
3 ^a	Chất rắn lơ lửng	TCVN 6625:00	mg/l	79,0
4 ^a	Hàm lượng COD	TCVN 6491:99	mg/l	132,0
5 ^a	Hàm lượng BOD ₅	TCVN 6001:08	mg/l	85,8

Ghi chú: - NT: Nước tại bể chứa nước tuần hoàn của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Thanh Hóa, ngày 11 tháng 12 năm 2020

THỬ NGHIỆM VIÊN
Tester

TỔ TRƯỞNG
Team Leader

GIÁM ĐỐC



Đặng Thùy Thương

Lê Thị Lan Anh

Nguyễn Mạnh Hợp

Chú ý: - Phiếu kết quả thử nghiệm không có giá trị khi sao chép từng phần nếu không được sự đồng ý của Vilas 142.

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử.
- Những chỉ tiêu có dấu (*) trong phạm vi công nhận Vilas.
- Những chỉ tiêu có dấu (a) trong phạm vi công nhận Vimecerts 170
- Các chỉ tiêu đánh dấu (b) được thực hiện bởi nhà thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng và tên cơ sở do khách hàng cung cấp.

BM - 10 - 07 - 02

Trang 1/1
(N^o of pages)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINA GREEN			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG			
Ngày tháng năm			
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	NGƯỜI GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ	
		CHUYÊN VIÊN GS	TVGS TRƯỞNG
<i>Trần</i> <i>Lê Anh Tuấn</i>	<i>Khuê</i> <i>Nguyễn Ngọc Kiên</i>		

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
TẬP TRUNG CÔNG SUẤT 300M3/NGÀY.ĐÊM

DỰ ÁN: XƯỞNG CHẾ BIẾN LÂM SẢN HÀ LONG
CHU ĐẦU TƯ: HỢP TÁC XÃ HÀ LONG
ĐỊA CHỈ: XXÃ PHÚ NGHIÊM, HUYỆN QUAN HOÁ, TỈNH THANH HOÁ

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINA GREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP

Tuan

Lê Anh Tuấn

CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

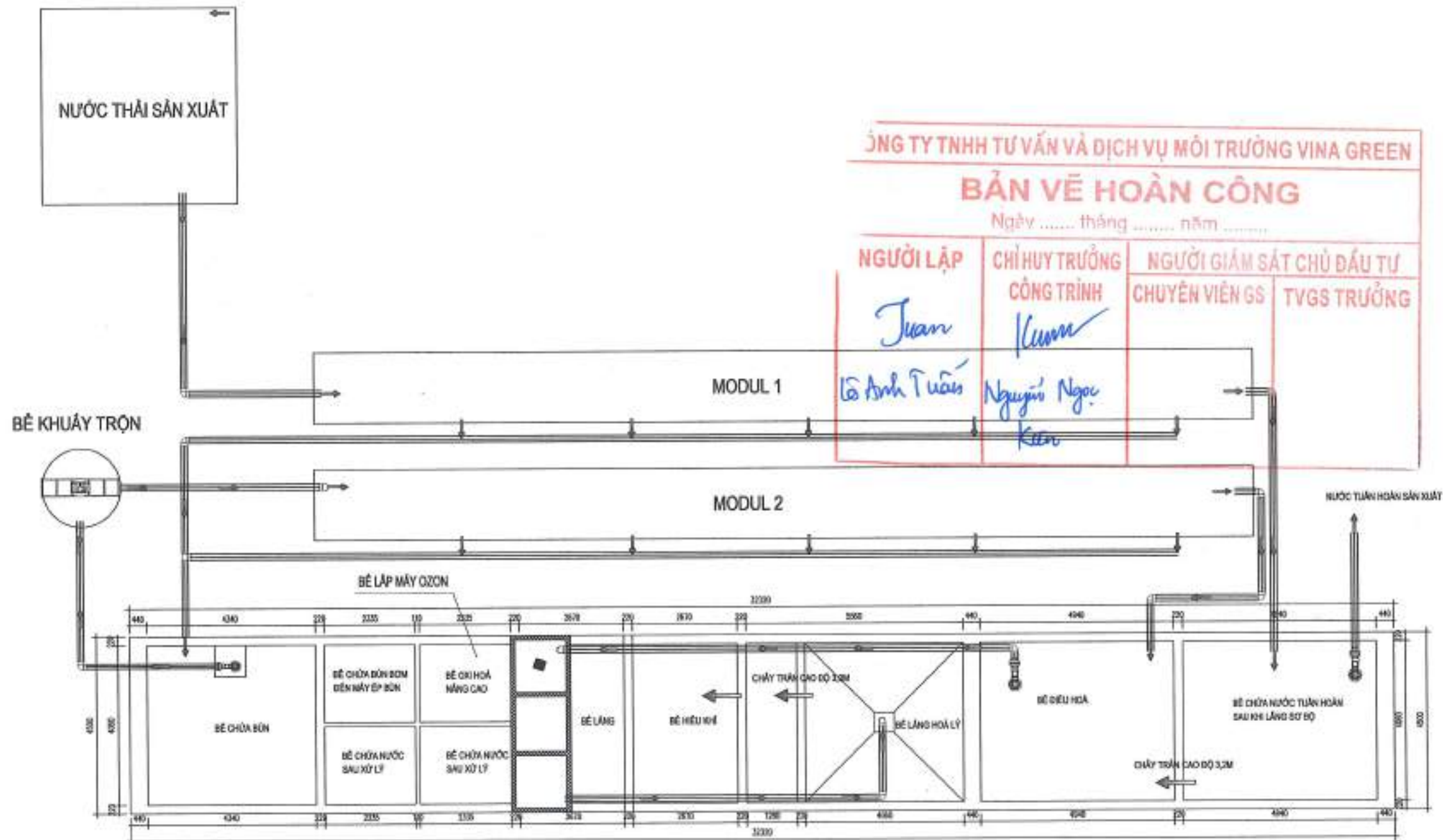
Kuan

*Nguyễn Ngọc
Kien*

NGƯỜI GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ
CHUYÊN VIÊN GS TVGS TRƯỞNG

XÂY DỰNG - CÔNG NGHỆ

MẶT BẰNG CẢI TẠO HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINA GREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP

Tuan

Lê Anh Tuấn

CHỈ HUY TRƯỞNG

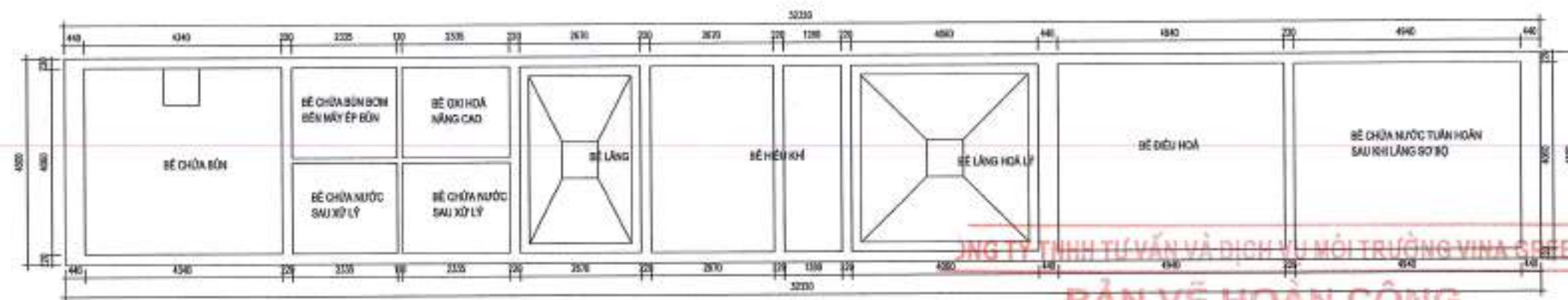
Kiem

Nguyễn Ngọc Kiên

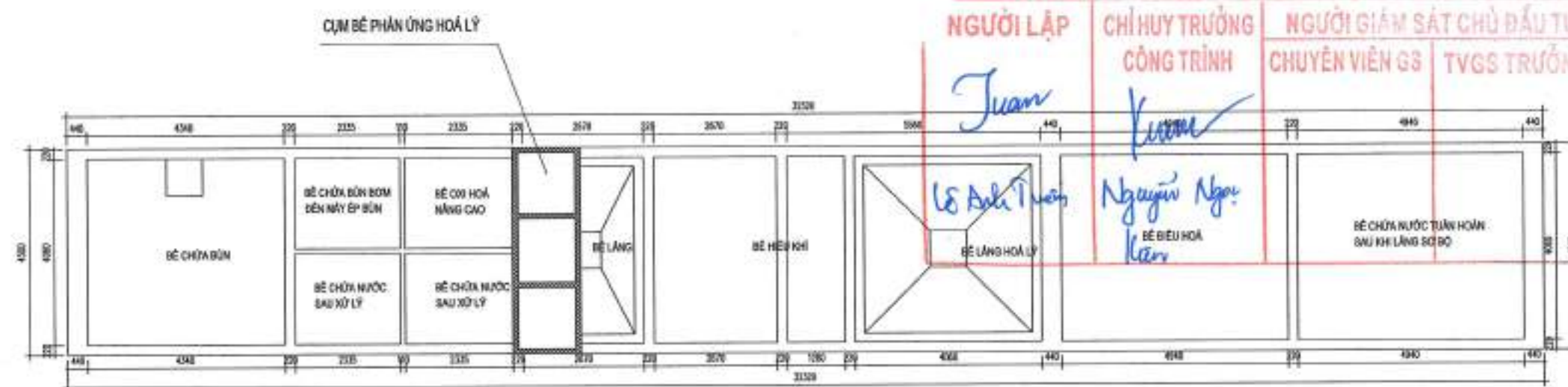
NGƯỜI GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

CHUYÊN VIÊN GS TVGS TRƯỞNG

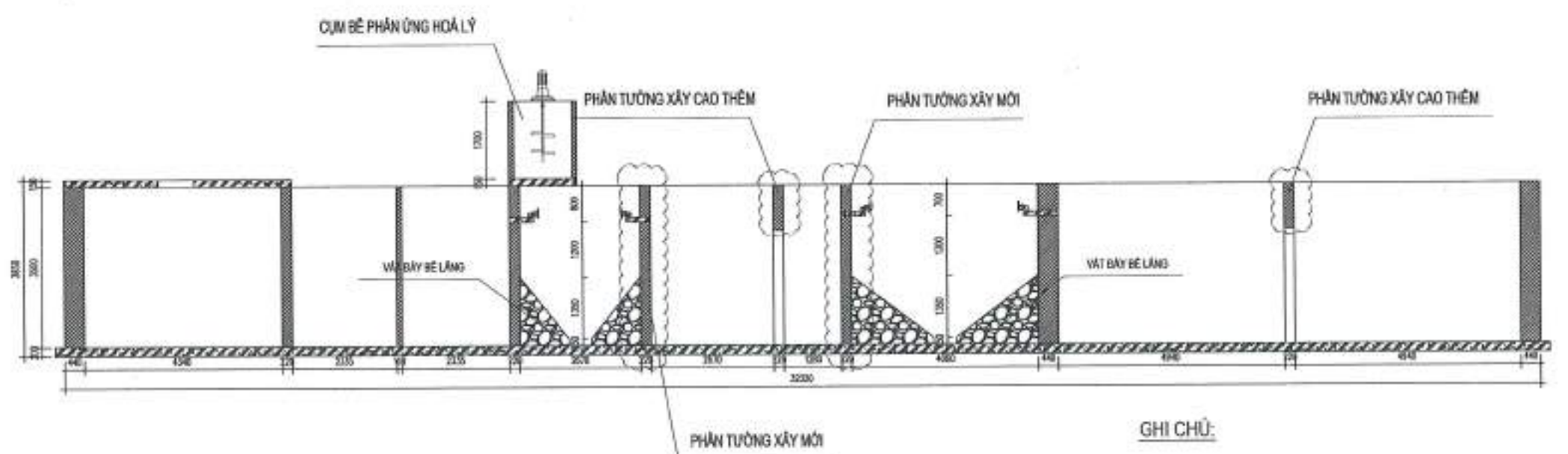
Rev	Description	Issue Date	Check
Tên dự án / Project			
XUỞNG CHẾ BIẾN LÂM SẢN HÀ LONG			
Tên gói thầu / Package			
CẢI TẠO ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XLNT TẬP TRUNG			
CHỦ ĐẦU TƯ			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
ĐỊA CHỈ			
XÃ PHÚ NGHIỆM, HUYỆN QUAN HOÀ, TỈNH THANH HOÁ			
CHẤP THUẬN ACCEPTANCE			
Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ môi trường VINA GREEN CONSULTING COMPANY TINTED AND GREEN ENVIRONMENTAL SERVICES Địa chỉ: 45/45 Đường Nguyễn Đình Trạc, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa Số điện thoại: 0979.91.4456 MỌI MỤYẾT XỬ PHỤ VẬT			
<i>Danh</i> NGUYỄN PHÚC HÙNG			
KIỂM TRA CHECK BY	<i>LT</i> LÊ TRƯỞNG HIẾU		
THẺ HIỆN DRAWN BY	<i>Tuan</i> LÊ ANH TUẤN		
BẢN VẼ SHOP DAWING			
TÊN BẢN VẼ (DRAWING TITLE)			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
NGÀY / DATE			



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINA GREEN
BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 Ngày tháng năm

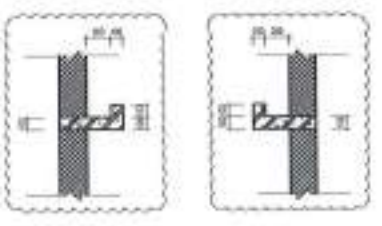


NGƯỜI LẬP: *Juan*
 CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH: *Lê Anh Tuấn*
 NGƯỜI GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ CHUYÊN VIÊN GS: *Nguyễn Ngọc Lan*
 TVGS TRƯỞNG



PHẦN TƯỜNG XÂY CAO THÊM
 PHẦN TƯỜNG XÂY MỚI
 PHẦN TƯỜNG XÂY CAO THÊM
 VẬT DÂY BỂ LĂNG
 VẬT DÂY BỂ LĂNG

PHẦN TƯỜNG XÂY MỚI
 GHI CHÚ:

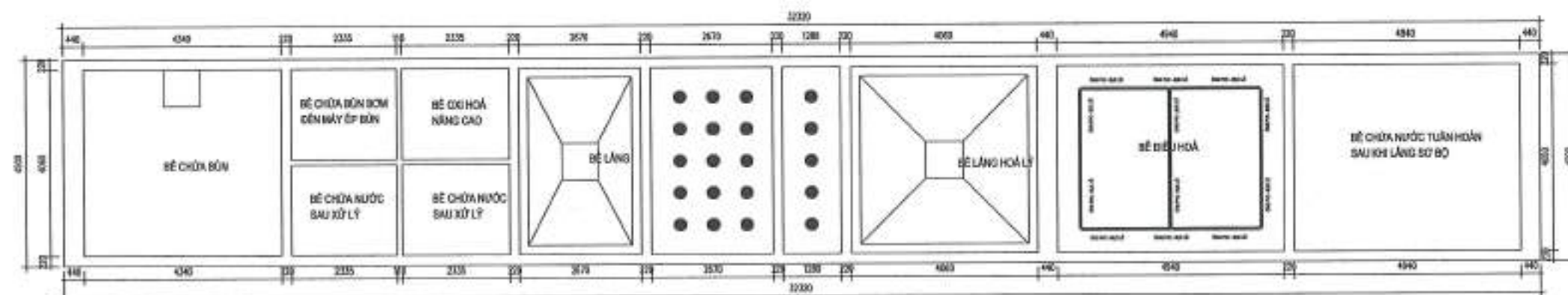


- NHÀ THIẾT LẬP ĐẶT CÔNG NGHỆ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP BẢN VẼ VỊ THÍ, CAO ĐỘ CỦA CÁC ỨNG CHỖ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG VÀM KHUÔN VÁCH BỂ
- NHÀ THIẾT LẬP XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỨNG CHỖ, LỖ CHỖ ĐÓNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THIẾT LẬP CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
- ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI XÂY DỰNG CÁN KẾT HỢP BẢN VẼ CÔNG NGHỆ THƯƠNG QUÁ TRÌNH THI CÔNG
- CBS +0.80 TƯƠNG ỨNG VỚI CUS MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XLNT

Hạng	Description	Issue Date	Check
Tên dự án/ project:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
Tên gói thầu / Package:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
Chủ đầu tư:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
XÃ XUÂN PHÚ, THUYỀN QUAN HÒA, YÊN THẠNH HÒA			
Chấp thuận			
ACCEPTANCE			
Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ môi trường VinaGreen CONSULTING COMPANY LIMITED AND GREEN ENVIRONMENTAL SERVICES VINA Trụ sở: 10/11 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa Địa điểm: 10/11 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Tân Sơn, TP. Thanh Hóa Tỉnh: Thanh Hóa Số điện thoại: 0935714456 Mã số thuế: 0312345678 Người đại diện: <i>Nguyễn Văn Hùng</i>			
NGUYỄN PHÚC HÙNG KIỂM TRA CHECK BY: <i>Lê Trường Hiếu</i> THỰC HIỆN DRAWN BY: <i>Lê Anh Tuấn</i>			
BẢN VẼ SHOP DAWING			
TÊN BẢN VẼ (DRAWING TITLE)			
MẶT CẮT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
NGÀY / DATE			

MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG KHÍ ĐÁY BỂ

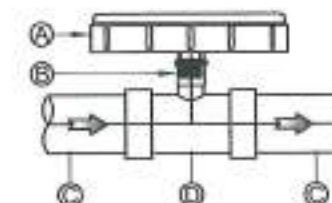
BỂ KHUẤY TRỘN



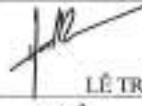
GHI CHŪ:

- NHÀ THẦU LẬP DỰT CÔNG NGHỆ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP BÀN VẼ VỊ THÍ, CAO ĐỘ CỦA CÁC ỨNG CHỖ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG VÁN KHUÔN VÁCH ĐỂ
- NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẬP DỰT ỨNG CHỖ, LỖ CHỖ ĐÚNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
- ĐƠN VỊ THI CÔNG PHÂN XÂY DỰNG CẤM KẾT HỢP BÀN VẼ CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG
- C/S +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI C/S MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠNG XÂY

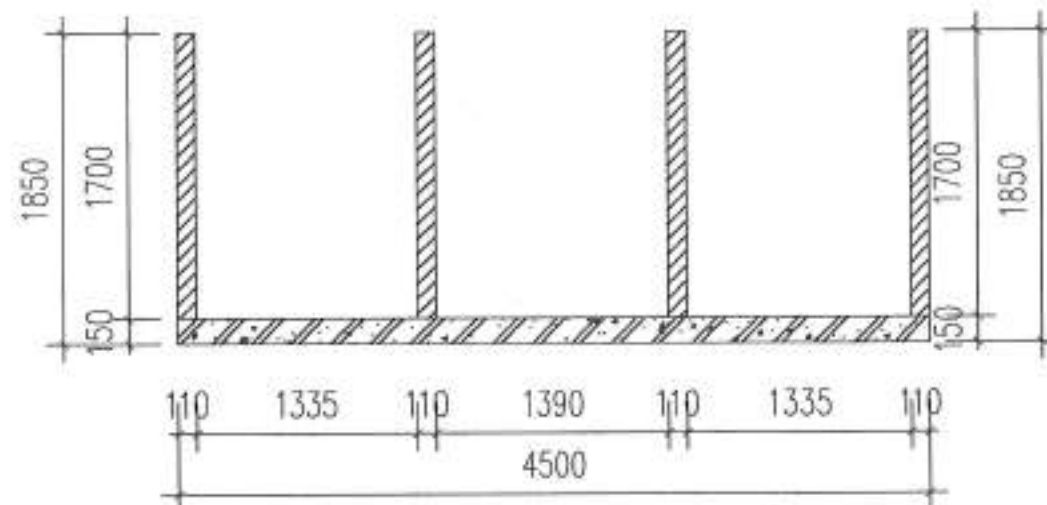
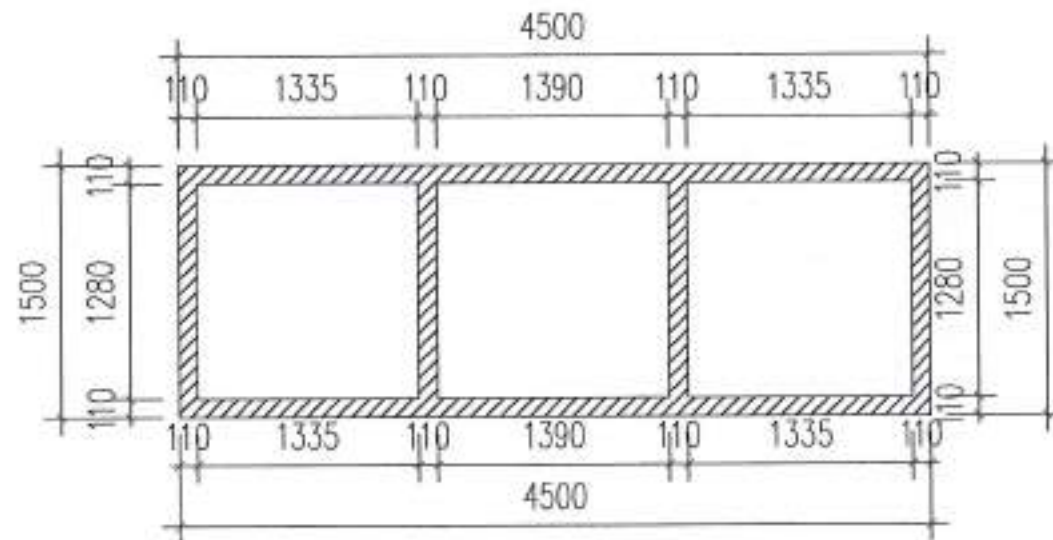
CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA KHÍ



SÂN PHỤC ĐỒN

Rev	Description	Issue Date	Check
Tên dự án/ project:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
Tên gói thầu / Package:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
CHỦ ĐẦU TƯ:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
XÃ XUÂN PHÚ, HUYỆN QUAN HOÀ, TỈNH THANH HÓA			
CHẤP THUẬN ACCEPTANCE			
 VINA GREEN Số văn: 02475/HĐĐT Nguyễn Trung Trực, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa Địa chỉ: Nguyễn Trung Trực street, Tân Sơn district, Thanh Hóa city Số điện thoại/ phone number: 0175714455 PHÉ DUYỆT VINA GREEN Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ môi trường VinaGreen CONSULTING COMPANY TIMTED AND GREEN ENVIRONMENTAL SERVICES VINA  NGUYỄN PHÚC HƯNG			
KIỂM TRA CHECK BY	 LÊ TRƯỜNG HIẾU		
THỂ HIỆN DRAWN BY	 LÊ ANH TUẤN		
BẢN VẼ SHOP DAWING			
TÊN BẢN VẼ (DRAWING TITLE)			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
NGÀY / DATE:			

CHI TIẾT CỤM BỂ PHẢN ỨNG HOÁ LÝ



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINA GREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

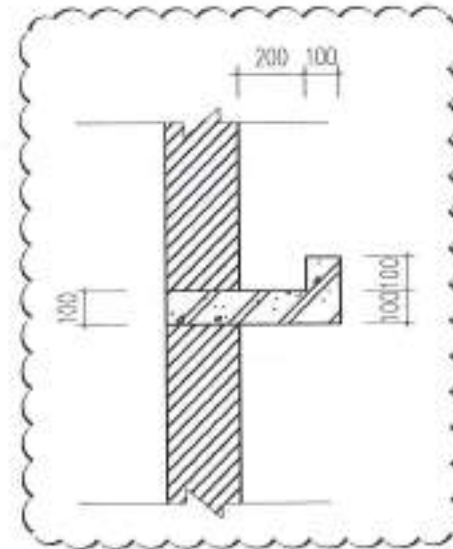
NGƯỜI LẬP	CHỈ HUY TRƯỞNG CÔNG TRÌNH	NGƯỜI GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ	
<i>Tuan</i>	<i>Kien</i>	CHUYÊN VIÊN GS	TVGS TRƯỞNG
<i>Lê Anh Tuấn</i>	<i>Nguyễn Ngọc Kiên</i>		

GHI CHÚ:

- NHÀ THẦU LẮP ĐẶT CÔNG NGHỆ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP BẢN VẼ VỊ TRÍ, CAO ĐỘ CỦA CÁC ỐNG CHỜ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG VÁN KHUÔN VÁCH BỂ
- NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỐNG CHỜ, LỖ CHỜ ĐÚNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
- ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẦN XÂY DỰNG CẦN KẾT HỢP BẢN VẼ CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG
- COS +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XLNT

Rev:	Description:	Issue Date:	Check:
Tên dự án/Project:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
Tên gói thầu/Package:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
CHỦ ĐẦU TƯ:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
XÃ QUẬN PHÚ, HUYỆN QUAN HÒA, TỈNH THANH HÓA			
CHẤP THUẬN ACCEPTANCE			
Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ môi trường VinaGreen CONSULTING COMPANY LIMITED AND GREEN ENVIRONMENTAL SERVICES VINA Địa chỉ: 04/1 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Tân Sơn, Tp Thanh Hóa Axi: 0140 Nguyễn Trung Trực Street, Tân Sơn District, Thanh Hóa Số đăng ký kinh doanh: 0915714456 NGƯỜI CHẤP THUẬN APPROVAL: <i>Danh</i> NGUYỄN PHÚC HÙNG			
KIỂM TRA CHECK BY:	<i>Lê Tuấn Hiếu</i> LÊ TRUẦN HIẾU		
THẺ BẰN DRAWN BY:	<i>Tuan</i> LÊ ANH TUẤN		
BẢN VẼ SHOP DAWING			
TÊN BẢN VẼ (DRAWING TITLE)			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
NGÀY / DATE:			

CHI TIẾT MĂNG RĂNG CỬA



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG VINA GREEN

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP

Tuan

Lê Anh Tuấn

GHI CHÚ:

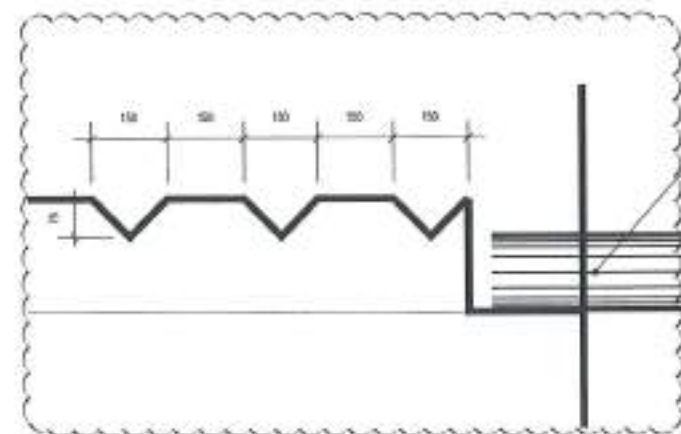
CHỈ HUY TRƯỞNG
CÔNG TRÌNH

Kiem

Nguyễn Ngọc
Kiến

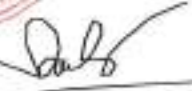
NGƯỜI GIÁM SÁT CHỦ ĐẦU TƯ

CHUYÊN VIÊN GS TVGS TRƯỞNG

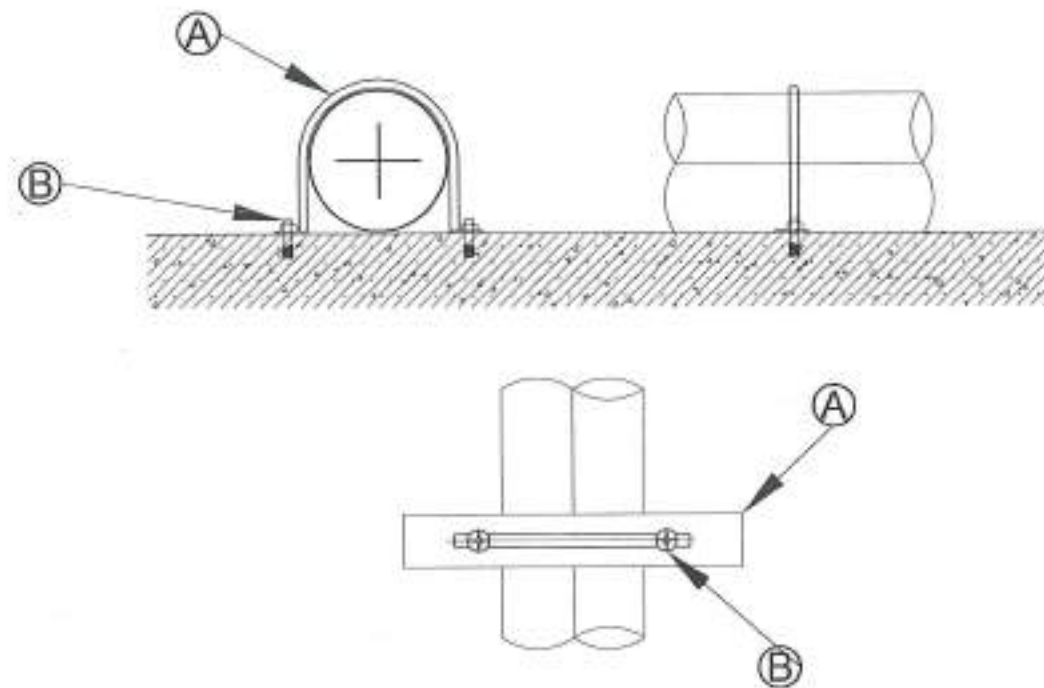


ỐNG CHẢY TRẦN

- NHÀ THẦU LẮP ĐẶT CÔNG NGHỆ CÓ TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP BẢN VẼ VỊ TRÍ, CAO ĐỘ CỦA CÁC ỐNG CHỜ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG VÁN KHUÔN VÁCH BẾ
- NHÀ THẦU XÂY DỰNG CÓ TRÁCH NHIỆM THI CÔNG LẮP ĐẶT ỐNG CHỜ, LỖ CHỜ ĐÚNG VỚI BẢN VẼ DO NHÀ THẦU CÔNG NGHỆ CUNG CẤP
- ĐƠN VỊ THI CÔNG PHẢI XÂY DỰNG CÁN KẾT HỢP BẢN VẼ CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH THI CÔNG
- COS +0.00 TƯƠNG ỨNG VỚI COS MẶT ĐẤT (QUY ƯỚC) TẠI TRẠM XLNT

Rev	Description	Issue Date	Check
Tên dự án/ project			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
Tên gói thầu /Package			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
CHỦ ĐẦU TƯ:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
XÃ XUÂN PHÚ, HUYỆN QUAN HOÀ, TỈNH THANH HÓA			
CHẤP THUẬN ACCEPTANCE			
 Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ môi trường VinaGreen CONSULTING COMPANY LIMITED AND GREEN ENVIRONMENTAL SERVICES VINA Địa chỉ: 63/95 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa Mã số thuế: 03123456789, Tờ khai thuế: 03123456789, Tờ khai thuế: 03123456789 Số điện thoại: 0975 714438 PHÉP DUYỆT APPROVAL  NGUYỄN PHÚC HƯNG			
KIỂM TRA CHECK BY	 LÊ TRƯỜNG HIẾU		
THẺ HIỆN DRAWN BY	 LÊ ANH TUẤN		
BẢN VẼ SHOP DAWING			
TÊN BẢN VẼ (DRAWING TITLE)			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
NGÀY / DATE:			

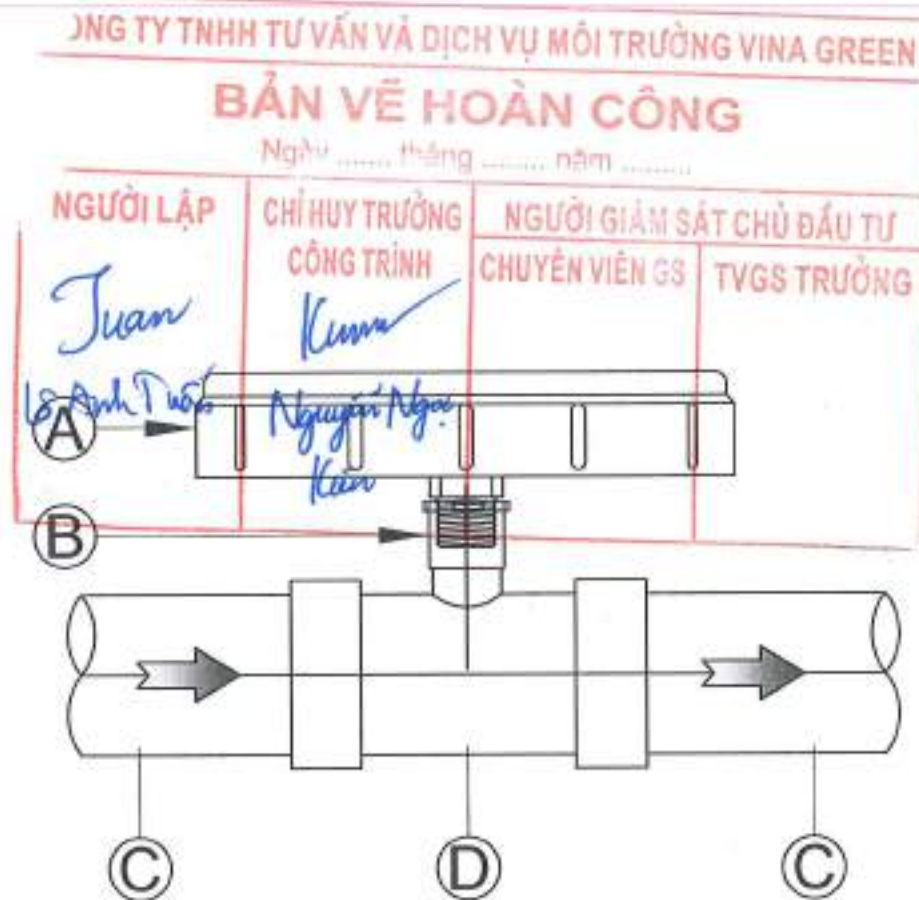
CHI TIẾT LẮP ĐẶT GIÁ ĐỖ ỐNG KHÍ ĐÁY BỂ

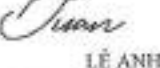


Ⓐ ĐAI ÔM INOX

Ⓑ NỖ NHỰA + VÍT INOX

CHI TIẾT LẮP ĐẶT ĐĨA KHÍ



Rev	Description	Issue Date	Check
Tên dự án/ project:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
Tên gói thầu / Package:			
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
CHỦ ĐẦU TƯ:			
HỢP TÁC XÃ HÀ LONG			
XÃ XUÂN PHÚ, HUYỆN QUAN HOÀ, TỈNH THANH HÓA			
CHẤP THUẬN ACCEPTANCE:			
 Công ty TNHH Tư vấn và Dịch vụ môi trường VinaGreen CONSULTING COMPANY LIMITED AND GREEN ENVIRONMENTAL SERVICES VINA Địa chỉ: 63/45 Đường Nguyễn Trung Trực, phường Tân Sơn, TP Thanh Hóa Add: 63/45 Nguyễn Trung Trực street, Tân Sơn district, Thanh Hóa city Số điện thoại/ phone number: 0935714456 			
 NGUYỄN PHÚC HƯNG			
KIỂM TRA CHECK BY	 LÊ TRƯỜNG HIẾU		
VẼ THIÊN DRAWN BY	 LÊ ANH TUẤN		
BẢN VẼ SHOP DAWING			
TÊN BẢN VẼ (DRAWING TITLE)			
MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI			
NGÀY / DATE:			